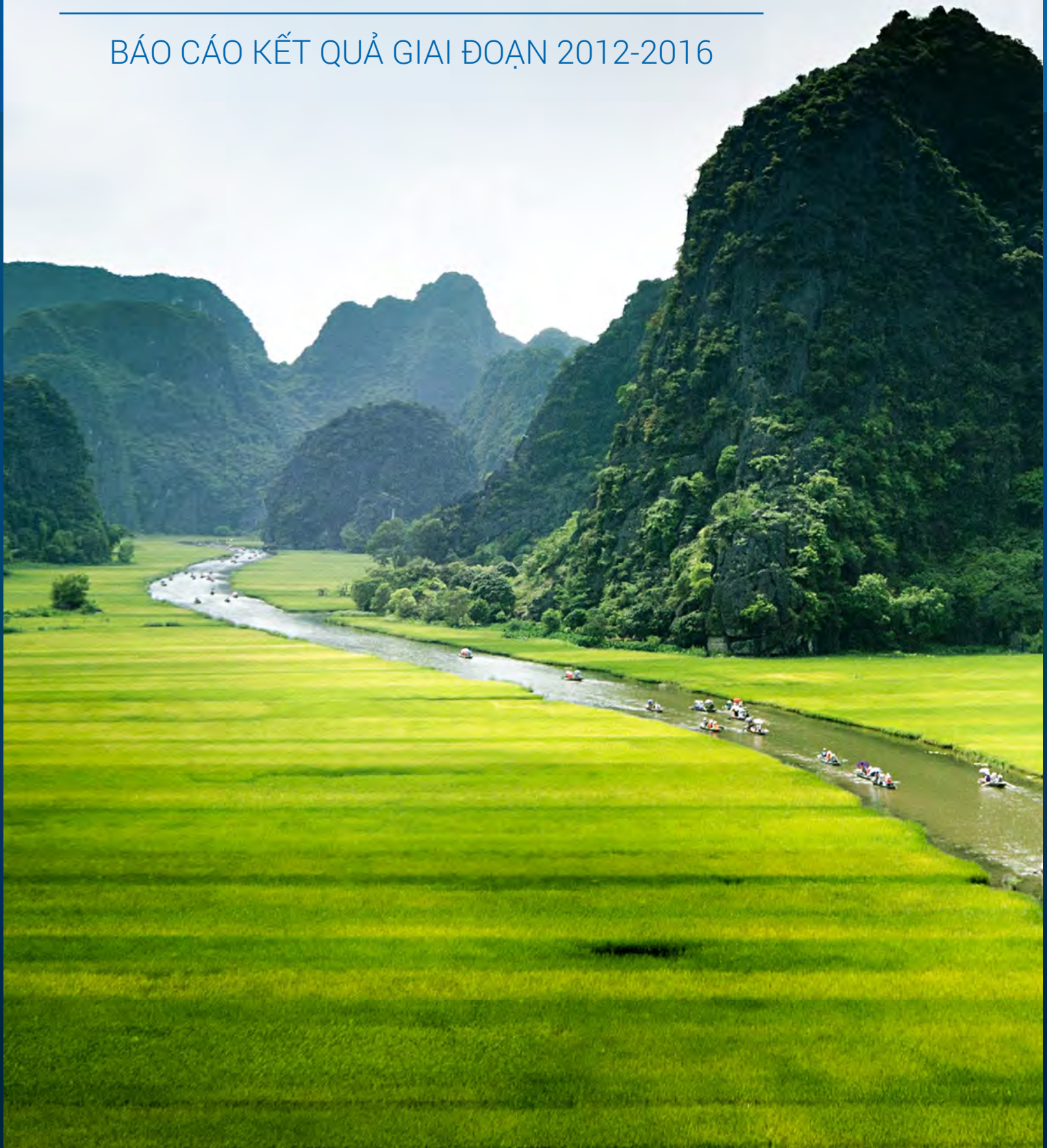




# THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG

---

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAI ĐOẠN 2012-2016





## Lời mở đầu của Điều phối viên Liên hợp quốc

Kế hoạch Chung 2012-2016 được thiết kế nhằm hỗ trợ và định hướng việc chuyển đổi của hệ thống LHQ tại Việt Nam vốn đã bắt đầu thực hiện trong một thập kỷ vừa qua, thay đổi vai trò nói chung của LHQ cũng như thay đổi cách thức LHQ mang lại các kết quả theo một phương thức hiệu quả hơn và thống nhất hơn. Để hỗ trợ tốt nhất cho Việt Nam trong ứng phó với những thách thức cụ thể mà một nước thu nhập trung bình thấp gặp phải, LHQ đã nhấn mạnh việc chuyển đổi bản chất hỗ trợ của mình sang tập trung vào đối thoại và tư vấn chính sách cấp cao nhằm tăng cường tăng trưởng xanh và toàn diện hơn, đảm bảo mọi người dân được tiếp cận với tất cả các dịch vụ cơ bản có chất lượng, cải thiện hoạt động của khu vực công cũng như mở rộng sự tham gia của người dân nhằm quản trị công tốt hơn.

Trong giai đoạn này, khi Việt Nam đã đạt và thậm chí vượt mức phần lớn các Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDGs) với hỗ trợ của LHQ, LHQ đã giúp đỡ Việt Nam chuẩn bị chuyển giao từ MDGs sang Chương trình nghị sự 2030 thể hiện qua các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Đồng thời các cơ quan LHQ tiếp tục tập trung vào các mục tiêu MDG chưa hoàn tất, đặc biệt chú ý ở cấp địa phương nhằm giải quyết những quan ngại ngày càng gia tăng về bất bình đẳng ở các cấp khác nhau trong xã hội và đảm bảo phân phối bình đẳng những thành quả kinh tế đã đạt được. Tính dễ bị tổn thương vẫn phổ biến do đói nghèo dai dẳng ở người dân tộc thiểu số và ở một số khu vực địa lý cụ thể. Phần đông dân số vẫn hoạt động trong khu vực phi chính thức và chỉ sống trên mức nghèo một chút, khiến họ đặc biệt dễ bị tổn thương trước các cú sốc kinh tế hoặc các cú sốc khác. Đồng thời, thiên tai và các yếu tố thời tiết cực đoan cũng như việc sử dụng và khai thác tài nguyên đôi khi không phù hợp đang tàn phá những kết quả phát triển mà rất khó khăn mới đạt được.

Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình thấp năm 2010 và điều này đã dẫn đến những thay đổi về cách thức phát triển cũng như hình thức tài trợ tài chính cho phát triển trong tương lai với việc sụt giảm đáng kể nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch Chung của LHQ giai đoạn 2012-2016, nhiều nhà tài trợ chính cho Việt Nam đã giảm quy mô tham gia và hỗ trợ tài chính cho quốc gia. Điều này đã buộc LHQ phải liên tục phân tích kỹ lưỡng nguồn tiền tài trợ tiềm năng trong tương lai. Đồng thời LHQ cũng đã nhấn mạnh vai trò của mình là bên cung cấp tư vấn phát triển cho chính phủ. LHQ đã chứng tỏ giá trị của mình không chỉ đơn thuần là một nhà tài trợ mà quan trọng hơn còn cung cấp tư vấn nội dung chương trình cũng như hỗ trợ xây dựng mạng lưới và là nguồn cung cấp chính những kinh nghiệm quốc tế.

Giai đoạn 2012-2016 là “Thế hệ thứ 2” của sáng kiến Thống nhất hành động (DaO) ở Việt Nam. Chính phủ Việt Nam tiếp tục thể hiện vai trò lãnh đạo xuất sắc trong thực hiện sáng kiến DaO, với sự hỗ trợ của mối quan hệ ba bên mạnh mẽ giữa Chính phủ, hệ thống LHQ và các đối tác phát triển quốc tế. LHQ tại Việt Nam vẫn tiếp tục dẫn đầu trên toàn cầu về cải cách LHQ tại cấp quốc gia, cố gắng tìm ra các cách tiếp cận sáng tạo nhằm mang lại kết quả khi các cơ quan LHQ phối hợp chặt chẽ với nhau hơn trong 6 trụ cột của DaO (Lãnh đạo chung, Kế hoạch Chung, Ngân sách chung, Tiếng nói chung, Ngôi nhà Chung Xanh LHQ và Vận hành chung). Hai trong số nhiều điểm nhấn của DaO trong giai đoạn này là việc Tổng thư ký LHQ cùng Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh khai trương Ngôi nhà Chung Xanh LHQ vào tháng 5/2015 và kỷ niệm 70 năm thành lập LHQ vào tháng 10/2015. LHQ cũng đã đóng góp tích cực cho sự phát triển của quy tắc vận hành chuẩn trên toàn cầu (SOPs) dành cho các quốc gia dự tính áp dụng cách tiếp cận DaO do Nhóm phát triển LHQ (UNDG) ban hành vào tháng 8/2014.

Trong tương lai, hệ thống LHQ sẽ dựa trên những thành quả lớn lao tại Việt Nam để tăng cường hơn nữa cách tiếp cận tích hợp, sâu sắc và trên toàn hệ thống nhằm đạt tầm nhìn tham vọng trong Chương trình nghị sự 2030 thông qua Kế hoạch chiến lược 2017-2021 (OSP). OSP đã được xây dựng dựa trên những thông tin định hướng về khả năng dễ bị tổn thương trong khuôn khổ Mục tiêu phát triển bền vững, các bài học rút ra từ thành công cũng như những thách thức còn lại của chương trình nghị sự Mục tiêu Thiên niên kỷ.

Mục đích của báo cáo này nhằm trình bày những kết quả chương trình và vận hành mà hệ thống LHQ đã đạt được ở Việt Nam trong giai đoạn 2012-2016. Chương 1 của báo cáo trình bày về bối cảnh phát triển trong đó sáng kiến DaO và Kế hoạch Chung 2012-2016 đã được thực hiện. Chương 2 tập trung vào các kết quả chương trình đã đạt được, chủ yếu thông qua các câu chuyện minh họa. Chương 3 đưa ra thông tin chi tiết về tình hình tài chính của hệ thống LHQ tại Việt Nam và Chương 4 báo cáo về các kết quả đạt được trong 4 trụ cột khác của DaO. Chương 5 đưa ra quan điểm trong tương lai về nội dung LHQ ở Việt Nam sẽ sử dụng kinh nghiệm và chuyên môn như thế nào để hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong Kế hoạch chiến lược sắp tới cho giai đoạn 2017-2021.



Kamal Malhotra

Điều phối viên thường trú LHQ

# Các cơ quan LHQ tại Việt Nam



Empowered lives.  
Resilient nations.



# Mục lục

TỪ VIẾT TẮT	vii
<b>CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016</b>	<b>1</b>
Bối cảnh phát triển chung ở Việt Nam giai đoạn 2012-2016	3
Các thách thức phát triển chính trong giai đoạn 2012-2016	5
<b>CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016</b>	<b>10</b>
Giới thiệu	11
Ưu tiên chiến lược của LHQ: Kế hoạch Chung 2012-2016	12
Cấu trúc Kế hoạch Chung 2012-2016	13
Báo cáo về kết quả	15
Lĩnh vực tập trung 1 – Tăng trưởng bền vững, bao trùm và bình đẳng	16
Giới thiệu	16
Kết quả 1.1. Các chính sách phát triển dựa vào bằng chứng	17
Kết quả 1.2. Cơ hội việc làm tốt	21
Kết quả 1.3. Quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu	24
Kết quả 1.4. Nguồn lực tự nhiên và quản lý môi trường	27
Lĩnh vực tập trung 2 – Tiếp cận với các dịch vụ cơ bản có chất lượng và an sinh xã hội	32
Giới thiệu	32
Kết quả 2.1. An sinh xã hội	34
Kết quả 2.2. Y tế	37
Kết quả 2.3. Giáo dục và đào tạo	42
Kết quả 2.4. HIV và vấn đề Giới	45
Lĩnh vực tập trung 3 – Tăng cường quản trị công và sự tham gia	52
Giới thiệu	52
Kết quả 3.1. Cơ quan dân cử	53
Kết quả 3.2. Hệ thống luật pháp	56
Kết quả 3.3. Chất lượng hoạt động khu vực công	59
Kết quả 3.4. Sự tham gia	62
Thực hiện Kế hoạch Chung 2012-2016 – Bài học kinh nghiệm	65
<b>CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016</b>	<b>69</b>
Ngân sách chung 2012-2016	70
Quỹ Kế hoạch Chung II (2012-2016)	76
Phân bổ Quỹ Kế hoạch chung 2012-2016 tới các cơ quan LHQ	78

# Mục lục

<b>CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG</b>	<b>82</b>
Chuyển về Ngôi nhà Chung Xanh LHQ	85
Bộ quy tắc quản lý chung	87
Lãnh đạo chung	89
Tiếng nói chung	90
<b>CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI</b>	<b>92</b>
Chương trình nghị sự 2030 và sự cần thiết của quan hệ đối tác	93
Hỗ trợ phát triển của LHQ dành cho Việt Nam	94
Kế hoạch chiến lược 2017-2021	95
Ngân sách cho LHQ tại Việt Nam 2017-2021	96
Thế hệ Thống nhất hành động thứ ba	98

## Từ viết tắt

AIDs	Hội chứng suy giảm miễn dịch
ARVs	Thuốc kháng virus HIV
CRC	Công ước về quyền trẻ em
CSOs	Các tổ chức xã hội dân sự
DaO	Thống nhất hành động
EU	Liên minh châu Âu
FAO	Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc
FSW	Gái mại dâm
GBV	Bạo hành giới
GHG	Khí thải gây hiệu ứng nhà kính
GOUNH	Ngôi nhà Chung Xanh LHQ
GoV	Chính phủ Việt Nam
GSO	Tổng cục Thống kê
HACT	Cách tiếp cận hài hòa hóa về chuyển tiền
HCMC	Thành phố Hồ Chí Minh
HIV	Virus suy giảm miễn dịch ở người
HPPMG	Hướng dẫn hài hòa hóa về quản lý dự án và chương trình
IFAD	Quỹ Phát triển Nông nghiệp quốc tế
ILO	Tổ chức Lao động quốc tế
IOM	Tổ chức Di cư quốc tế
ITC	Trung tâm Thương mại quốc tế
JPGs	Các nhóm chương trình chung
LGBTI	Đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới và lưỡng tính
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
MDG	Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ
MIC	Nước có thu nhập trung bình
MoET	Bộ Giáo dục và Đào tạo
MoF	Bộ Tài chính
MoH	Bộ Y tế
MoJ	Bộ Tư pháp
MoLISA	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
MPS	Bộ Công an
MPSAR	Quy hoạch tổng thể về trợ giúp xã hội tới 2030
MPTF	Quỹ tín thác đa biên
MSM	Đàn ông có quan hệ tình dục với đàn ông



> MỤC LỤC

> TỪ VIẾT TẮT

> CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016

> CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG

> CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Từ viết tắt

NAMAs	Hành động giảm thiểu phù hợp với quốc gia
NGO	Tổ chức phi chính phủ
ODA	Viện trợ phát triển chính thức
OPF	Quỹ Kế hoạch Chung
OSSs	Một cửa
PAPI	Chỉ số chất lượng hoạt động hành chính công
PSPMOs	Các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và quần chúng
PWID	Người tiêm chích ma túy
QCPR	Đánh giá chính sách tổng hợp 4 năm một lần
RBM	Quản lý dựa trên kết quả
REDD+	Phát thải giảm do phá rừng và suy giảm rừng
SDGs	Các mục tiêu phát triển bền vững
SEDP	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
SEDS	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội
SOPs	Quy tắc vận hành chuẩn
TPP	Quan hệ đối tác xuyên Thái Bình Dương
UN	Liên hợp quốc (LHQ)
UN Women	Cơ quan bình đẳng giới và trao quyền cho nữ giới của LHQ
UNAIDS	Chương trình HIV/AIDS của LHQ
UNCT	Các cơ quan LHQ tại quốc gia
UNDP	Chương trình Phát triển LHQ
UNEP	Chương trình Môi trường LHQ
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa LHQ
UNFCC	Công ước khung về biến đổi khí hậu của LHQ
UNFPA	Quỹ Dân số LHQ
UN-Habitat	Chương trình Định cư con người LHQ
UNICEF	Quỹ Nhi đồng LHQ
UNIDO	Tổ chức Phát triển Công nghiệp LHQ
UNODC	Văn phòng chống ma túy và tội phạm LHQ
UNV	Cơ quan tình nguyện viên LHQ
UPR	Đánh giá định kỳ toàn cầu
VNW+	Mạng lưới phụ nữ có HIV ở Việt Nam
WASH	Nước, vệ sinh và môi trường
WHO	Tổ chức y tế thế giới



> MỤC LỤC

> TỪ VIẾT TẮT

> CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016

> CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG

> CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



# CHƯƠNG 1

## Bối cảnh phát triển của Việt Nam giai đoạn 2012-2016

Bối cảnh phát triển chung ở Việt Nam giai đoạn 2012-2016

3

Các thách thức phát triển chính trong giai đoạn 2012-2016

5



> MỤC LỤC

> TỪ VIẾT TẮT

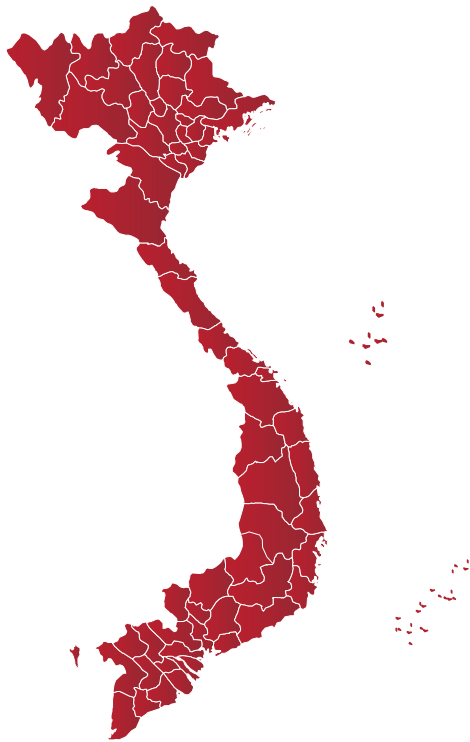
> CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016

> CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG

> CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể về kinh tế và xã hội trong ba thập kỷ qua và đạt được hầu hết các Mục tiêu thiên niên kỷ (MDGs) vào năm 2015. Vai trò của LHQ và cách thức LHQ hỗ trợ Việt Nam trong hai thập kỷ qua đã thay đổi, chuyển từ hỗ trợ tái hòa nhập quốc gia với toàn cầu sang tập trung cung cấp dịch vụ trong những năm 1990 và 2000, theo đó nhấn mạnh xây dựng năng lực, điều phối và huy động nguồn lực và gần đây chuyển sang tập trung hơn vào hỗ trợ kỹ thuật và tăng cường cung cấp dịch vụ công. Việc chuyển đổi này đã diễn ra với việc nhấn mạnh về quyền và các dịch vụ tư vấn chính sách dựa trên các chuẩn mực quốc tế và hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng vốn được đề cập trong các tiêu chuẩn quốc tế và các thông lệ tốt nhất.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Bối cảnh phát triển chung ở Việt Nam giai đoạn 2012-2016

Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình thấp năm 2010 và đây là kết quả của tăng trưởng kinh tế cao và giảm nghèo trong hai thập kỷ. Trong giai đoạn 2012-2016, khi sáng kiến Thống nhất hành động (DaO) thế hệ thứ hai được thực hiện ở Việt Nam, nền kinh tế vĩ mô của quốc gia đã được ổn định sau một thời gian bất ổn do lạm phát tăng, nợ công và thâm hụt vãng lai tăng và kinh tế đã tăng trưởng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy giảm. Thành công này là do các chính sách tài khóa và tiền tệ thắt chặt của Chính phủ Việt Nam (Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011) đã giảm lạm phát từ 18,5 năm 2011 xuống khoảng 9 % năm 2012, giảm tiếp còn ít hơn 1% trong năm 2015 và 4 % trong năm 2016. Về tăng trưởng kinh tế, Việt Nam gặp suy thoái và tăng trưởng ở mức thấp nhất trong vòng một thập kỷ vào năm 2012 (5,2 %), sau đó tăng dần vào năm 2013 và đạt mức tăng trưởng 6,2 % trong năm 2016. Các đầu tàu kinh tế gặp khó khăn đã đẩy một loạt doanh nghiệp vào thế khó và buộc phải thu hẹp quy mô hoặc ngừng hoạt động, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản, chứng khoán và ngân hàng. Để giải quyết tình trạng này, tái cơ cấu đã được thực hiện trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngân hàng.



- MỤC LỤC
- TỪ VIẾT TẮT
- CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Về chính trị, Việt Nam đã phát triển và thực hiện một số tiến trình quan trọng trong giai đoạn 2012-2016, trong đó bao gồm tham vấn lấy ý kiến người dân về dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992. Chính phủ cũng tiến hành đánh giá giữa kỳ việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (SEDP) 2011-2015; Kế hoạch Chung của LHQ giai đoạn 2012-2016 được xây dựng thống nhất với bản SEDP này. Ngoài ra, hội nhập quốc tế đạt được những tiến bộ lớn lao nhằm mở rộng cơ hội kinh tế và thực hiện chính sách ngoại giao độc lập và tự chủ. Tháng 11 năm 2013, Việt Nam được bầu vào Ủy ban nhân quyền giai đoạn 2014-2016 và kể từ khi tham gia ủy ban, Quốc hội ngày càng tích cực theo dõi những đề xuất liên quan tới nhân quyền đã được đưa ra với chính phủ (thông qua vòng 3 của Đánh giá định kỳ toàn cầu (UPR) vào tháng 2/2014).

Về ưu tiên mở rộng và đa dạng hóa thị trường, Việt Nam đã ký nhiều hiệp định thương mại khác nhau như các hiệp định thương mại tự do (FTAs) với Chile (2012), liên minh thuế quan gồm Nga-Belarus-Kazakhstan (2014), Hàn Quốc (2015) và liên minh kinh tế Á Âu (EAEU) (2015). Việt Nam cũng gia nhập Hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu (EU) (EFTA) cũng như hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN tháng 12/2015. Năm 2015 cũng là năm Việt Nam được bầu vào Hội đồng kinh tế - xã hội của LHQ (ECOSOC) gồm 54 thành viên trong giai đoạn 2016-2018.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Các thách thức phát triển chính trong giai đoạn 2012-2016

Mặc dù đã đạt được những thành tựu ấn tượng, bối cảnh phát triển ở Việt Nam vẫn gặp những thách thức lớn. Một trong những thách thức chính là xây dựng một mô hình tăng trưởng bao trùm trong đó những người nghèo “còn lại” (chủ yếu là người dân tộc thiểu số) sẽ được hưởng lợi. Đây là những người chưa được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế và khá khó tiếp cận do vị trí địa lý cô lập; do vậy họ bị hạn chế trong tiếp cận với giáo dục, cơ hội việc làm và chăm sóc y tế có chất lượng. Việt Nam cũng gặp phải những hình thức mới của đói nghèo đa chiều. Kinh tế trong nước suy thoái sau khủng hoảng tài chính toàn cầu và sự thay đổi nhanh chóng về cơ cấu dân số đã khiến lượng người nghèo đô thị gia tăng, đặc biệt ở nhóm dân di cư và người lao động trong khu vực phi chính thức. Sự xuất hiện của “nhóm thu nhập trung bình bị sao lãng” do hệ thống an sinh xã hội phân tán đòi hỏi có sự quan tâm hơn. Hệ thống an sinh xã hội chủ yếu hỗ trợ người làm công trong khu vực chính thức và có một lượng trợ cấp xã hội hạn chế dành cho những người nghèo nhất và những người không nằm trong khu vực chính thức. Do vậy, nhóm này phải cố gắng để tiếp cận bảo hiểm xã hội tự nguyện vì họ không đủ nghèo để nhận được trợ giúp xã hội do nhà nước chi trả.

Do vị trí địa lý, Việt Nam rất dễ bị tổn thương trước những rủi ro liên quan tới khí hậu và các thảm họa thiên tai – đặc biệt ở các khu vực dọc theo bờ biển và miền núi. Trong thời gian 2012-2016, Việt Nam tiếp tục gặp phải những đợt bão, lũ, hạn hán và xâm nhập mặn nghiêm trọng. Do vậy, chính phủ tiếp tục quan



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



tâm tới các cú sốc liên quan tới khí hậu và thiên tai gia tăng cũng như tốc độ tăng nhanh về nhu cầu năng lượng, khí thải gây hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm liên quan. Chính phủ tập trung nỗ lực nhiều hơn nhằm giảm suy thoái môi trường, cùng với mở rộng sản xuất xanh và thúc đẩy các mô hình kinh doanh bền vững và hiệu quả về năng lượng nhằm đảm bảo phát triển bền vững và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Trong giai đoạn báo cáo này, Chính phủ đã cởi mở hơn và tham vấn các tổ chức xã hội dân sự (CSOs). Tuy nhiên, cơ hội để công chúng tham gia trong các quyết định chính sách còn thấp vì quyền tự do ngôn luận và các hiệp hội vẫn là thách thức và trong khi số lượng các CSOs đã tăng lên nhưng các tổ chức này hoạt động trong một môi trường hạn chế và chưa có khung pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của họ. Vì vậy, đảm bảo tiếng nói của công dân được lắng nghe đầy đủ và tạo môi trường cho xã hội dân sự ở Việt Nam tiếp tục là thách thức.

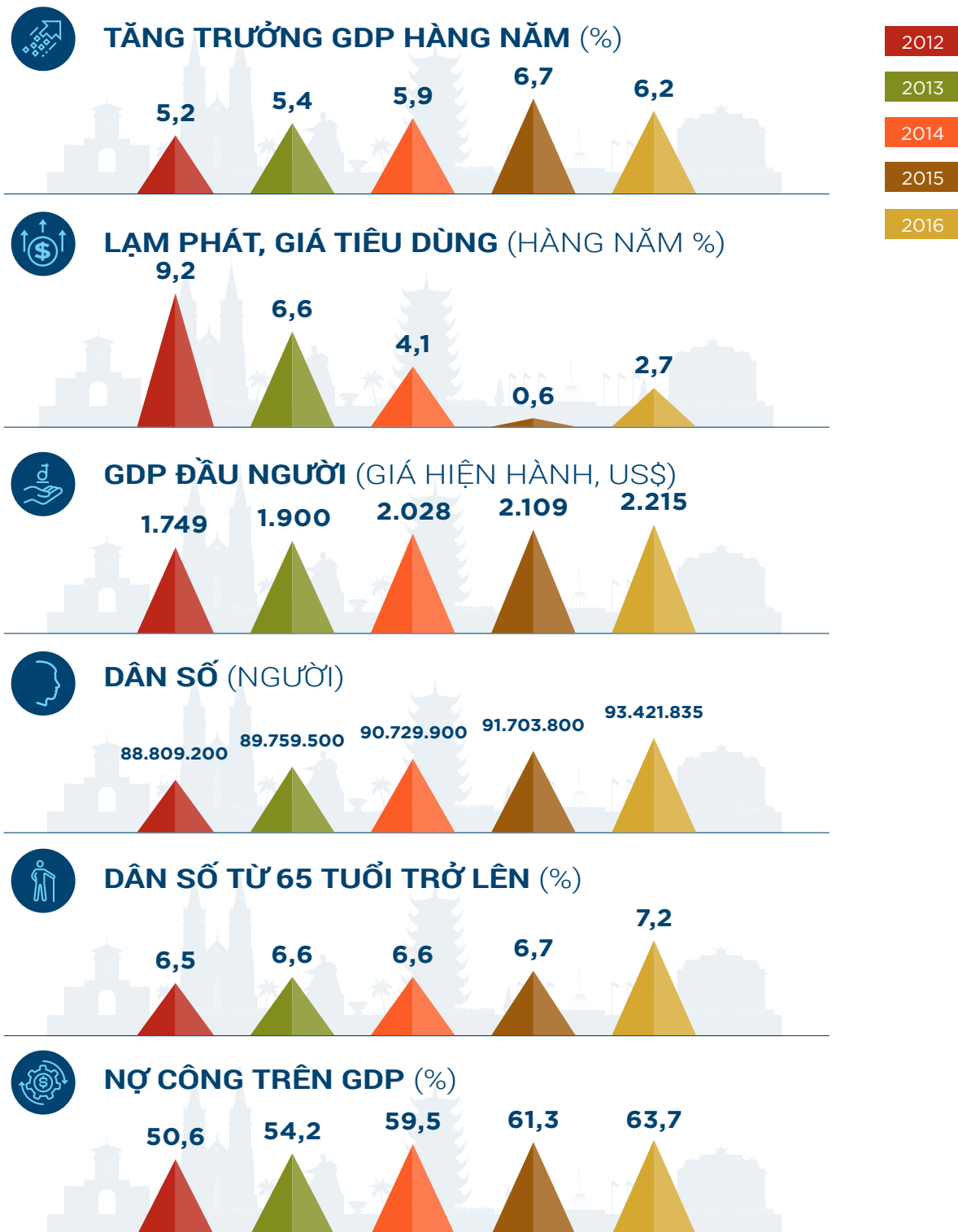
Mặc dù đã đạt được những tiến bộ lớn lao về bình đẳng giới, bất bình đẳng giới vẫn tồn tại, đặc biệt trong tiếp cận giáo dục bậc cao, thị trường việc làm và cơ hội nghề nghiệp cũng như bạo hành gia đình với phụ nữ. Tương tự, phân biệt đối xử với người có HIV và những người có nguy cơ cao đã hạn chế khả năng tiếp cận với việc phòng ngừa, chữa trị, chăm sóc và các dịch vụ hỗ trợ.

Cần có động lực để tiếp tục đạt được MDGs và SDGs cho toàn bộ người dân Việt Nam bao gồm người di cư, người dân tộc thiểu số và người nghèo cũng như đạt các chỉ tiêu về y tế, HIV và môi trường hiện còn đang chưa đạt được.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Hình 1. Các chỉ số kinh tế - xã hội chung trong giai đoạn 2012-2016



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Hình 2. Kết quả thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ và thách thức tồn tại

	THÀNH TỰU	THÁCH THỨC
	 <p><b>2002 – NGHÈO THEO THU NHẬP GIẢM 50 % (TỪ 58,1% NĂM 1993 XUỐNG 28,9% NĂM 2002)</b> <b>2014 – TỶ LỆ NGHÈO LÀ 8,4% HƠN 7,5 TRIỆU NGƯỜI THOÁT ĐÓI</b></p>	<p>HƠN NỬA SỐ NGƯỜI DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ CƯ DÂN NÔNG THÔN Ở CÁC KHU VỰC Hẻo LẤN VẤN LÀ NGƯỜI NGHÈO VÀ ĐƯỢC HƯỞNG LỢI ÍT HƠN TỪ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA ĐẤT NƯỚC</p> <p>XUẤT HIỆN NHỮNG THÁCH THỨC MỚI VỀ NGHÈO ĐÓI DO QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA VÀ DI DÂN</p>
	 <p><b>2014 - 99% TRẺ EM ĐI HỌC TIỂU HỌC ĐÚNG ĐỘ TUỔI</b></p>	<p>BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC GIỮA KHU VỰC THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN VÀ GIỮA NGƯỜI KINH VÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIẾU SỐ</p> <p>CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐÃ TẠO RA KHOẢNG CÁCH GIỮA ĐÀO TẠO VÀ NHU CẦU LAO ĐỘNG CẢ TRÊN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC</p>
	 <p><b>2014 – KHÔNG CÓ KHÁC BIỆT ĐÁNG KỂ VỀ TỶ LỆ BIẾT CHỮ CỦA NAM GIỚI VÀ NỮ GIỚI VÀ TỶ LỆ NHẬP HỌC Ở CÁC CẤP HỌC</b> PHỤ NỮ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG PHI NÔNG NGHIỆP ĐÃ TĂNG LÊN, ĐẶC BIỆT Ở KHU VỰC NÔNG THÔN.</p> <p>KHOẢNG CÁCH VỀ LƯƠNG GIỮA NAM VÀ NỮ ĐÃ GIẢM VỀ 106,7% NĂM 2014 TỪ MỨC 114,8% NĂM 2009</p> <p>PHỤ NỮ THAM GIA QUỐC HỘI VỚI TỶ LỆ 24,4%</p>	<p>NỮ GIỚI VẪN GẶP NHIỀU THÁCH THỨC VỀ VIỆC LÀM HƠN VỚI MỨC LƯƠNG THẤP HƠN CỦA NAM GIỚI</p> <p>TÌNH TRẠNG THÍCH CON TRAI HƠN VẪN PHỔ BIẾN</p> <p>BẠO HÀNH GIA ĐÌNH VẪN TIẾP DIỄN</p>
	 <p><b>TỶ LỆ TỬ VONG Ở TRẺ EM DƯỚI 5 TUỔI GIẢM TỪ 45,8 % (2002) XUỐNG 23,2 % (2012) – VIỆT NAM LÀ MỘT TRONG CÁC QUỐC GIA CÓ TỶ LỆ TỬ VONG TRẺ EM DƯỚI 5 TUỔI THẤP NHẤT Ở KHU VỰC ĐÔNG NAM Á</b></p>	<p>TỶ LỆ TỬ VONG Ở TRẺ EM VÀ BÀ MẸ MANG THAI LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIẾU SỐ CAO GẤP 3 LẦN SO VỚI NGƯỜI KINH VÀ TỶ LỆ NÀY Ở KHU VỰC NÔNG THÔN CAO HƠN</p> <p>CẦN TIẾP TỤC CẢI THIỆN TIẾP CẬN CÔNG BẰNG VỚI BẢO HIỂM Y TẾ VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH CHẤT LƯỢNG CAO</p>



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



THÀNH TỰU

THÁCH THỨC



**TỶ SUẤT TỬ VONG BÀ MẸ GIẢM TỪ 233 (1990) XUỐNG 58,3 (2015) CÁ TRÊN 100.000 CÁ SINH SỐNG**

NĂM 2014, 95,8% BÀ MẸ MANG THAI ĐƯỢC KHÁM THAI THƯỜNG XUYÊN



**BỆNH SỐT RÉT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM SOÁT VÀO NĂM 2011 VÀ KIỂM SOÁT LAO ĐÃ VƯỢT CAO HƠN MỤC TIÊU TOÀN CẦU**

SỐ CA NHIỄM HIV MỚI GIẢM ĐÁNG KỂ VÀ VIỆC ĐIỀU TRỊ HIV ĐẠT 47 % TRÊN TỔNG SỐ NGƯỜI CÓ HIV (CUỐI NĂM 2016)

TỶ LỆ NHIỄM HIV QUA CON ĐƯỜNG TÌNH DỤC VÀ TRONG MỘT SỐ NHÓM DÂN SỐ ĐANG TĂNG. DIỆN BAO PHỦ DỊCH VỤ CÒN HẠN CHẾ VÌ NHIỀU NGƯỜI CÓ HIV ĐI CHỮA TRỊ MUỘN. ỨNG PHÓ CỦA QUỐC GIA VỀ HIV CÒN RẤT PHỤ THUỘC VÀO NGUỒN VỐN TỪ BÊN NGOÀI VÀ ĐIỀU NÀY GÂY RỦI RO VỀ TÍNH BỀN VỮNG.



**ĐỘ CHE PHỦ CỦA RỪNG TĂNG TỪ 33% (2001) LÊN 41% (2013)**

TỶ LỆ DÂN SỐ NÔNG THÔN ĐƯỢC DÙNG NƯỚC SẠCH TĂNG TỪ 30% NĂM 1990 LÊN 82,5% NĂM 2013

TỶ LỆ NHÀ TẠM GIẢM TỪ 22,7% NĂM 1999 XUỐNG 5% NĂM 2012

CHẤT LƯỢNG RỪNG TIẾP TỤC SUY GIẢM

XU HƯỚNG MẤT ĐA DẠNG SINH HỌC CHƯA ĐƯỢC ĐẢO CHIỀU



**KÝ VÀ THAM GIA 9 HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG VÀ KHU VỰC**

DÒNG VỐN ODA VÀ FDI TIẾP TỤC TĂNG VÀ FDI CHIẾM 24% TỔNG ĐẦU TƯ CỦA TOÀN XÃ HỘI VÀO NĂM 2012

CẦN NỖ LỰC HƠN NỮA TRONG VIỆC CẢI CÁCH QUẢN TRỊ CÔNG VÀ CẢI THIẾN HỆ THỐNG THUẾ VÀ THỦ TỤC HẢI QUAN

ÁP LỰC ĐỐI VỚI NHIỀU DOANH NGHIỆP TRONG NƯỚC DO DOANH NGHIỆP KHÔNG ĐỦ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH VÀ HIỆN CÒN THIẾU HÀNG RÀO PHI THUẾ QUAN BẢO VỆ TRƯỚC CÁC SẢN PHẨM NHẬP KHẨU KÉM CHẤT LƯỢNG.

Nguồn: Báo cáo quốc gia – 15 năm thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ, nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, tháng 9/2015



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

# CHƯƠNG 2

## Kết quả thực hiện Kế hoạch Chung 2012-2016

Giới thiệu	11
Ưu tiên chiến lược của LHQ: Kế hoạch Chung 2012-2016	12
Cấu trúc Kế hoạch Chung 2012-2016	13
Báo cáo về kết quả	15
<b>Lĩnh vực tập trung 1 – Tăng trưởng bền vững, bao trùm và bình đẳng</b>	<b>16</b>
Giới thiệu	16
Kết quả 1.1. Các chính sách phát triển dựa vào bằng chứng	17
Kết quả 1.2. Cơ hội việc làm tốt	21
Kết quả 1.3. Quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu	24
Kết quả 1.4. Nguồn lực tự nhiên và quản lý môi trường	27
<b>Lĩnh vực tập trung 2 – Tiếp cận với các dịch vụ cơ bản có chất lượng và an sinh xã hội</b>	<b>32</b>
Giới thiệu	32
Kết quả 2.1. An sinh xã hội	34
Kết quả 2.2. Y tế	37
Kết quả 2.3. Giáo dục và đào tạo	42
Kết quả 2.4. HIV và vấn đề Giới	45
<b>Lĩnh vực tập trung 3 – Tăng cường quản trị công và sự tham gia</b>	<b>52</b>
Giới thiệu	52
Kết quả 3.1. Cơ quan dân cử	53
Kết quả 3.2. Hệ thống luật pháp	56
Kết quả 3.3. Chất lượng hoạt động khu vực công	59
Kết quả 3.4. Sự tham gia	62
<b>Thực hiện Kế hoạch Chung 2012-2016 – Bài học kinh nghiệm</b>	<b>65</b>



> MỤC LỤC

> TỪ VIẾT TẮT

> CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016

> CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG

> CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Giới thiệu

Do Việt Nam tiếp tục thay đổi nhanh chóng về kinh tế - xã hội và cơ cấu dân số, vai trò của LHQ và cách thức LHQ hỗ trợ quốc gia cũng thay đổi. Trong giai đoạn 2012-2016, các cơ quan LHQ (UNCT) xác định rằng hệ thống LHQ cần tập trung vào tư vấn chính sách chất lượng cao về cách thức ứng phó với các thách thức liên quan tới vị thế nước có thu nhập trung bình, trong đó bao gồm bất bình đẳng và bất công gia tăng, và đói nghèo dai dẳng ở một số khu vực địa lý và một số nhóm dân số.

Thông qua hài hòa hóa công việc và thống nhất với các ưu tiên phát triển của Việt Nam (như xác định trong SEDP 2016-2020), UNCT hoạt động trên nguyên tắc công việc sẽ mang lại tác động lớn hơn nếu các kết quả được thực hiện theo một cách thức có sự điều phối và thống nhất với nhau hơn trong đó tập hợp lại kinh nghiệm, chuyên môn, năng lực và lợi thế cạnh tranh của tất cả các cơ quan LHQ tại Việt Nam.

Thiết kế các ưu tiên và cách tiếp cận của LHQ được tiến hành dựa trên những bài học của quá trình thực thi DaO tại Việt Nam từ năm 2007 và mong muốn tiếp tục hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa 15 cơ quan thường trú và 2 cơ quan không thường trú của LHQ nhằm làm cho hệ thống LHQ phù hợp, hiệu quả và hiệu suất hơn. Ngay từ đầu, DaO ở Việt Nam không

chỉ tập trung vào kết quả của quá trình hợp tác LHQ thông qua Kết quả trong Kế hoạch Chung 2012-2016, mà còn vào những thay đổi liên quan tới quy trình thực hiện. Nói một cách khác, LHQ sẽ mang lại các kết quả này như thế nào thông qua thực hiện sáu trụ cột hỗ trợ lẫn nhau được thiết lập từ thể hệ DaO thứ nhất bao gồm: Kế hoạch Chung, Ngân sách Chung, Lãnh đạo Chung, Tiếng nói Chung, Bộ quy tắc quản lý Chung và Ngôi nhà Chung Xanh LHQ.

Các kết quả mà hệ thống LHQ đã đạt được với một cách thức thống nhất và điều phối tốt hơn thông qua cách tiếp cận DaO được trình bày chi tiết trong báo cáo này. Đánh giá độc lập về Kế hoạch Chung (2012-2016) kết luận rằng mặc dù có những thách thức trong việc cùng thực hiện, cùng giám sát và đặc biệt là nguồn vốn bền vững cho hệ thống LHQ trong giai đoạn 2012-2016, mô hình “Thống nhất hành động” đã cho thấy tiềm năng tăng cường vị thế của LHQ thông qua việc cải thiện tính thống nhất trong nội bộ khi đưa ra những tư vấn chính sách dựa trên bằng chứng và tăng cường năng lực phản hồi theo một phương thức đa ngành và toàn diện hơn. Điều này đã nhấn mạnh bản chất phức tạp của những thách thức hiện nay đồng thời thúc đẩy việc phải hì hiệu quả hơn dựa trên kinh nghiệm đa dạng của hệ thống LHQ.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Ưu tiên chiến lược của LHQ: Kế hoạch Chung 2012-2016

Như đã đề cập ở trên, Kế hoạch Chung 2012-2016 được thiết kế ngay sau khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình thấp vào năm 2010 nhờ phát triển kinh tế và giảm nghèo nhanh chóng trong hai thập kỷ trước. Năm 2011, khi thiết kế Kế hoạch Chung 2012-2016, Việt Nam đang trên đà hoặc đã đạt được phần lớn các mục tiêu thiên niên kỷ MDGs.

Kế hoạch Chung 2012-2016 được ký vào tháng 3/2012 giữa Chính phủ Việt Nam và 15 cơ quan thường trú của LHQ (FAO, IFAD, ILO, IOM, UNAIDS, UNDP, UNESCO, UNFPA, UN-HABITAT, UNICEF, UNIDO, UNODC, UNV, UN Women và WHO) và hai cơ quan không thường trú (ITC và UNEP).

Kế hoạch Chung 2012-2016 được đi kèm với Khung Ngân sách chung (xem Chương 3) và bao gồm khung chi tiết về các kết quả chung với các chỉ số, mục tiêu và nguồn kiểm chứng.

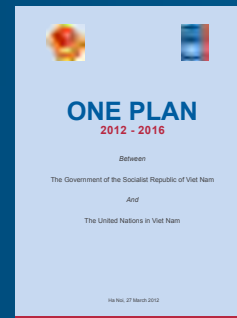
[Đọc về việc ký kết OP 2012-2016](#)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Cấu trúc Kế hoạch Chung 2012-2016

Các ưu tiên về chương trình trong Kế hoạch Chung được sắp xếp theo ba “Lĩnh vực tập trung” và mỗi lĩnh vực có 4 kết quả:



One Plan 2012-2016



### Lĩnh vực tập trung 1

#### Tăng trưởng bao trùm, bình đẳng và bền vững

Cân bằng mục tiêu kinh tế và xã hội, phát triển con người và môi trường để những người dễ bị tổn thương nhất và những người khó khăn nhất được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế. Các nỗ lực nhằm giảm suy giảm môi trường, tăng quy mô sản xuất xanh và thúc đẩy các mô hình kinh doanh và mô hình kinh tế xanh, bền vững và hiệu quả về năng lượng cũng được hỗ trợ. Ngoài ra, LHQ hỗ trợ quản lý rủi ro thiên tai và giảm thiểu rủi ro thiên tai, trong đó tập trung vào xây dựng khả năng chống chịu với các cú sốc và rủi ro về môi trường ở tất cả các cấp.



### Lĩnh vực tập trung 2

#### Tiếp cận với các dịch vụ cơ bản và an sinh xã hội có chất lượng

Giúp đỡ Việt Nam cải thiện chất lượng của các dịch vụ cơ bản như giáo dục và y tế ở mọi cấp nhằm phát triển một hệ thống an sinh xã hội bao trùm và có tính tới yếu tố giới để đảm bảo tất cả các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi có thể tiếp cận được. Một hệ thống an sinh xã hội quốc gia hiệu quả là hệ thống cung cấp dịch vụ có chất lượng, với diện bao phủ gia tăng và có thể tiếp cận bình đẳng và đây cũng là một tập trung chính.



### Lĩnh vực tập trung 3

#### Quản trị công và sự tham gia

Hỗ trợ tăng cường quản trị công và sự tham gia, đặc biệt là của những người dễ bị tổn thương và vì những người dễ bị tổn thương nhất trong xã hội.

Kế hoạch Chung 2012-2016 được triển khai, giám sát và báo cáo hiệu quả thông qua cơ chế làm việc chung nội bộ LHQ của 8 nhóm chương trình chung LHQ (JPG). Việc thực hiện được tổng kết, đánh giá hàng năm phối hợp của Chính phủ thông qua các cuộc họp của Ban chỉ đạo Thống nhất hành động (DaO) và Ban chỉ đạo Kế hoạch Chung. Với mục tiêu chủ yếu là để cùng lập chương trình hành động, JPG được coi là công cụ chính trong cách tiếp cận DaO nhằm tăng cường hiệu quả và hiệu suất phối hợp giữa các cơ quan LHQ đồng thời tăng hiểu biết lẫn nhau về sứ mệnh và phương thức hoạt động của từng cơ quan. Ngoài nguyên tắc cùng lên kế hoạch thực hiện, các cơ quan LHQ cũng phối hợp làm việc trong các chương trình chung khác nhau trong các lĩnh vực để thực hiện Kế hoạch Chung.



> MỤC LỤC

> TỪ VIẾT TẮT

> CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016

> CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG

> CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Hộp 1 – Các Chương trình chung của LHQ được thực hiện trong giai đoạn 2012-2016



### Chương trình chung SDG về an ninh lương thực và dinh dưỡng (2015-2017)

US\$ 3.330.000 (Quỹ Mục tiêu SDG của Tây Ban Nha tài trợ chính)

Các cơ quan LHQ tham gia: UNICEF, UN Women, WHO và FAO

Các đối tác thực hiện: Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Y tế tỉnh Lào Cai và Ninh Thuận, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lào Cai và Ninh Thuận

### Chương trình UN-REDD Việt Nam pha 2. Thực hiện REDD+ ở Việt Nam (2013-2018)

US\$ 30.229.806 (do chính phủ Na Uy tài trợ)

Các cơ quan LHQ tham gia: FAO, UNDP và cơ quan không thường trú UNEP

Các đối tác thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam (VNFOREST)

### Chương trình chung về Nông thôn mới (2014-2017)

US\$ 1.390.000 (do Quỹ Kế hoạch chung tài trợ)

Các cơ quan LHQ tham gia: FAO, UNESCO, UNIDO, IOM và UNV

Các đối tác thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### Sáng kiến chung về dân tộc thiểu số (2015-2017)

US\$ 1.480.000 (tài trợ bởi Quỹ Cùng thực hiện kết quả)

Các cơ quan LHQ tham gia: UNDP, FAO, UNESCO, UNICEF, UN Women, UNIDO trong Vòng 1 và các cơ quan LHQ khác bao gồm UNCTAD, ILO, WHO, UNFPA trong vòng 2

Các đối tác thực hiện: Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Giáo dục

### Sáng kiến chung hỗ trợ tăng cường khuôn khổ pháp lý về sự tham gia của xã hội dân sự ở Việt Nam (2015-2016)

US\$ 1.500.000 (tài trợ bởi Quỹ Cùng thực hiện kết quả)

Các cơ quan LHQ tham gia: UNDP, UN Women, UNODC, UNICEF, UN-Habitat, UNAIDS

Các đối tác thực hiện: Mặt trận tổ quốc Việt Nam (VFF), Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu lập pháp, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Các tổ chức xã hội dân sự (CSOs), VUSTA



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Báo cáo về kết quả

Thông qua thực hiện Kế hoạch Chung 2012-2016, hệ thống LHQ sắp xếp ưu tiên và phân bổ nguồn lực đáng kể nhằm đảm bảo có thông tin toàn diện và cập nhật về các kết quả đạt được cho tất cả các bên liên quan. Hàng năm, Báo cáo kết quả DaO được chuẩn bị với những thông tin chi tiết về kết quả chương trình và cập nhật tài chính ở cấp độ mục tiêu và kết quả. Ngoài ra, Dữ liệu Kế hoạch Chung (OPD) cung cấp thông tin chi tiết về các hoạt động và kết quả dự kiến.

Đánh giá độc lập về Kế hoạch Chung 2012-2016 kết luận: 'Tại thời điểm đánh giá (tháng 10/2015), 83% các mục tiêu dự kiến được báo cáo là đã đạt được. Vì đa số dữ liệu được cung cấp vào cuối năm 2014 và còn hai năm nữa tiếp tục thực hiện, hoàn toàn có thể giả định rằng LHQ có thể thực hiện tất cả các mục tiêu của Kế hoạch Chung trong khung thời gian dự kiến'.

Các câu chuyện của LHQ về kết quả đạt được được trình bày theo 3 Lĩnh vực tập trung và 12 Kết quả trong Kế hoạch Chung. Những câu chuyện này được lựa chọn nhằm minh họa cho việc hệ thống LHQ đã cùng nhau đạt được các kết quả dự kiến và minh chứng cho giá trị gia tăng của LHQ khi cùng nhau thống nhất hành động.

Chi tiết về các kết quả đạt được trong giai đoạn 2012-2016, vui lòng xem Báo cáo kết quả DaO năm 2012, 2013, 2014 và 2015, cơ sở dữ liệu Kế hoạch Chung và Đánh giá độc lập về Kế hoạch Chung giai đoạn 2012-2016.

[Đọc thêm các câu chuyện về "Mang lại sự khác biệt"](#)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Lĩnh vực tập trung 1 – Tăng trưởng bền vững, bao trùm và bình đẳng

### Giới thiệu



Kế hoạch Chung 2012-2016 được thiết kế tập trung chính vào tăng trưởng kinh tế bền vững, bình đẳng và bao trùm nhằm hỗ trợ Việt Nam trong nỗ lực ổn định nền kinh tế, duy trì tăng trưởng trong bối cảnh tái cơ cấu nền kinh tế và xây dựng các mô hình tăng trưởng cải tiến để đẩy mạnh cạnh tranh và hiệu suất, đồng thời không sao lãng những thách thức đảm bảo bình đẳng xã hội.

Để tiếp tục giảm nghèo, đặc biệt trong bộ phận dân tộc thiểu số, LHQ đang thực hiện các cách tiếp cận đa chiều và thiết kế cụ thể cho từng nhóm, trong đó nghèo đói được đánh giá là hiện tượng đa chiều chứ không chỉ là nghèo đói về tiền tệ.

Quan điểm chung của LHQ dựa trên nguyên tắc cơ bản là không thể phát triển kinh tế-xã hội bền vững trong sự đánh đổi với môi trường. Trong giai đoạn 2012-2016, LHQ tại Việt Nam đã nỗ lực phối hợp giải quyết môi trường suy thoái, mở rộng sản xuất xanh và thúc đẩy các mô hình kinh tế và kinh doanh xanh, bền vững và hiệu quả về năng lượng và phù hợp với các mục tiêu trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2011-2015 để bảo vệ môi trường.

Cuối cùng, là nước chịu nhiều thiên tai, UNCT ưu tiên hỗ trợ những nỗ lực của Việt Nam nhằm ứng phó hiệu quả với thảm họa tự nhiên và những mối đe dọa do biến đổi khí hậu. Vì vậy, LHQ đang tăng cường quản lý rủi ro thiên tai và nỗ lực giảm nghèo nhằm xây dựng khả năng chống chịu với những áp lực và rủi ro về môi trường.

---

Hoạt động của LHQ về tăng trưởng kinh tế lấy con người làm trung tâm và việc làm tốt (Kết quả 1.1 và 1.2) có sự tham gia của FAO, ILO, IOM, UNDP, UNESCO, UNFPA, UN-Habitat, UNICEF, UNIDO, UNV và UN Women

---

Hoạt động của LHQ về biến đổi khí hậu và môi trường (Kết quả 1.3 và 1.4) có sự tham gia của UNDP, UNIDO, FAO, IFAD, IOM, UNEP, UNESCO, UN-Habitat, UNICEF, UNODC, UNV, UN Women và WHO.

---

[MỤC LỤC](#)[TỪ VIẾT TẮT](#)[CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016](#)[CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016](#)[CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016](#)[CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG](#)[CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI](#)





## Kết quả 1.1. Các chính sách phát triển dựa vào bằng chứng

Nhu cầu về các chính sách phát triển rõ ràng, lấy con người làm trung tâm, phát triển xanh và dựa vào bằng chứng đã được Chính phủ Việt Nam, LHQ và các đối tác phát triển xác định là một ưu tiên quan trọng, như thể hiện trong Báo cáo phân tích quốc gia chung và các nghiên cứu khác của LHQ. Trong giai đoạn 2012-2016, LHQ cung cấp tư vấn chính sách và hỗ trợ kỹ thuật nhằm đảm bảo các nhà hoạch định chính sách được tiếp cận với các dữ liệu và bằng chứng, xác đáng, các lựa chọn chính sách, các thông lệ tốt của quốc tế để xây dựng chính sách phát triển trong nước và các khung thể chế ở trung ương/địa phương nhằm tái cơ cấu kinh tế ở một quốc gia có thu nhập trung bình và giám sát việc thực hiện các kế hoạch phát triển và các mục tiêu MDG.

Dữ liệu chỉ số kết quả	2008	2011	2014	2015	2016
Tỷ lệ người dân sống dưới chuẩn nghèo quốc gia*		14,2%		6,2%	
Khoảng cách về thu nhập trung bình hàng tháng trên đầu người giữa 20% dân số giàu nhất và 20% dân số nghèo nhất**	8,9%		9,7%		
Vị trí của Việt Nam theo Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu***		59/139 quốc gia (2010-2011)			60/138 quốc gia (2016-2017)

Nguồn: \*GSO/MoLISA.

\*\*GSO.

\*\*\*Diễn đàn kinh tế toàn cầu.

Đọc thêm về các dân tộc thiểu số và khoảng cách phát triển



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Thiết kế các Chương trình Mục tiêu Quốc gia dành cho người nghèo và người dễ bị tổn thương nhất



LHQ tại Việt Nam đã hợp tác lâu năm với Chính phủ Việt Nam trong lĩnh vực giảm nghèo, đặc biệt thông qua quá trình thiết kế và thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (NTP). Trong những năm qua, một số cơ quan LHQ đã phối hợp hỗ trợ và vận động chính sách để đóng góp đáng kể vào quá trình cải tổ hệ thống NTP của chính phủ. Năm 2015, Chính phủ quyết định giảm số lượng NTP từ 16 xuống 2 chương trình trong giai đoạn 2016-2020 để điều phối tốt hơn và đạt hiệu quả cao hơn về chi phí trong thực hiện. Hai chương trình NTP mới là Chương trình Nông thôn Mới (NRD) và Chương trình Giảm nghèo Bền vững (SPR) được phê duyệt vào năm 2016 đã đưa vào nhiều điểm nhằm thúc đẩy trao quyền thực sự cho người nghèo và cộng đồng của họ, huy động sức mạnh của họ, thúc đẩy tinh thần tự vượt nghèo để đảm bảo thoát nghèo bền vững, đẩy mạnh phân cấp và tạo điều kiện để người dân tham gia vào quản lý và thực hiện chương trình.

Vai trò của LHQ trong tổ chức hoạt động Tổ công tác Giảm nghèo Dân tộc Thiểu số và các tổ công tác khác cùng với các nhà đối tác phát triển khác đã đóng góp hữu ích cho Chính phủ trong việc ban hành Quyết định số 1557/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động MDGs với vùng dân tộc thiểu số và xây dựng hai Chương trình Mục tiêu Quốc gia để hỗ trợ việc thực hiện quyết định này. Nhờ vậy, hai chương trình này có đối tượng trọng tâm là các cộng đồng dân tộc thiểu số nơi đang tồn tại tình trạng đói nghèo dai dẳng.

Các cơ quan LHQ cũng thành công trong việc vận động xây dựng và thể chế hóa cách tiếp cận giảm nghèo đa chiều thể hiện qua Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cách tiếp cận này được áp dụng trong cả hai NTPs nhằm giải quyết cả nhu cầu về thu nhập và phi thu nhập của các nhóm dễ bị tổn thương. Ước tính có thêm khoảng 5,7 triệu người nghèo đa chiều và 5 triệu người cận nghèo đa chiều đủ tiêu chuẩn để được hỗ trợ cùng với 4,2 triệu người nghèo thu nhập được xác định theo cách truyền thống.

Thông qua nhiều dự án và hoạt động hỗ trợ kỹ thuật mang tính bổ sung cho nhau, LHQ đã giới thiệu một số cơ chế và công cụ mới trong quá trình thiết kế và thực hiện các chính sách của NTPs như sự tham gia của người dân và trao quyền cho người dân trong những dự án dựa vào cộng đồng, tài trợ tài chính thông qua hình thức “khoán” và “cơ chế đầu tư đặc biệt” theo đó cho phép các địa phương tự thuê xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng cơ bản, các công trình công cộng có tính tới yếu tố giới và dân tộc thiểu số trong các hợp phần sản xuất và hạ tầng.

(UNFPA, UNICEF, UNDP, FAO, UNIDO)

Đọc thêm về Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Giảm nghèo Bền vững giai đoạn 2016-2020

Đọc thêm về tham vấn đối với Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Giảm nghèo Bền vững giai đoạn 2016-2020



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Cải thiện dữ liệu cho phát triển



Ở Việt Nam, dữ liệu được xác định là yếu tố then chốt nhằm hỗ trợ Chính phủ đưa ra những quyết định đúng đắn về phát triển và cung cấp thông tin cho các hệ thống giám sát, theo dõi minh bạch trong đó tất cả các bên liên quan, đặc biệt là người dân có thể theo dõi tiến trình phát triển. Nhận định này được khẳng định rõ ràng hơn trong bối cảnh Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững với mục tiêu chính sách rộng trên nhiều lĩnh vực. Trong một thập kỷ qua, LHQ được coi là một đối tác uy tín và tin tưởng trong hỗ trợ Hệ thống Thống kê Việt Nam (VSS) trong các hoạt động xây dựng mang tính hệ thống và cấu trúc ngành thống kê cũng như trong nhiều lĩnh vực thống kê chuyên ngành.

Trong giai đoạn Kế hoạch Chung 2012-2016, LHQ đặc biệt chú trọng trong hỗ trợ ban hành Luật Thống kê 2015 với những điểm mới nhấn mạnh tầm quan trọng của thông tin thống kê phi chính thức, chia sẻ và tính minh bạch của thông tin, dữ liệu hành chính, và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê. Các cơ quan LHQ tự hào đã đóng góp đưa các chỉ số SDG vào Hệ thống Chỉ số Thống kê Quốc gia nằm trong Luật Thống kê mới. LHQ là bên cung cấp hỗ trợ kỹ thuật chính cho chính phủ để ban hành Chính sách Quốc gia về Phổ biến Thông tin Thống kê đầu tiên vào năm 2013, trong đó đặt ra nền tảng pháp lý rõ ràng nhằm thúc đẩy phổ biến số liệu thống kê chính thống một cách minh bạch và kịp thời. LHQ, cùng với Tổng cục Thống kê (GSO), khởi động Nhóm đối tác giữa GSO và các đối tác phát triển với sự tham gia của nhiều tổ chức song phương và đa phương. LHQ đã thúc đẩy vai trò lãnh đạo của GSO, dẫn đến thông tin được chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác phát triển cho VSS/GSO được điều phối tốt hơn. Hỗ trợ do LHQ điều phối cũng giúp GSO tạo kết nối tốt hơn với người sử dụng thông qua nhiều kênh như khảo sát ý kiến người sử dụng trực tuyến/ngoại tuyến hoặc diễn đàn người sử dụng.

Về các lĩnh vực thống kê chuyên đề, LHQ đã cung cấp hỗ trợ đa dạng cho GSO, các bộ ngành và các bên liên quan khác trong hệ thống VSS trong lĩnh vực như dân số, di cư, dân tộc thiểu số, công nghiệp, môi trường, giới, y tế, tài khoản quốc gia, lao động và việc làm. Một số khảo sát/nghiên cứu đặc trưng mà LHQ hỗ trợ trong giai đoạn 2012-2016 bao gồm Khảo sát chùm đa chỉ số (MICS) 2014, Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ 2014, Điều tra Di cư trong nước 2015, Tổng điều tra Nông nghiệp và Nông thôn 2016, Cơ sở dữ liệu theo thời gian thực về đăng ký doanh nghiệp 2013, Điều tra về dân tộc thiểu số năm 2015, Đề án Tổng Thu nhập Quốc nội Vùng (GRDP), các cuộc Điều tra Lao động Việc làm, và hệ thống báo cáo định kỳ về giới, y tế, giáo dục vv.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Hỗ trợ kỹ thuật của LHQ tích lũy trong giai đoạn 5 năm thực hiện Kế hoạch Chung tiếp tục đóng góp nhằm xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng và theo dõi giám sát như thể hiện trong Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội 2016-2020 cũng như trong các chính sách, chiến lược và kế hoạch khác cả ở trung ương và địa phương. Do vậy, đã giúp cải thiện cuộc sống của các nhóm dễ bị tổn thương bao gồm người già, người di cư, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trẻ em, người vị thành niên và thanh niên ở nhiều lĩnh vực. Chỉ số năng lực thống kê của Việt Nam đã tăng từ 71,1 năm 2012 lên 82,2 năm 2016 (Nguồn: Ngân hàng Thế giới).

(UNFPA, UNICEF, UNDP, FAO, UNIDO)

[Đọc thêm về Công bố Luật Thống kê](#)

[Đọc thêm về Cuộc họp Nhóm đối tác thống kê](#)

[Đọc thêm về Tăng cường sử dụng sức mạnh của dữ liệu trong ra quyết định](#)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Kết quả 1.2. Cơ hội việc làm tốt

Tạo cho mọi người cơ hội việc làm tốt được Chính phủ, LHQ và các đối tác phát triển ghi nhận là ưu tiên chính của Việt Nam. Hiện tại, nhiều người đang làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức với điều kiện làm việc và lương thường thấp hơn. Việc chuyển thành nước có thu nhập trung bình thấp cũng như quy mô dân số vàng và vấn đề di cư đang tạo thêm áp lực lên thị trường lao động. LHQ hỗ trợ lồng ghép những tiêu chuẩn lao động quốc tế vào luật và các chính sách trong nước, tăng cường cơ chế đối thoại ba bên và hỗ trợ tăng cường cơ hội việc làm cho những nhóm thiệt thòi và dễ bị tổn thương nhất. Cung cấp đào tạo kỹ thuật, dạy nghề và các kỹ năng chuyên môn phù hợp với nhu cầu thị trường, sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cải thiện năng lực và cho phép các nhóm thiệt thòi nhất có thể tiếp cận với các cơ hội tạo thu nhập.

Dữ liệu chỉ số kết quả	2012	2016
Tỷ lệ việc làm dễ bị tổn thương trong lực lượng lao động*	62,6%	56%
Tỷ suất thu nhập trung bình hàng tháng của nữ so với nam*	0,89 trong năm 2012 và 2016	
Tỷ lệ lực lượng lao động được đào tạo nghề*	16,8%	20,9%
Tỷ lệ thiếu việc làm*	2,7%	1,7%

Nguồn: \*GSO



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để phát triển khu vực tư nhân



Cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư nhằm khơi dậy nguồn lực cho cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực tư nhân là một trong những ưu tiên của chính phủ nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển ở Việt Nam.

Đặc biệt, đơn giản hóa thủ tục kinh doanh cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đã mang lại tác động lớn lao về đầu tư. Đây là lý do vì sao LHQ đã hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn chính sách chung nhằm tạo nên một môi trường kinh doanh thuận lợi. Cụ thể, năm 2013-14, LHQ hỗ trợ hợp tác chính phủ điện tử liên bộ lần đầu tiên giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Công an nhằm đơn giản hóa quy định, chính sách và thủ tục đăng ký kinh doanh để tạo ra một hệ thống đăng ký kinh doanh trực tuyến trên toàn quốc được số hóa và để cung cấp các thông tin bắt buộc theo pháp luật cho chính phủ, doanh nghiệp và công chúng. Một mã đăng ký ID duy nhất cho doanh nghiệp sẽ mở đường cho các cải cách khác và giảm chi phí giao dịch cho doanh nghiệp và chính phủ. Vì vậy, thời gian đăng ký kinh doanh đã giảm đáng kể từ 15 ngày năm 2008 xuống dưới 3 ngày trong năm 2016, tạo điều kiện tăng đáng kể số lượng các doanh nghiệp mới thành lập với con số kỷ lục 110.100 doanh nghiệp trong năm 2016, trong đó 14 % doanh nghiệp đã đăng ký thành lập trực tuyến.

Ngoài ra, tư vấn chính sách và vận động chính sách cũng được LHQ đưa ra với Chính phủ trong khi xây dựng Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư năm 2014. LHQ đã vận động thành công việc bỏ sử dụng con dấu công ty là thủ tục hành chính bắt buộc. Doanh nghiệp hiện nay cũng hoàn toàn có quyền tự quyết về khuôn mẫu, nội dung, số lượng con dấu và chỉ cần thông báo về dấu tới văn phòng đăng ký kinh doanh. Những thành tựu cải cách này đã được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao. Báo cáo Chỉ số Năng lực Cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cho thấy việc gia nhập thị trường đã có những cải thiện đáng kể và đạt điểm cao nhất trong 11 năm ở mức 8,47 trên 10 điểm.

*"Cơ sở dữ liệu theo thời gian thực do Cổng đăng ký kinh doanh quốc gia cung cấp đã giúp các cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp và phân tích tình hình kinh doanh để ra các quyết sách kịp thời, đóng góp nhằm cải thiện hiệu suất quản lý nhà nước và khiến chính sách của chính phủ gần hơn với các chuyển động trên thị trường," bà Trần Thị Hồng Minh, Cục trưởng, Cục Đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nói.*

(UNIDO, ILO)

Đọc thêm về Tạo điều kiện thuận lợi cho đăng ký kinh doanh



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Cải cách luật lao động nhằm hướng tới điều kiện làm việc tốt hơn và năng suất cao hơn



Trong giai đoạn 2012-2016, sau khi Bộ Luật Lao động năm 2012 được ban hành, LHQ tại Việt Nam tiếp tục hỗ trợ tích cực Việt Nam trong nỗ lực sửa đổi Luật Lao động nhằm đạt được điều kiện làm việc và năng suất cao hơn thông qua tăng cường tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ tốt nhất đồng thời tăng cường đối thoại xã hội cũng như cải thiện mối quan hệ công việc.

LHQ hỗ trợ Chính phủ và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức của người lao động và chủ doanh nghiệp trong quá trình sửa đổi các chương và điều khoản trong Bộ Luật Lao động năm 2012 nhằm quy định việc đối thoại định kỳ giữa người sử dụng lao động và lao động là bắt buộc. LHQ cũng vận động chính sách và ủng hộ sự tham gia của các tổ chức dân sự xã hội, các hiệp hội kinh doanh và các liên đoàn lao động địa phương trong quá trình sửa đổi Bộ Luật. Những đối tác này đóng vai trò lớn trong việc đảm bảo tiếng nói của người lao động và người sử dụng lao động được nghe thấy trong chương trình lập pháp quốc gia và trong nâng cao chất lượng của các dự thảo luật. Các hệ thống hiệu quả do LHQ giới thiệu nhằm đảm bảo đối thoại tại nơi làm việc đã mang lại kết quả hỗ trợ tích cực, làm thông tin đầu vào cho sửa đổi Bộ Luật Lao động 2012.

Liên quan tới tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế và quan hệ lao động, LHQ tập trung hỗ trợ xây dựng Bộ Luật Lao động sửa đổi (dự kiến sẽ được Quốc hội phê duyệt vào năm 2019) về các nội dung (i) tăng cường năng lực thể chế của các đơn vị, (ii) xây dựng dịch vụ quan hệ lao động tốt phục vụ đăng ký công đoàn và giải quyết tranh chấp cũng như phục vụ các cơ chế hợp tác tại nơi làm việc, và (iii) tăng cường năng lực thanh tra lao động. Với hỗ trợ của LHQ, năng suất lao động trong ngành may mặc đã tăng 22% do phụ nữ được trao quyền và các hoạt động đào tạo dành cho quản đốc dây chuyền (Nguồn: Báo cáo tác động tại Việt Nam của Dự án Công việc tốt hơn). Với tư vấn kỹ thuật của LHQ, việc thành lập Hội đồng Tiền lương Quốc gia Ba bên và Vụ Quan hệ Lao động và Tiền lương thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội là những mốc quan trọng trong lĩnh vực quan hệ lao động và đối thoại xã hội

Hỗ trợ của LHQ trong chủ động thúc đẩy quan hệ lao động được coi là một phần quan trọng trong nỗ lực chung nhằm xây dựng thể chế hiệu quả hỗ trợ Việt Nam gia nhập và tham gia chủ động trong hệ thống thương mại thế giới.  
(ILO, UNDP, UNICEF and UNWOMEN)

Đọc thêm về Hoạt động của LHQ về cải cách quan hệ lao động

“Chúng tôi bây giờ có thể dễ dàng tiếp cận với cấp quản lý, làm cho người lao động như tôi cảm thấy tiếng nói của chúng tôi được lắng nghe, và hiện chúng tôi không cần bãi công nữa”, Đặng Ngọc Trâm Anh, công nhân nhà máy Mabuchi Motor, một nhà máy thí điểm áp dụng mô hình được LHQ hỗ trợ về đối thoại tại nơi làm việc, nói.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Kết quả 1.3. Quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu là một thách thức phát triển chính với Việt Nam. Thiên tai và những áp lực khí hậu khác ngày càng gia tăng và Việt Nam đang đối mặt với sự gia tăng nhanh về nhu cầu năng lượng, khí thải gây hiệu ứng nhà kính, và ô nhiễm và chi phí liên đới. Biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai không là một nhưng có quan hệ chặt chẽ với nhau và đều là ưu tiên trong SEDP giai đoạn 2011-2015 của Chính phủ. Đây cũng là mối ưu tiên toàn cầu vì liên quan tới hỗ trợ của LHQ cho việc thực hiện các công ước quan trọng như Công ước khung LHQ về biến đổi khí hậu (UNFCCC), Công ước LHQ chống sa mạc hóa (UNCCD) và Khung hành động Hyogo (HFA) về xây dựng khả năng chống chịu với thiên tai. Trong các năm qua, LHQ đã hỗ trợ tích cực việc điều phối đa ngành giữa các đối tác khác nhau nhằm chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó với thiên tai và là đối tác hàng đầu của Chính phủ trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Cụ thể, trong Kế hoạch Chung giai đoạn 2012-2016, LHQ tiếp tục hỗ trợ chính sách và hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan trung ương và địa phương, bao gồm cả hỗ trợ thiết kế và thực thi các chính sách giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên bằng chứng, tư vấn chính sách về tiếp cận các cơ hội tài trợ vốn toàn cầu cho biến đổi khí hậu, sản xuất xanh hơn và tăng cường năng lực về chuẩn bị sẵn sàng, đặc biệt ở cấp cộng đồng, trong ứng phó và hồi phục sau thảm họa thiên tai.

Dữ liệu chỉ số kết quả	2006	2011	2013
Phát thải CO <sub>2</sub> (CO <sub>2</sub> e)*		161,9 MtCO <sub>2</sub>	152,6 MtCO <sub>2</sub>
Tỷ lệ thiệt hại về GDP do các thảm họa khí hậu gây ra**	0,75% trung bình một năm trong thời gian 2006-2016		

Nguồn: \*MoNRE

\*\* Ngân hàng Thế giới



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI





## Câu chuyện của LHQ

### Từ ứng phó tới chống chịu và phục hồi



Việt Nam được xếp là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước các tác động của biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Điều này đã thể hiện rõ ràng khi năm 2016 Việt Nam gặp phải đợt hạn hán tồi tệ nhất và bão động về nước mặn xâm nhập tệ nhất trong vòng 60 năm. Đáp lại, các cơ quan LHQ đã chung tay cùng với các cơ quan Chính phủ, các đối tác quốc tế song phương và đa phương và các NGO để giải quyết khủng hoảng.

Tài trợ từ Quỹ ứng phó khẩn cấp trung ương của LHQ (CERF) đã được sử dụng để tập trung cho những người dễ bị tổn thương nhất trong cuộc khủng hoảng này, bao gồm người nghèo và các hộ gia đình có nữ giới là chủ hộ và người dân tộc thiểu số. Can thiệp này, cùng với việc xây dựng và phát hành Kế hoạch ứng phó khẩn cấp nước xâm nhập mặn và hạn hán của LHQ và Chính phủ Việt Nam, đã thu hút sự quan tâm trong và ngoài nước tới đợt hạn hán này, huy động thêm nguồn lực, khích lệ nỗ lực và cố gắng của Chính phủ và cải thiện điều phối ở cấp quốc gia.

Dựa trên đánh giá nhu cầu đa ngành ở 6 tỉnh ở các vùng bị ảnh hưởng nhất, hơn hai triệu người bị thiếu nước sinh hoạt nghiêm trọng, mất mùa, lương thực giảm và điều kiện vệ sinh không đảm bảo đã được đưa vào diện hỗ trợ. Các cơ quan LHQ và các đối tác đã cung cấp nước sạch vệ sinh cần thiết cho cuộc sống, an ninh lương thực, dinh dưỡng, y tế và hỗ trợ hồi phục sớm sau thảm họa cho 412.343 người hưởng lợi bao gồm 167.683 nam giới, 244.660 nữ giới và 113.238 trẻ em, tại 11 trong số 18 tỉnh bị ảnh hưởng ở Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long và Duyên hải Nam Trung Bộ. Hỗ trợ này đã giúp người dân được tiếp cận với nước uống sạch, thức ăn và hàng tiêu dùng và khôi phục sản xuất nông nghiệp, cải thiện vệ sinh và thói quen. Dịch vụ y tế ở tuyến đầu hay tuyến y tế xã đã hồi phục khá nhanh, với việc phòng ngừa bệnh dịch phù hợp, giám sát và phát hiện cũng như xử lý tình thiếu dinh dưỡng.

Bằng việc kết hợp thế mạnh đặc trưng của từng cơ quan, LHQ có thể đảm bảo cách tiếp cận toàn diện trong ứng phó khẩn cấp. LHQ cũng vận động chính sách nhằm tăng cường sức chống chịu và phục hồi với biến đổi khí hậu và thảm họa thiên tai vì các thảm họa do xu hướng thời tiết El Nino gây ra có thể tồi tệ hơn trong tương lai. Một số bài học quan trọng rút ra từ quá trình trên đã được tổng hợp lại, liên quan đến tầm quan trọng của dữ liệu có chất lượng, điều phối trong nội bộ LHQ và với các đối tác thực hiện, theo dõi và đánh giá sau khi cung cấp dịch vụ, cơ chế phản hồi của cộng đồng và các cách tiếp cận về truyền thông nhằm thay đổi hành vi. LHQ sẽ đảm bảo các nỗ lực trong tương lai được kết hợp với năng lực chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với thiên tai ở cả trung ương và địa phương.

(UNICEF, FAO, WHO, UN Women, UNDP)

Đọc thêm về các Báo cáo tình hình thiên tai

Đọc thêm về thảo luận giữa Chính phủ, LHQ và các đối tác về ứng phó khẩn cấp với lũ



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Trồng cây gây rừng



Trong khi rừng diện tích rừng ở Việt Nam đã tăng từ 27% lên 41% trong 20 năm qua, rừng tự nhiên đã bị suy kiệt 20% trong cùng thời gian này. Trước đây, Việt Nam giống như các nước đang phát triển khác đánh giá rừng chủ yếu thông qua các giá trị trực tiếp của rừng như là sản phẩm gỗ hoặc không phải gỗ. Các đóng góp khác của rừng như nuôi dưỡng nông nghiệp, nguồn nước, giảm thiểu biến đổi khí hậu đã bị bỏ qua trong quy trình hạch toán và ra quyết định của quốc gia liên quan tới sử dụng rừng. Trong khi đó, hàng ngàn hecta rừng có thể đã bị hy sinh cho các ưu tiên kinh tế khác mà chưa tính toán đầy đủ chi phí và hậu quả. Số liệu tổng hợp của Cục Lâm nghiệp (VNFOREST, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) cho biết Việt Nam đã chuyển đổi 288.755 ha rừng trong thập kỷ qua thành 2.500 dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Trước tình hình này, với Chương trình UN-REDD Việt Nam pha 2 (REDD+), LHQ đã hỗ trợ Chính phủ và các bên liên quan xây dựng một tầm nhìn REDD+ mới trong đó cần thay đổi cơ bản cách thức mà Việt Nam nhìn nhận về giá trị của rừng và cách tổ chức bảo vệ rừng. Giá trị đầy đủ của rừng phải được phản ánh trong quá trình xây dựng kế hoạch. Với tầm nhìn mới tập trung vào cải thiện chất lượng rừng, REDD+ là cơ hội duy nhất để tích hợp rừng tốt hơn trong chương trình nghị sự phát triển và ưu tiên của quốc gia.

Ba cơ quan LHQ, bao gồm FAO, UNDP và UNEP, đóng vai trò dẫn đầu trong việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật quan trọng để hiện thực hóa tầm nhìn REDD++. Báo cáo mức phát thải liên quan đến rừng do FAO hỗ trợ cung cấp nền tảng cụ thể để hiểu rõ bức tranh đầy đủ về nạn phá rừng và suy giảm rừng ở Việt Nam. Cơ quan Môi trường LHQ đã đóng góp chính trong phân tích không gian và các biện pháp bảo vệ, trong khi UNDP đóng vai trò chính nhằm hỗ trợ đánh giá chiến lược về tiến độ của REDD+ ở Việt Nam và tập hợp các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan lại nhằm có cách tiếp cận tổng hợp vượt ngoài phạm vi lĩnh vực rừng để giải quyết những vấn đề đã được xác định.

(FAO, UNDP and UNEP)

Xem thêm video Chuyển từ nhiều rừng hơn sang rừng tốt hơn

Đọc thêm về Xây dựng REDD+ để thành công



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Kết quả 1.4. Nguồn lực tự nhiên và quản lý môi trường

Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội (SEDS) 2011-2020 xác định một trong những quan điểm đầu tiên là “phát triển bền vững là nền tảng để phát triển nhanh”. Môi trường là một trong ba trụ cột của phát triển bền vững và SEDP 2011-2015 nhấn mạnh “tính liên kết giữa nhiệm vụ bảo vệ môi trường và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cải cách cơ chế bảo vệ môi trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Lồng ghép bảo vệ môi trường vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển vùng và ngành. Đặc biệt chú ý phát triển nền kinh tế xanh và thân thiện với môi trường.” Việt Nam đã ký kết Công ước về đa dạng sinh học, Công ước Ramsar về đất ngập mặn, và Công ước Stockholm về chất gây ô nhiễm không phân hủy (POPs). Tới cuối năm 2015, Việt Nam chưa đạt được MDG7 về Đảm bảo bền vững về môi trường và các chỉ tiêu liên quan. LHQ đã hỗ trợ Việt Nam giải quyết những thách thức liên quan, như hỗ trợ xây dựng và tăng cường thực hiện chính sách, bao gồm cả chính sách tăng trưởng xanh. LHQ cũng cung cấp tư vấn chính sách và hỗ trợ nhằm xây dựng cơ chế tăng cường để thúc đẩy đa dạng sinh học và sản xuất xanh hơn, hỗ trợ kỹ thuật về công nghệ thí điểm để quản lý tốt các chất hóa học độc hại và xử lý POPs/đất ô nhiễm và hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý nước. LHQ đặc biệt tập trung tăng cường năng lực tại MPI, MONRE, MARD và MOIT, cũng như các bộ ngành khác trong việc sử dụng giá cả thị trường để tạo động lực cho tăng trưởng và đầu tư bền vững về môi trường, quản lý bền vững hệ sinh thái, thiết lập cơ chế tài chính bền vững cho các khu vực bảo vệ và nâng tầm của phát triển bền vững trong các chính sách quốc gia và các chiến lược và kế hoạch ngành. Chương trình UN-REDD là một ví dụ về cách LHQ hiện đang hỗ trợ Việt Nam giải quyết một số các thách thức môi trường.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Dữ liệu chỉ số kết quả	2011	2012	2014	2016
Tỷ lệ bao phủ rừng*	39,7%			41,2%
Tỷ lệ dân số sống trong nhà tạm hoặc không kiên cố*	13,4%		14,3%	

Nguồn: \*GSO



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Xanh hóa tăng trưởng ở Việt Nam



Những thành tựu kinh tế ấn tượng của Việt Nam đạt được với sự trả giá lớn về môi trường và mục tiêu phát triển bền vững. Với tốc độ tăng trưởng như hiện nay, quốc gia sẽ trở thành nước phát thải GHG lớn với dự tính tổng lượng khí thải GHG tăng gấp 4 lần trong giai đoạn 2010-2030. Đáp ứng kêu gọi của Chính phủ đề nghị hỗ trợ giải quyết mối đe dọa này, LHQ đã đóng vai trò dẫn đầu trong vận động chính sách và hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng Chiến lược tăng trưởng xanh 2011-2020, trong đó lần đầu tiên đề ra các mục tiêu cụ thể để giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính và sử dụng năng lượng.

Hỗ trợ kỹ thuật của LHQ trong việc mô hình hóa các giải pháp giảm thiểu khí thải GHG đã giúp Việt Nam xác định các mục tiêu cụ thể về khí thải GHG và được thí điểm tại cấp tỉnh và cấp ngành. Tới nay, 5 bộ và 30 tỉnh/thành đã xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (GGAPs). LHQ cũng đóng vai trò chính trong việc xác định chỉ tiêu khí thải GHG và mục tiêu thích ứng để Việt Nam đóng góp vào phê chuẩn Hiệp định khí hậu Paris và thông qua kế hoạch thực hiện. Khung thực hiện này và GGAPs sẽ thu hút tài trợ tài chính quốc tế cho khí hậu để thực hiện chiến lược biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh của quốc gia nhằm giảm khí thải và thích ứng.

Với hỗ trợ của LHQ, Việt Nam đã trở thành nước đầu tiên ở châu Á ban hành bộ tiêu chuẩn quản lý năng lượng ISO 50001 để thực hiện Luật Sử dụng Năng lượng Tiết kiệm và Hiệu quả trong quản lý năng lượng ở các ngành. Điều này đã đóng góp tạo ra môi trường thuận lợi để áp dụng rộng rãi quản lý năng lượng và các thông lệ về tối ưu hóa hệ thống trong cộng đồng doanh nghiệp, giải quyết nhu cầu của Việt Nam trong khi cố gắng thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và giảm thiểu khí thải carbon.

Cùng với tư vấn chính sách, LHQ hỗ trợ kỹ thuật, tăng cường năng lực và chuyển giao công nghệ để thực hiện các chiến lược và kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh. Các can thiệp kỹ thuật về hiệu suất năng lượng trong ngành công nghiệp, thiết bị sử dụng điện tại nhà và ngành xây dựng với hỗ trợ của LHQ đã giúp giảm khoảng 1 triệu tấn khí thải CO<sub>2</sub> trong giai đoạn 2012 – 2016.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Bằng việc trực tiếp huy động các bên liên quan tham gia các chương trình vận động nâng cao nhận thức (thông qua nhiều hình thức như hội thảo, website, báo chí, video clips, chương trình ti vi, tờ rơi, câu chuyện thành công) ở cả cấp trung ương và địa phương cũng như thông qua đào tạo cụ thể trong các hội thảo tăng cường năng lực, LHQ đã xây dựng nền tảng tốt để tiếp tục nâng cao hiệu suất năng lượng trong ngành công nghiệp. 55 chuyên gia trong nước được đào tạo và 434 cá nhân từ các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp và 28 nhà cung cấp thiết bị đã được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết về tiêu chuẩn quản lý năng lượng và tối ưu hóa hệ thống và hiện đang sẵn sàng để cung cấp dịch vụ cho các ngành.

(FAO, IFAD, UNDP, UNEP, UNESCO, UN-HABITAT, UNICEF, UNIDO, WHO, UN Women)

Đọc thêm về Việt Nam đạt tiến bộ  
trong thúc đẩy tăng trưởng xanh



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Mang tiếng nói cộng đồng đến diễn đàn môi trường



Việt Nam đã chứng tỏ cam kết chính trị mạnh mẽ và ý chí kiên quyết trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, xây dựng khung pháp lý tốt về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

Tuy nhiên, còn tồn tại nhiều thách thức khi Việt Nam chưa đạt được đầy đủ mục tiêu MDG7 về môi trường bền vững. Chỉ số hoạt động môi trường toàn cầu năm 2014 xếp Việt Nam đứng thứ 138 trong 178 nước theo 20 chỉ số về hệ sinh thái và sức khỏe con người, trong đó có xu hướng suy giảm về thủy sản, rừng và chất lượng không khí.

Để giải quyết những thách thức đầy áp lực này, sửa đổi Luật Bảo vệ Môi trường nhằm đáp ứng thực tế thay đổi nhanh chóng ở Việt Nam đã được đẩy mạnh trong năm 2014 với việc LHQ vận động nhằm đảm bảo tiếng nói của các nhóm dân cư khác nhau trong xã hội được phản ánh trong luật sửa đổi. Ngoài những thông tin kỹ thuật đầu vào và hỗ trợ tham vấn, một số nghiên cứu chính sách và báo cáo thể hiện quan điểm của LHQ với những gợi ý dựa vào bằng chứng để cải tiến Luật dự thảo đã được chia sẻ với Quốc hội.

Một đặc tính quan trọng của cách tiếp cận có sự tham gia do LHQ khởi xướng trong quá trình xây dựng luật là tham vấn rộng rãi với trẻ em về những vấn đề liên quan tới biến đổi khí hậu nhằm nâng cao năng lực chống chịu và phục hồi của trẻ, đồng thời cung cấp thông tin cho quá trình sửa đổi Luật. Hơn 300 trẻ em từ khu vực nông thôn và thành thị, người dân tộc thiểu số, người nhập cư ở Điện Biên và Ninh Thuận và thành phố Hồ Chí Minh đã được tham vấn và khuyến khích chia sẻ quan điểm nhận thức và hiểu biết của các em về biến đổi khí hậu và quan điểm của các em về chính sách giải quyết vấn đề này. Quá trình tham vấn trực tiếp với trẻ em được các cán bộ trẻ do LHQ đào tạo thực hiện. Thông qua tiến trình tham gia này, trẻ em được trao quyền để trở thành đối tác hiệu quả hơn và là nhân tố cải tổ trong giải quyết các vấn đề liên quan tới biến đổi khí hậu. Kết quả của quá trình tham vấn được cơ quan chính quyền hoan nghênh và tạo thành cam kết từ phía chính quyền trong tăng cường thực hiện các kế hoạch chống biến đổi khí hậu ở mỗi tỉnh. Quan trọng hơn, các kết quả được chia sẻ với các đại biểu quốc hội và cung cấp thông tin cho việc đánh giá và thông qua Luật mới.

Luật được thông qua năm 2014, trong đó có đưa vào những khuyến nghị chính của LHQ, là minh chứng về tính hiệu quả của cách tiếp cận có sự tham gia và dựa trên bằng chứng trong đối thoại trực tiếp với Chính phủ. (UNDP, UNICEF)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Lĩnh vực tập trung 2 – Tiếp cận với các dịch vụ cơ bản có chất lượng và an sinh xã hội

### Giới thiệu



Trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội và cơ cấu dân số thay đổi nhanh chóng, hiện nay, quan trọng hơn bao giờ hết là Việt Nam cần ứng phó hiệu quả với những hình thức đói nghèo dai dẳng và bất bình đẳng đang gia tăng.

Điều này đặc biệt xảy ra với nhiều người trong xã hội, vì bất bình đẳng và phân biệt đối xử vẫn ngăn cản người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, các gia đình ở nơi xa xôi, người có HIV và những người nghèo tiếp cận với các dịch vụ y tế và giáo dục có chất lượng. Đặc biệt, việc phân bổ nguồn lực và đầu tư công không hiệu quả tiếp tục ảnh hưởng tới việc cung cấp các dịch vụ công.

Để xây dựng một hệ thống an sinh xã hội tiến bộ và bao trùm, LHQ đang hợp tác với Chính phủ để thông qua cách tiếp cận phổ cập nhằm thay thế hệ thống các chương trình phức tạp và không hiệu quả hiện nay. Đây là nội dung công việc quan trọng vì các chương trình y tế và giáo dục đều đặc trưng bởi chênh lệch lớn giữa thành thị và nông thôn, giữa người Kinh và người dân tộc và với những công dân thiệt thòi khác gặp phải trở ngại khi tiếp cận các dịch vụ cơ bản. Để giải quyết tình trạng này, LHQ đang hợp tác để điều phối liên ngành về lập kế hoạch, giám sát và thực hiện để cung cấp dịch vụ hiệu quả.

Một vai trò chủ động hiện LHQ đang đảm nhiệm là hỗ trợ xây dựng và thực hiện các luật, chính sách và các chương trình quốc gia với nội dung thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho nữ giới cũng như ứng phó bền vững về HIV, giảm lây nhiễm và phân biệt đối xử.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI





Trong khi Việt Nam đã đạt được những tiến bộ lớn nhằm cung cấp tiếp cận phổ cập về kiến thức phòng ngừa HIV, chữa trị và chăm sóc, vẫn còn khoảng cách lớn về độ bao phủ ở khu vực nông thôn và vùng sâu xa và đối với những người bị thiệt thòi trong xã hội.

Tương tự, bất bình đẳng giới vẫn rất phổ biến ở Việt Nam và là điểm tập trung trong công việc của LHQ nhằm tăng cường sự tham gia của nữ giới trên thị trường lao động và trong quá trình ra quyết định, đặc biệt ở các gia đình, bất bình đẳng giới còn đi kèm bạo hành gia đình và quan niệm thích sinh con trai hơn.

---

Hoạt động của LHQ về an sinh xã hội (**Kết quả 2.1**) liên quan tới UNICEF, ILO, FAO, IOM, UNAIDS, UNESCO, UNDP, UNFPA, UN-Habitat, UNODC và UN Women.

---

Hoạt động của LHQ về y tế (**Kết quả 2.2**) liên quan tới WHO, UNFPA, FAO, ILO, IOM, UNAIDS, UNICEF và UNODC.

---

Hoạt động của LHQ về giáo dục và đào tạo (**Kết quả 2.3**) liên quan tới UNESCO, UNICEF, ILO và UNFPA.

---

Hoạt động của LHQ về HIV và giới (**Kết quả 2.4**) liên quan tới UNAIDS, UNODC, ILO, IOM, UNESCO, UNFPA, UNICEF, UNV, UN Women và WHO.

---



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Kết quả 2.1. An sinh xã hội

Khi trở thành nước có thu nhập trung bình thấp, Việt Nam cũng gặp phải nhiều rủi ro và tổn thương liên quan. Để ứng phó, trong giai đoạn 2012-2016, Chính phủ đã ưu tiên vào an sinh xã hội qua việc tập trung giải quyết tình trạng mức độ bao phủ hẹp, khoảng trống trong cung cấp dịch vụ và mức độ thu chi mất cân bằng. Tuy nhiên, không phải tất cả mọi người đều được hưởng lợi, đặc biệt người “cận nghèo” rất rủi ro. Đây là lý do vì sao LHQ ủng hộ Chính phủ trong một số cải tổ và cải thiện cung cấp dịch vụ nhằm đảm bảo những người dễ bị tổn thương nhất được hưởng lợi từ hệ thống an sinh xã hội.

Dữ liệu chỉ số kết quả	2012	2015
Số người hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định 67 và 13 về chính sách trợ cấp xã hội cho người hưởng lợi*	2,2 triệu	2,6 triệu
Tỷ lệ người có bảo hiểm xã hội**	11,9%	13,4%

Nguồn: \*MoLISA  
\*\*GSO



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Một hệ thống an sinh xã hội dành cho tất cả mọi người



Với tăng trưởng kinh tế ấn tượng và những thay đổi liên quan trong cơ cấu xã hội trong cả khu vực chính thức và phi chính thức, tỷ lệ đô thị hóa gia tăng, và những thay đổi về cơ cấu dân số, Chính phủ xác định cần thiết kế một hệ thống an sinh xã hội mới ở Việt Nam. Kế hoạch tổng thể về an sinh xã hội tới 2030 (MPSAR) được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tháng 4/2017 đưa ra định hướng rõ hơn cho các quyết định chính sách của Chính phủ liên quan tới đối nghèo, tính dễ bị tổn thương và tính bất bình đẳng trong bối cảnh kinh tế-xã hội thay đổi nhanh chóng ở Việt Nam.

Nhiều cơ quan LHQ đã cùng phối hợp với các đối tác phát triển để cung cấp hỗ trợ có điều phối trong tiến hành đánh giá hệ thống an sinh xã hội và xây dựng dự thảo MPSAR. Kèm theo đó là hỗ trợ tăng cường năng lực về an sinh xã hội cho các đại biểu Quốc hội, các nhà hoạch định chính sách, và các cán bộ Chính phủ.

MPSAR đã đưa ra các phương án cụ thể đi đôi với dự toán tài chính và các bước thực hiện nhằm mở rộng diện bao phủ và mức độ chi trả trong 10-15 năm tới. Điều này dựa trên cách tiếp cận theo quyền và trợ cấp xã hội theo vòng đời, dành cho người già, trẻ em và phụ nữ mang thai và người khuyết tật. Vì vậy MPSAR đã ứng dụng những nghiên cứu do LHQ hỗ trợ và mang tiềm năng thay đổi cuộc sống của hàng triệu người dân Việt Nam.

(UNDP, UNICEF, UNFPA, ILO)

Đọc thêm về Hướng tới hiện đại hóa hệ thống trợ cấp xã hội ở Việt Nam

hoặc

Đảm bảo thống nhất để có chính sách bao trùm hơn



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Phản ứng kịp thời với tình trạng dân số già



Việt Nam là một trong các quốc gia già hóa nhanh nhất ở châu Á, với tuổi thọ bình quân tăng cao và tỷ lệ sinh giảm và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm, phản ánh những thay đổi lớn lao của đất nước trong thời gian gần đây. Thay đổi sâu sắc cơ cấu dân số này cũng mang lại những thách thức đáng kể về kinh tế, xã hội và văn hóa cho Việt Nam và Việt Nam đã bước vào giai đoạn “già hóa” chính thức từ năm 2011, theo như Chính phủ, nghĩa là tỷ lệ người trên 60 tuổi hiện đang cao nhất trong lịch sử. Trong 20 năm tới, cứ 5 người sẽ có một người già ở Việt Nam.

Giai đoạn già hóa nhanh này nghiêm trọng hơn vì vị thế dễ bị tổn thương của người già trong xã hội do hơn 70% số người già hiện đang sống ở nông thôn và vẫn phải đi làm để kiếm sống và chỉ 20 % người già có lương hưu, theo Điều tra về người già Việt Nam năm 2011.

Để giải quyết thay đổi này về cơ cấu dân số, nhiều cơ quan LHQ đã hỗ trợ Việt Nam xây dựng các chính sách trong bối cảnh quốc gia có thu nhập trung bình nhằm hỗ trợ bộ phận dân số già đang gia tăng và tận dụng được những lợi ích của “tuổi thọ kéo dài” này. Một hội thảo quốc tế do LHQ tổ chức về ứng phó với dân số già đã được tổ chức vào tháng 9 năm 2013, là cơ hội để các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam và các nhà lập pháp tìm hiểu về việc làm, y tế và an sinh xã hội và các thành công ở các nước có xu hướng tương tự như Việt Nam. Đặc biệt, hội thảo nhấn mạnh nhu cầu Việt Nam cần triển khai một hệ thống an sinh xã hội dành cho người cao tuổi, với cộng đồng mở rộng và mạng lưới y tế rộng, và sử dụng kinh nghiệm và kiến thức của người cao tuổi để tiếp tục thúc đẩy kinh tế và lợi ích trong tương lai.

Sau hỗ trợ xây dựng năng lực của LHQ, MOLISA bắt đầu nghiên cứu và thảo luận về lương hưu năm 2014 và với hỗ trợ của LHQ đã tiến hành rà soát Luật người cao tuổi năm 2009.

(UNFPA, ILO)

Xem thêm về Dân số già của Việt Nam



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Kết quả 2.2. Y tế

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ quan trọng về cung cấp y tế cho người dân. Trong khi tiếp cận đã tăng lên đáng kể trong giai đoạn Kế hoạch Chung 2012-2016 và nhìn chung dịch vụ y tế rất sẵn có, tiếp cận dịch vụ y tế vẫn là thách thức với người dân sống ở khu vực hẻo lánh, dân tộc thiểu số và với những nhóm dễ bị tổn thương khác như phụ nữ nhập cư và trẻ em. LHQ ưu tiên hỗ trợ Việt Nam xây dựng một hệ thống y tế toàn diện cung cấp dịch vụ bình đẳng, hiệu quả, tiếp cận và chi trả được cho mọi người dân.

Dữ liệu chỉ số kết quả	2012	2014	2016
Chi tiêu y tế trực tiếp từ tiền túi của người dân*	50%		43%
Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng đầy đủ*	95%		98%
Tỷ lệ ca sinh được nhân viên y tế có đào tạo đỡ đẻ*	97,7%	97,5%	
Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn có nhà hố xí hợp vệ sinh**	70,0%	77,8%	

Nguồn: \*MOH  
\*\*VHLSS/GSO



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Bệnh truyền nhiễm từ động vật và những đe dọa về y tế công cộng từ mối tương tác giữa người và động vật



Ước tính rằng 70% những dịch bệnh đang xảy ra hiện nay có nguồn gốc từ động vật như cúm gà, Ebola và MERS, trong đó “các bệnh truyền từ động vật sang người” có nguy cơ gây tác động tiêu cực nghiêm trọng tới sức khỏe người dân kể cả gây tử vong, tới sinh kế của người dân và nền kinh tế. Việt Nam ngày càng hội nhập toàn cầu và tăng cường giao thương nước ngoài nên số lượng khách du lịch và giao thương trong và ngoài nước tăng vọt, làm phức tạp hơn rủi ro về lây nhiễm dịch bệnh từ động vật truyền sang người. Để giải quyết vấn đề này, các cơ quan LHQ đã cùng phối hợp nhằm tăng khả năng sẵn sàng và giải quyết dịch bệnh liên quan tới sức khỏe của con người và động vật.

Đặc biệt, FAO đã hỗ trợ kỹ thuật cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm tăng cường kiểm soát cúm gia cầm trực tiếp và năng lực phòng thí nghiệm, trong khi WHO đã hỗ trợ Bộ Y tế và các bộ khác xây dựng năng lực cần thiết theo yêu cầu tại Quy định Y tế Quốc tế (IHR2005) nhằm phát hiện, đánh giá, thông báo và ứng phó với các bệnh dịch công cộng. UNDP đã hỗ trợ đối thoại chính sách giữa các bộ ngành và thiết lập Nhóm quan hệ đối tác chung về y tế, là diễn đàn để trao đổi thông tin và lập kế hoạch nhằm giảm rủi ro về dịch cúm gia cầm và các bệnh dịch truyền từ động vật sang người khác. Một kết quả quan trọng của hỗ trợ LHQ thể hiện qua việc phê duyệt và triển khai Thông tư liên bộ số 16 nhằm ngăn ngừa và kiểm soát dịch bệnh lây truyền từ động vật do Bộ Y tế và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành năm 2013. Thông tư liên bộ 16 đã hỗ trợ điều phối hành động giữa các cơ quan phụ trách về sức khỏe con người và thú y ở cấp trung ương và địa phương nhằm tăng cường trao đổi thông tin, cùng điều tra việc bùng phát dịch bệnh và phối hợp xử lý dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người.

Hợp tác giữa LHQ và Chính phủ đã giúp thông qua kế hoạch quốc gia lần thứ hai về kiểm soát bệnh dại. Thực hiện kế hoạch đầu tiên trong giai đoạn 2011-2015 đã giúp giảm lượng người bị nhiễm bệnh dại xuống 70 năm 2014 từ con số 98 trong năm 2012 và tỷ lệ phòng bệnh cũng như tiêm phòng vacxin cho động vật đã tăng lên.

(FAO, WHO, UNDP)

Xem thêm về Động vật khỏe hơn,  
Con người khỏe hơn



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Xây dựng Luật Phòng, Chống Tác hại của Thuốc lá



LHQ hỗ trợ xây dựng Luật Phòng, Chống Tác hại của Thuốc lá ở Việt Nam, phù hợp với Công ước Khung của LHQ về Kiểm soát Thuốc lá. Luật có tiềm năng bảo vệ hàng ngàn người khỏi chết trẻ do sử dụng thuốc lá nếu thực hiện. Luật cũng quy định thành lập Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá với nguồn tiền sẵn có lên tới 10 triệu US\$ mỗi năm, từ nguồn thu thuế tiêu thụ đặc biệt với sản phẩm thuốc lá và quỹ này dùng để truyền thông, tăng cường năng lực và thực hiện các hoạt động cộng đồng về kiểm soát thuốc lá.

Khảo sát toàn cầu về hút thuốc lá ở người lớn (GATS) năm 2015 cho biết số lượng nam giới hút thuốc đã giảm từ 47,2% xuống 42,2% ở thành thị và những người bị ảnh hưởng bởi hút thuốc lá bị động đã giảm trong mọi tình huống bao gồm ở nhà, trong phòng nơi công cộng và ở nơi làm việc.

(WHO)

[Xem thêm về kết quả của GATS](#)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Giảm suy dinh dưỡng thể còi cọc ở cấp quốc gia và địa phương thông qua Chương trình chung của LHQ về dinh dưỡng và an ninh lương thực



Suy dinh dưỡng còi cọc ở trẻ em tiếp tục là một thách thức với Việt Nam. Khi Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, chiều cao trở thành biểu tượng cho mức độ tiến bộ của Việt Nam. Chiến lược Dinh dưỡng Quốc gia giai đoạn 2011-2020 nêu rõ “Các chỉ số dinh dưỡng, đặc biệt là tỷ lệ còi cọc ở trẻ em cần được coi là một chỉ số phát triển kinh tế - xã hội đối với cả nước cũng như đối với từng địa phương”.

Để cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em và tăng an ninh lương thực cho các nhóm dân số dễ bị tổn thương ở Việt Nam, LHQ đã thiết kế Chương trình chung về dinh dưỡng và an ninh lương thực tổng hợp, thông qua hai giai đoạn, từ năm 2009 và sẽ kết thúc vào năm 2017. Chương trình tập trung vào đối tượng người nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn, cũng như bà mẹ và trẻ nhỏ. Chương trình này cũng được bổ sung thêm với hoạt động vận động nước uống an toàn và cộng đồng không đi vệ sinh bừa bãi ra môi trường.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Thông qua thực hiện Chương trình chung, các hoạt động nhằm giảm suy dinh dưỡng còi cọc và an ninh lương thực dựa trên bằng chứng đã được mở rộng và nhất quán với Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) về dinh dưỡng, an ninh lương thực và không còn đói. Chương trình cũng cung cấp can thiệp chính sách, vận động chính sách và tăng cường hệ thống ở cấp trung ương, xây dựng và thực hiện các mô hình dựa vào cộng đồng và truyền thông nhằm thay đổi hành vi ở cấp cơ sở.

Ở trung ương, LHQ đã cùng hợp tác để thúc đẩy làm giàu lương thực thực phẩm, hệ thống Quản lý lồng ghép và điều trị trẻ em suy dinh dưỡng nặng cấp tính (IMAM), Chăm sóc Thiết yếu Trẻ sơ sinh (EENC), và Tháp Dinh dưỡng. Với đóng góp quan trọng của các cơ quan LHQ, Chính phủ đã phê duyệt Nghị định về Tăng cường Vi chất dinh dưỡng vào Thực phẩm năm 2016 và hướng dẫn quốc gia về quản lý tổng hợp vấn đề suy dinh dưỡng nghiêm trọng ở trẻ. Những văn bản này đã cứu giúp sự sống của hơn 250.000 trẻ em dưới năm tuổi khỏi bị suy dinh dưỡng cũng như chăm sóc và phòng ngừa cho bà mẹ và đảm bảo cho con bú mà không thiếu các vi chất. Thông qua chương trình chung, LHQ cũng vận động ban hành Nghị định 100/NĐCP-2014 có hiệu lực trong năm 2015 theo đó ngăn cấm tất cả các hình thức quảng cáo sản phẩm thay thế sữa mẹ đối với trẻ em dưới 24 tháng tuổi và thực phẩm chức năng với trẻ dưới 6 tuổi, với một cơ chế được xây dựng để thực hiện và áp dụng rộng rãi hơn. LHQ cũng giúp tăng cường năng lực cho các cơ sở y tế Chăm sóc Thiết yếu Trẻ sơ sinh (EENC) thông qua đào tạo các giảng viên ở 12 tỉnh cũng như hỗ trợ sửa hướng dẫn của WHO về lập kế hoạch hàng năm cho EENC phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Đáng chú ý, hướng dẫn về Tháp Dinh dưỡng được xây dựng nhằm tăng cường truyền thông về thói quen dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, phụ nữ nuôi con nhỏ và trẻ em dưới năm tuổi.

Ở địa phương, mô hình dựa vào cộng đồng về dinh dưỡng và an ninh lương thực được xây dựng và thực hiện ở tỉnh Lào Cai và Ninh Thuận. Trong mô hình này, chăm sóc sức khỏe cơ bản, dinh dưỡng, nước và vệ sinh và trồng trọt, chăn nuôi và sản xuất phù hợp được lồng ghép để đưa ra các can thiệp tổng hợp nhằm đảm bảo dinh dưỡng và an ninh lương thực cho các hộ gia đình và cộng đồng. Tăng cường đào tạo cho cha mẹ, người chăm sóc và người nông dân về dinh dưỡng và an ninh lương thực thông qua các câu lạc bộ cha mẹ và hình thức đào tạo “đầu bờ”. Mô hình này đã được tiếp tục nhân rộng. Quan trọng hơn, tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng còi cọc đã giảm ở một số xã thuộc Dự án.

(FAO, UNICEF, UN WOMEN, WHO)

Đọc thêm về Chương trình chung về Dinh dưỡng và An ninh Lương thực



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Kết quả 2.3. Giáo dục và đào tạo

Trên thế giới, Việt Nam nổi tiếng về câu chuyện thành công trong giáo dục, đạt phổ cập tiểu học năm 2000 và phổ cập trung học cơ sở năm 2010. Mặc dù đạt được những thành tựu này, chênh lệch về giáo dục vẫn còn ở một số nhóm dễ bị tổn thương như trẻ em, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nhập cư và người sống ở khu vực hẻo lánh khó đi lại. Vì vậy, LHQ đặt mục tiêu hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương này và tập trung nhằm giảm chênh lệch và đạt được bình đẳng và chất lượng giáo dục cho các nhóm dân số.

Dữ liệu chỉ số kết quả	2011	2012	2015
Tỷ lệ học sinh đi học mẫu mầm non*	71,9%		
Tỷ lệ học sinh học hết cấp tiểu học**		92,1%	95,0%

Nguồn: \*MICS/GSO  
\*\*MOET



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Giáo dục song ngữ giúp học chủ động



Tiếng Việt là ngôn ngữ chính ở trường học đã gây một số trở ngại về giao tiếp cho hầu hết học trò người dân tộc thiểu số. Do quen dùng ngôn ngữ mẹ đẻ nên trẻ em dân tộc thiểu số khó khăn để hiểu bài giảng của giáo viên, dẫn đến khó có thể tham gia tích cực trong lớp. Tình trạng này dẫn tới kết quả học tập kém và khả năng bỏ học tăng cao hơn ở các khu vực miền núi.

Giải quyết xu hướng này, LHQ hỗ trợ Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện một Nghiên cứu Hành động về Giáo dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ (MTBBE) ở các tỉnh Lào Cai, Gia Lai và Trà Vinh với ba ngôn ngữ của ba nhóm dân tộc lớn ở Việt Nam (H'Mong, J'rai và Khmer). Bắt đầu từ năm 2007, chương trình này đã thiết kế và xuất bản chương trình học mới với sách giáo khoa mới dành cho cấp tiểu học bằng cả ba ngôn ngữ, đào tạo giáo viên, thực hiện thí điểm và cuối cùng là thông qua cách áp dụng. Chương trình hướng tới các trẻ em kể từ khi bắt đầu đi học mẫu giáo cho tới khi học xong tiểu học vào năm 2015. Tận dụng lợi thế về cách tiếp cận và thực hiện chương trình MTBBE, một dự án Lao động trẻ em, do LHQ hỗ trợ đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai thực hiện năm 2011-2013 với học sinh người H'mong ở hai xã thuộc Sapa, Lào Cai để giúp các em có thể tiếp tục đi học.

MTBBE được đánh giá năm 2015 và được cả tư vấn đánh giá và Chính phủ ghi nhận là một chương trình phù hợp và có tính bền vững. Các phát hiện của đánh giá được chia sẻ vào tháng 9/2016. Chương trình đã đóng góp nhằm xây dựng các chính sách và thông lệ, bao gồm khung pháp luật quy định việc xuất bản sách giáo khoa bằng tiếng mẹ đẻ và bằng tiếng Việt trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Năm 2016, sau vận động chính sách mạnh mẽ của LHQ về tầm quan trọng của tiếng mẹ đẻ và các chương trình dạy cần phù hợp với văn hóa, Việt Nam đã thiết kế và xuất bản chương trình học mới và sách giáo khoa cho cấp tiểu học bằng ba ngôn ngữ, song song với đào tạo giáo viên, thí điểm và thông qua mô hình. MTBBE đã được bốn tỉnh áp dụng song song với việc thúc đẩy ngôn ngữ dân tộc. Chương trình cũng giúp nâng cao nhận thức của người làm chính sách và các nhà quản lý giáo dục về rào cản ngôn ngữ mà trẻ em người dân tộc gặp phải.

(UNICEF và ILO)

Đọc thêm về LHQ nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Giáo dục bao trùm dành cho trẻ em khuyết tật



Việt Nam hiện có 6,7 triệu người khuyết tật trong đó 1,3 triệu là trẻ em. Mặc dù có quy định pháp lý cụ thể nhằm đảm bảo tiếp cận với giáo dục dành cho tất cả mọi người, đặc biệt là trong các trường học chính thống, theo đúng Luật về người khuyết tật và Công ước về quyền của người khuyết tật, vẫn còn thách thức về tiếp cận bình đẳng với giáo dục có chất lượng dành cho tất cả mọi người. Tỷ lệ trẻ em khuyết tật không được đi học tiếp tục chiếm một tỷ lệ cao (83,1%) trong khi tỷ lệ này ở trẻ em không khuyết tật là 11,8 %.

LHQ đã tạo ra một động thái quan trọng năm 2014 nhằm cải thiện các cơ hội cho trẻ khuyết tật. Vào tháng Năm, Tuần Hành động Toàn cầu về Giáo dục cho Mọi người được triển khai ở Việt Nam với chủ đề “Người khuyết tật có quyền hưởng giáo dục có chất lượng, bình đẳng và thân thiện”. Sự kiện này do LHQ điều phối với hỗ trợ của 20 tổ chức bao gồm các NGOs trong nước/nước ngoài và các mạng lưới người khuyết tật, sự kiện đã tạo nên cộng hưởng lớn để thực hiện các chính sách, chương trình và biện pháp nhằm hỗ trợ quyền và cơ hội bình đẳng về giáo dục dành cho tất cả mọi người.

Để đảm bảo tất cả học sinh đi học tại trường học, LHQ hợp tác chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các đối tác để vận động thực hiện quyền của trẻ em khuyết tật được đi học. Vận động chính sách này được thiết kế để không chỉ tác động tới quá trình xây dựng chính sách mà còn đảm bảo thực thi hiệu quả.

Song song với việc có hiệu lực của hai văn bản lớn là Thông tư liên bộ 42/2013 và 19/2016 vào năm 2014 và 2016, LHQ tiến hành giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục cụ thể cho người khuyết tật ở một số tỉnh thông qua đào tạo giáo viên về giáo dục dành cho tất cả mọi người, nâng cao nhận thức của cộng đồng về giảm kỳ thị, theo dõi và tài liệu hóa để tuyên truyền trên toàn quốc. Những thay đổi nhận thấy trong quá trình giám sát chính sách bao gồm việc thiết lập các trung tâm nguồn lực đào tạo dành cho tất cả mọi người ở cấp tỉnh, theo dõi một cách có hệ thống về trẻ khuyết tật và xác nhận kịp thời về khuyết tật để nhập học vào trước, thái độ tích cực hơn của cha mẹ và các giáo viên được đào tạo chứng tỏ kỹ năng tốt trong dạy học những trẻ có khó khăn với việc học. Tất cả những điều này đã đóng góp ý nghĩa nhằm thúc đẩy giáo dục dành cho tất cả mọi người thông qua việc giúp hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường học.

(UNESCO, UNICEF)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Kết quả 2.4. HIV và vấn đề Giới

HIV và AIDS tiếp tục là vấn đề y tế công cộng chính và AIDS gây ra nhiều cái chết trẻ ở Việt Nam. Hơn nữa, người có HIV tiếp tục bị kỳ thị và phân biệt đối xử đáng kể. Trong khi tỷ lệ nhiễm HIV thấp nhất trong khu vực ở mức 0,4 % đối với độ tuổi 15-49, con số người bị nhiễm là khá lớn gồm 250.000 người có HIV vào cuối năm 2016. Với sự điều phối của UNAIDS, LHQ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam cải thiện tiếp cận và chất lượng dịch vụ dành cho người có HIV, giảm kỳ thị và phân biệt đối xử cũng như xây dựng thông tin chiến lược. Tiếp cận chữa trị HIV được mở rộng đáng kể trong giai đoạn này và 47% người có HIV được chữa trị tính tới cuối năm 2016.

Bình đẳng giới ở Việt Nam đã cải thiện qua thời gian, với tỷ lệ đại biểu Quốc hội là nữ giới chiếm 24,4 %, cao hơn so với mức trung bình tại các cơ quan lập pháp ở châu Á (19%) và toàn cầu (21%). Tuy nhiên tỷ lệ nữ giới nắm các vị trí ra quyết định nhìn chung còn thấp. Đồng thời, sở thích có con trai thể hiện rõ qua chênh lệch giới tính khi sinh cao, và chấp thuận việc đàn ông có thể thượng phong có thể thấy qua tỷ lệ bạo hành gia đình cao. Còn những rào cản đối với phụ nữ trong tiếp cận các nguồn lực, tư liệu sản xuất và đào tạo/giáo dục dạy nghề và kỹ thuật. Trong giai đoạn 2012-2016, LHQ đã cung cấp tư vấn chính sách, xây dựng năng lực, nâng cao nhận thức và vận động chính sách cũng như hỗ trợ xã hội dân sự nhằm đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Dữ liệu chỉ số kết quả	2012	2014	2016
Tỷ suất giới tính khi sinh (bé trai/100 bé gái)*	112,3		112,2
Tỷ lệ HIV ở các nhóm có nguy cơ lây nhiễm HIV cao**	PWID=12,0% SW=2,7% MSM=16,7%		PWID=11,0% SW=2,7% MSM=8,2%
Thái độ chấp nhận người có HIV***	28,9%	30,0%	

Nguồn: \*GSO  
\*\*MOH  
\*\*\*MICS



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Khung pháp lý và chính sách được tăng cường nhằm giải quyết hiệu quả bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới, và bạo hành theo giới



Trong giai đoạn 2012-2016, LHQ cùng vận động chính sách và hỗ trợ Việt Nam thúc đẩy bình đẳng giới trong quá trình cải cách luật pháp và chính sách thông qua thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế liên quan, đặc biệt trong Công ước về xóa bỏ các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và Tuyên bố và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh. Hỗ trợ của LHQ được thực hiện thông qua nhiều hoạt động vận động chính sách, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, trao đổi kiến thức giữa các bên liên quan và xây dựng năng lực.

Nỗ lực của LHQ đã dẫn tới những thay đổi trong các bộ luật sửa đổi. Những thay đổi này bao gồm cấm quấy rối tình dục ở nơi làm việc, điều khoản về bảo vệ người lao động trong nước và thiết lập trách nhiệm về lương tối thiểu cho người sử dụng lao động trong Luật Lao động sửa đổi (2012); nhấn mạnh về bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình, bỏ quy định cấm kết hôn đồng giới và ghi nhận chăm sóc gia đình là một công việc tạo ra thu nhập trong phân chia tài sản trong Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi (2014); quy định ít nhất 35% ứng cử viên phải là nữ trong vòng bỏ phiếu cuối cùng ở tất cả các cấp trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp (2015); lồng ghép nguyên tắc bình đẳng giới trong quá trình lập kế hoạch ngân sách và chi tiêu trong Luật Ngân sách sửa đổi (2015); Mở rộng định nghĩa về tỷ lệ và bạo lực tâm lý và thể xác nghiêm trọng đối với các thành viên trong gia đình tới mức hình sự trong Luật Hình sự sửa đổi (2015). Một số văn bản luật quan trọng khác đã được ban hành với hỗ trợ của LHQ, cụ thể như hướng dẫn của Quốc hội về việc áp dụng công ước CEDAW trong quá trình xây dựng luật và Công cụ đánh giá tác động giới của Bộ Tư pháp nhằm hỗ trợ các nhà soạn thảo luật pháp trong lồng ghép bình đẳng giới vào khung pháp lý.

Trong giai đoạn Kế hoạch Chung 2012-2016, LHQ đóng vai trò là bên triệu tập không thiên vị để liên kết và kết nối các đối tác thuộc nhiều thành phần bao gồm các cơ quan Chính phủ, các nhóm xã hội dân sự, các tổ chức học thuật và các đối tác phát triển v.v... tham gia quá trình hoặc định chính sách và xây dựng luật ở tất cả các cấp. LHQ hợp tác chặt chẽ với các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs) và cổ động cho quyền của nữ giới nhằm đảm bảo tiếng nói và mối quan tâm của phụ nữ và trẻ em gái được nêu lên và giải quyết trong các cải cách luật và chính sách. Một số văn kiện thể chế thể hiện đóng góp của LHQ trong lĩnh vực này bao gồm Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020, Dự án quốc gia về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch hành động quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục trong giai đoạn 2016-2020.

(UN Women, UNFPA, UNDP, UNESCO, ILO)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Đối mặt với bạo hành giới



Việt Nam có tỷ lệ bạo hành giới (GBV) cao song nhiều nạn nhân không tìm kiếm sự hỗ trợ từ khu vực công. Điều này là do còn lỗ hổng trong luật, dịch vụ hỗ trợ còn hạn chế và chưa có đủ biện pháp trừng phạt, cộng thêm định kiến giới từ chính các bên cung cấp dịch vụ và xã hội khi tiếp tục phân biệt đối xử với những nạn nhân là nữ giới.

Trong giai đoạn 2012-2016, LHQ đã cung cấp tư vấn chính sách chung nhất quán với các chuẩn mực và tiêu chuẩn quốc tế và các thông lệ tốt dựa trên các kết quả nghiên cứu nhằm hỗ trợ lồng ghép những chuẩn mực này vào khung chính sách và luật pháp quốc gia về bạo hành giới. Cụ thể, LHQ hỗ trợ Chính phủ phê duyệt cơ chế điều phối liên ngành vào năm 2015 nhằm giải quyết bạo hành gia đình và đi kèm khung theo dõi đánh giá để giám sát việc thực hiện.

Hoạt động vận động chính sách và hỗ trợ của LHQ cho Chính phủ có phối hợp với các tổ chức CSOs đóng vai trò quan trọng trong việc mang tiếng nói của những người phụ nữ bị ảnh hưởng nhất lên bàn thảo luận chính sách và đóng góp vào việc phê duyệt Dự án quốc gia về phòng ngừa và giải quyết bạo hành giới trong giai đoạn 2016-2020 với tầm nhìn 2030. Đây là dự án quốc gia đầu tiên giải quyết vấn đề bạo hành giới dưới nhiều hình thức khác nhau ngoài hình thức bạo hành gia đình, phản ánh các khuyến nghị của Ủy ban CEDAW nhằm ngăn ngừa và ứng phó với mọi hình thức bạo hành với phụ nữ. Dự án quốc gia này cam kết cải thiện chất lượng dịch vụ cơ bản dành cho người bị bạo hành giới, ngăn ngừa và xử lý việc quấy rối tình dục ở công sở, giới thiệu các mô hình thành phố an toàn nhằm giải quyết bạo hành và quấy rối ở nơi công cộng và trường học và các mô hình ngăn ngừa bạo hành dựa vào cộng đồng.

LHQ cũng thí điểm các biện pháp can thiệp và phản hồi sáng tạo để mở rộng trong tương lai. Những biện pháp này bao gồm mô hình ngăn ngừa GBV dựa vào cộng đồng và dựa vào trường học của UN Women, gói can thiệp tối thiểu cho bên cung cấp dịch vụ nhằm ứng phó với GBV của UNFPA, hệ thống bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng của UNICEF nhằm bảo vệ và ứng phó với bạo hành trẻ em trai và gái cũng như những công việc thí điểm của UN Women, UNFPA và UNV nhằm liên kết đàn ông và các bé trai thành đồng minh để ngăn ngừa và ứng phó với GBV.

(UNFPA, UN Women, UNODC, ILO, UNESCO, UNICEF, WHO, UNV)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI





## Câu chuyện của LHQ

### Thay đổi tập quán xã hội để giải quyết bất bình đẳng giới



Nguyên nhân sâu xa của bất bình đẳng giới ở Việt Nam là tư duy gia trưởng và định kiến giới còn phổ biến. Đại diện nữ giới trong chính trường còn thấp, bất bình đẳng trong tiếp cận về giáo dục và cơ hội kinh tế, và bạo hành với nữ giới cao nhưng lại không bị trừng phạt là các biểu hiện về thái độ phân biệt đối xử và định kiến xã hội. Nguyên tắc làm việc của LHQ là tất cả các nỗ lực nhằm tăng cơ hội cho phụ nữ trong năm vai trò lãnh đạo, hay nhằm thúc đẩy tuân thủ luật pháp, như Luật chống bạo hành gia đình, sẽ không thể thành công nếu không giải quyết các nguyên nhân sâu xa này. Vì vậy, chiến đấu và chuyển đổi hành vi và định kiến giới là chiến lược chính cho công việc chung của LHQ nhằm đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Chiến lược này được thực hiện thông qua hỗ trợ của LHQ cho các chiến dịch vận động, thí điểm các biện pháp can thiệp thay đổi hành vi dựa vào trường học hoặc dựa vào cộng đồng, và vận động chính sách để Bộ Giáo dục và Đào tạo lồng ghép các chương trình thúc đẩy bình đẳng giới, mối quan hệ tôn trọng lẫn nhau và kỹ năng giao tiếp phi bạo lực trong trường học.

Kể từ năm 2012, nhiều chiến dịch vận động sáng tạo của LHQ được triển khai ở Việt Nam. Trong đó phần lớn là được tiến hành lần đầu. Các chiến dịch này đã trực tiếp hoặc thông qua báo chí để đến với hàng triệu người nhằm thúc đẩy thái độ tôn trọng phụ nữ, kêu gọi hành động nhằm phá bỏ định kiến giới, nói lên tiếng nói chống lại bạo hành giới và khuyến khích đàn ông và các bé trai tham gia trong các phong trào bình đẳng giới. Các chiến dịch này bao gồm “16 ngày hành động nhằm chấm dứt bạo lực với phụ nữ”, “Anh ấy vì chị ấy”, “# Không bình thường là thế nào!!!”, “CHẤM DỨT phân biệt đối xử giới, CHẤM DỨT lựa chọn giới tính”. Phong trào giáo dục đồng đẳng hướng tới đối tượng thanh niên “Người tạo ra thay đổi”, đã đào tạo 146 sinh viên từ 24 trường đại học trên toàn quốc thành những người đi đầu trong nhóm đồng đẳng và những sinh viên này sau đó đã tiếp tục thực hiện các chiến dịch truyền thông riêng của mình hướng tới 300.000 người. Chiến dịch #Thế nào là Không bình thường (#HowAbnormal) được truyền lửa thêm thông qua các video về giới với những suy nghĩ gây sốc và những ngày hội tổ chức ở các trường đại học, qua đó tác động trực tiếp tới 30.000 sinh viên và hơn 1 triệu người trên mạng xã hội với những thông điệp cần suy nghĩ khác về các định kiến giới.

(UN Women, UNFPA, UNDP, UNESCO, UNODC)

Đọc thêm về Tuổi trẻ hình thành chuẩn mực về giới



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Đầu tư chiến lược để phòng chống HIV



Mặc dù trong 25 năm qua Việt Nam đã đạt được những thành tựu thực sự trong ngăn ngừa số ca nhiễm mới, giảm số người chết do AIDS và mở rộng các can thiệp giảm hại, tăng cường chữa trị và chăm sóc ở các tỉnh bị ảnh hưởng nặng, song quốc gia vẫn gặp phải những thách thức đáng kể nhằm duy trì biện pháp ứng phó quốc gia với HIV.

Năm 2014, Bộ Y tế xây dựng đề xuất đầu tư tổng thể nhằm khẳng định quyết tâm ứng phó với HIV. UNAIDS dẫn đầu cung cấp tư vấn chiến lược của LHQ cho công việc này, đặc biệt là hướng dẫn về “cách tiếp cận đầu tư” theo đó thúc đẩy đầu tư có mục tiêu và xác định rõ các ưu tiên hơn dựa trên hiểu biết về bệnh dịch, kết hợp với những can thiệp đã chứng tỏ có hiệu quả. UNAIDS và WHO hỗ trợ kỹ thuật tổng hợp nhằm ước tính chi phí và tác động của các lựa chọn chính sách và các mức độ bao phủ của chương trình. Đề xuất đầu tư này xác định 6 hành động ưu tiên nhằm tăng tính hiệu quả, hiệu suất và tính bền vững của giải pháp của quốc gia về HIV và để chấm dứt việc HIV là một mối đe dọa sức khỏe cộng đồng vào năm 2030

Kể từ khi đề xuất đầu tư này được hoàn tất vào tháng 8/2014, Chính phủ đã thực hiện nhiều bước đi cụ thể. Trong chuyến thăm của Tổng giám đốc UNAIDS Michel Sidibe tới Hà Nội vào tháng 10/2014, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam cam kết sẽ chấm dứt AIDS vào năm 2030. Việt Nam trở thành nước đầu tiên trong khu vực thông qua mục tiêu tham vọng “90-90-90” về xét nghiệm HIV và chữa trị. UNAIDS, WHO, UNODC, UNFPA và ILO hỗ trợ các bên liên quan chuyển

các ưu tiên đầu tư này thành hành động bằng cách ưu tiên các can thiệp có tác động lớn, tập trung nguồn lực vào các nhóm dân số chính và thiết lập cơ chế tài chính bền vững. Đề xuất đầu tư này cũng cung cấp thông tin giúp xây dựng đề xuất Quỹ Toàn cầu. Quỹ này được phê duyệt vào tháng 11/2014, cho phép Việt Nam nhận được US\$107 triệu để ứng phó với HIV và lao trong giai đoạn 2014-2017.

(UNAIDS, WHO, UNODC, UNFPA and ILO)

90% người nhiễm HIV biết về hiện trạng của mình, 90% người có HIV được khám lâm sàng và được chữa trị bằng thuốc ARV liên tục 90%; người nhiễm được chữa trị bằng ARV sẽ ngăn chặn được bệnh vào năm 2020

Đọc thêm về Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á cam kết các mục tiêu mới về chữa trị HIV



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Không ai bị bỏ lại phía sau: Bảo vệ quyền của người mại dâm



Luật pháp Việt Nam hiện nay coi việc bán và mua dâm và các hoạt động liên quan là bất hợp pháp. Vì vậy, “phòng ngừa và kiểm soát” là cách tiếp cận duy nhất để giải quyết với mại dâm tại quốc gia – mặc dù cách này không phù hợp với cách tiếp cận dựa trên quyền con người.

Sau khi Pháp lệnh về phòng chống mại dâm được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt vào năm 2003, UNCT quan ngại về việc giam giữ bắt buộc và tình hình nhân quyền của người mại dâm ở Việt Nam. LHQ cùng các đối tác phát triển và CSOs tiến hành các hoạt động vận động chính sách dựa trên quyền con người và dựa trên bằng chứng. Những hoạt động này được thiết kế nhằm gây ảnh hưởng tới các nhà hoạch định chính sách của Đảng, Quốc hội và các bộ liên quan như Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế nhằm thông qua cách tiếp cận dựa trên nhân quyền và dựa trên bằng chứng trong xây dựng và thực hiện các chính sách và luật pháp liên quan tới mại dâm. Tập trung chuyển sang tạo môi trường thuận lợi để người mại dâm được hưởng các quyền con người và không bị phân biệt đối xử, lạm dụng hoặc bạo hành.

Những nỗ lực vận động này của LHQ đã đóng góp lớn dẫn đến thông qua Luật tạm giữ hành chính ngày 20/6/2012 trong đó xóa bỏ điều khoản tạm giam hành chính người bán dâm tại 5 trung tâm. Việc xóa bỏ giam giữ cũng dỡ bỏ trở ngại chính với việc cung cấp dịch vụ HIV. Ngoài ra, với hỗ trợ của LHQ, các can thiệp giảm hại chính thức được đưa vào chương trình hành động liên quan tới người bán dâm trong giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020. Kế hoạch hành động hỗ trợ thực hiện các can thiệp và các hoạt động qua đó cải thiện tiếp cận và bảo vệ sức khỏe sinh sản tình dục, phòng chống HIV và GBV cũng như bảo vệ quyền tại nơi làm việc cho những người làm việc trong lĩnh vực giải trí. Dựa trên kinh nghiệm từ can thiệp thí điểm do LHQ hỗ trợ, MOLISA đã xây dựng hướng dẫn quốc gia về can thiệp giảm hạn đã được nhằm hướng dẫn thiết kế và thực hành một mô hình can thiệp để cải thiện việc cung cấp dịch vụ về sức khỏe sinh sản tình dục, HIV và ngăn ngừa GBV và thúc đẩy môi trường làm việc an toàn. Tới năm 2016, ít nhất 10 tỉnh và thành phố có kế hoạch thực hiện hướng dẫn giảm hại sử dụng ngân sách trung ương và địa phương.

*“Tôi nghĩ lợi thế lớn của LHQ so với các đối tác song phương trong hỗ trợ xây dựng pháp luật là LHQ luôn luôn tôn trọng quyền làm chủ và lãnh đạo của Chính phủ trong xây dựng pháp luật. LHQ coi Việt Nam là một đối tác bình đẳng, nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề đi đôi với việc điều chỉnh linh hoạt các ưu tiên và hỗ trợ những ưu tiên cần thiết nhất trong bối cảnh Việt Nam, đồng thời kết hợp thế mạnh và kinh nghiệm của các tổ chức LHQ và cung cấp nguồn chuyên gia tư vấn giỏi trên toàn cầu.”, ông Hoàng Thế Liên, Thứ trưởng Bộ Tư pháp nói.*

(UNAIDS, UNFPA, UNICEF, UNDP, ILO, UN Women)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Lĩnh vực tập trung 3 – Tăng cường quản trị công và sự tham gia

### Giới thiệu



Việt Nam là nước đang chuyển đổi và đang thực hiện quá trình cải cách thể chế. Cần các thể chế hiện đại và tinh tường ở Việt Nam để ứng phó và giải quyết các thách thức phức tạp của quốc gia trong 5-10 năm tới. Chính phủ đã thể hiện cam kết đảm bảo quản trị công minh bạch hơn, hiệu quả hơn và có trách nhiệm giải trình hơn nhằm cho phép tất cả mọi công dân Việt Nam có tiếng nói về những vấn đề ảnh hưởng tới họ.

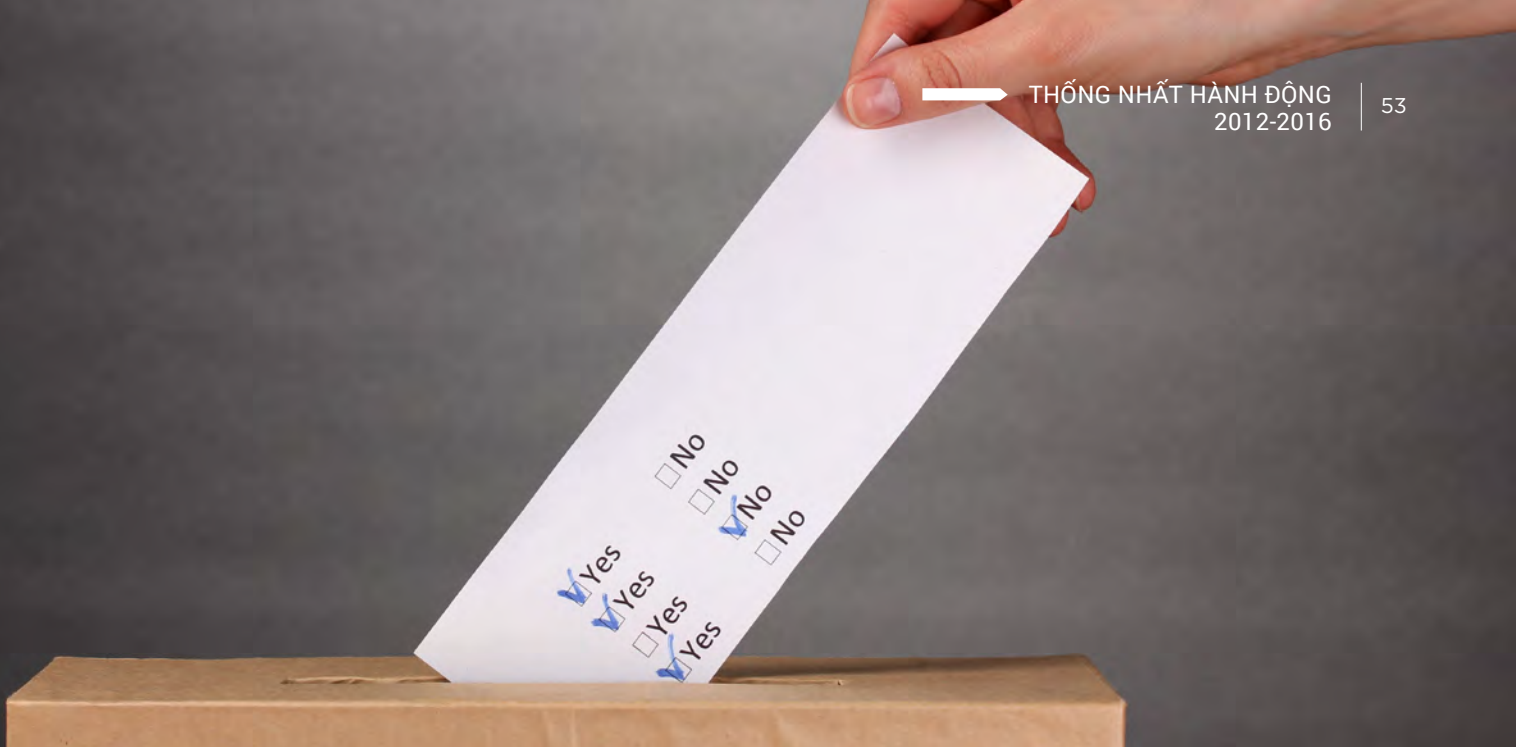
Trong giai đoạn 2012-2016, LHQ tiếp tục hỗ trợ Chính phủ nhằm tạo cơ hội để người dân tham gia rộng rãi hơn trong các quyết định về ưu tiên chính sách và chi tiêu. Đặc biệt, LHQ tập trung hỗ trợ nhằm tăng cường tiếp cận công lý, thực thi luật pháp hiệu quả và hỗ trợ tư pháp cho mọi người dân đặc biệt là người yếu thế và bị thiệt thòi nhất nhằm tăng cường nhà nước pháp quyền. Cũng đồng thời nỗ lực hỗ trợ người dân chia sẻ quan điểm và phản hồi về các quyết định ảnh hưởng tới họ và tạo ra cơ chế hiệu quả để tăng cường vai trò giám sát của Đảng và nhà nước, đặc biệt liên quan tới các chính sách và kế hoạch kinh tế - xã hội.

Thông qua thực hiện Kế hoạch Chung 2012-2016, hệ thống LHQ ở Việt Nam cũng hoạt động nhằm đảm bảo, bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền trong đó bao gồm thực thi các khuyến nghị UPR và đánh giá lại tình hình nhân quyền ở các nước thành viên LHQ.

Hoạt động của LHQ với các cơ quan dân cử và quy trình lập pháp (**Kết quả 3.1**), Cải cách pháp lý và tư pháp và tiếp cận công lý (**Kết quả 3.2**), Cải cách hành chính công (**Kết quả 3.3**) và Các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể (**Kết quả 3.4**) liên quan tới UNDP, UNODC, ILO, IOM, UNAIDS, UNFPA, UN-Habitat, UNICEF, UNV và UN Women.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



### Kết quả 3.1. Cơ quan dân cử

Tăng cường quản trị công dân chủ và giải quyết các thách thức phức tạp mà Việt Nam gặp phải khi trở thành nước có thu nhập trung bình thấp đòi hỏi tiếp tục tăng cường vai trò của Quốc hội và các cơ quan dân cử ở địa phương. Để thực hiện chức năng của mình, các cơ quan dân cử cần tăng cường năng lực phân tích chính sách và pháp luật, tăng cường kiến thức về các công ước và chuẩn mực quốc tế, tăng cường cơ chế và đội ngũ cán bộ chuyên môn. LHQ hỗ trợ tăng cường xây dựng luật và chức năng giám sát do các cán bộ và ủy ban dân cử thực hiện thông qua tăng cường năng lực và các công việc chính sách. LHQ cũng hỗ trợ Quốc hội và Hội đồng nhân dân nhằm gia tăng sự tham gia và đại diện của người dân, đặc biệt là của các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Dữ liệu chỉ số Kết quả	2012	2016
Tỷ lệ đại biểu Quốc hội và các Chủ nhiệm và Phó chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội là nữ giới*	23,0%	26,5%
Tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân là nữ hoặc là người dân tộc*	25,2% với cấp tỉnh; 24,6% ở cấp huyện; và 21,7% ở cấp xã	26,5% với cấp tỉnh; 27,6% ở cấp huyện; và 26,8% ở cấp xã
Số lượng các cơ chế và quy trình mới/sửa đổi cho phép người dân và các tổ chức góp ý và ảnh hưởng tới các chính sách và pháp luật**	3 quy định và luật lớn	

Nguồn: \*Quốc hội  
\*\* LHQ



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Tăng cường vai trò của Quốc hội để bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền



Việt Nam ngày càng tập trung về nhân quyền. Quốc gia đã được bầu vào Hội đồng nhân quyền LHQ vào tháng 11/2013 và một tháng sau đó Quốc hội phê duyệt Hiến pháp 2013, phản ánh một số điểm mới và tiến bộ về nhân quyền. Một tín hiệu cam kết tiếp theo đó là Việt Nam tham gia vào chu kỳ 2 của UPR vào tháng 2/2014 và nhận được 227 khuyến nghị nhằm thúc đẩy nhân quyền trong đó 182 khuyến nghị đã được chấp thuận.

LHQ đóng vai trò chính trong hỗ trợ Việt Nam tiếp tục có những bước đi có ý nghĩa để bảo vệ nhân quyền. Nhiều công việc đã được thực hiện trong năm 2014, với việc đánh giá lại những điều khoản mới trong Hiến pháp 2013 và 7 công ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam tham gia nhằm tăng cường vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ, thúc đẩy và thực hiện nhân quyền.

(UNDP, UNICEF, UNFPA, UN Women)

Đọc thêm về bình luận của LHQ về các điều khoản nhân quyền trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Kết quả 3.2. Hệ thống luật pháp

Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền có ý nghĩa quan trọng nhằm đảm bảo tất cả mọi người dân Việt Nam đều có thể hiện thực hóa năng lực và mong muốn của mình. Chồng chéo và thiếu nhất quán trong hệ thống pháp lý, cùng với những thách thức trong thực thi pháp luật, đã được Chính phủ đánh giá là một trong các thách thức để tiếp tục phát triển. Trách nhiệm giải trình đầy đủ theo luật cũng đòi hỏi tăng cường tiếp cận công lý, đặc biệt với các nhóm người dễ bị tổn thương và thiệt thòi – là những người phải dựa vào pháp luật để được bảo vệ. LHQ tư vấn chính sách và hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện cải cách tư pháp nhằm tăng cường tiếp cận công lý, tăng cường năng lực pháp lý và tư pháp của cán bộ nhằm cung cấp dịch vụ có chất lượng cao và tăng cường hệ thống luật pháp quốc gia về nhân quyền đảm bảo thống nhất với các công ước nhân quyền mà Việt Nam đã phê chuẩn.

Dữ liệu chỉ số kết quả	2012
Tỷ lệ người dân hài lòng với hoạt động của cán bộ tư pháp và pháp lý*	44,7%
Số lượng công dân được trợ giúp pháp lý miễn phí, đặc biệt là người dễ bị tổn thương và thiệt thòi **	114.651

Nguồn: \*Khảo sát tiếp cận công lý của UNDP  
\*\*Bộ Tư pháp



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI





## Câu chuyện của LHQ

### LHQ cùng hỗ trợ Luật Trợ giúp Pháp lý ở Việt Nam



Để đảm bảo quyền của người Việt được tiếp cận bình đẳng và không phân biệt đối xử về tư vấn pháp lý và đại diện pháp luật, LHQ có sáng kiến chung trong hỗ trợ Luật Trợ giúp Pháp lý được ban hành năm 2015. Nỗ lực vận động chính sách chung của LHQ trong khuôn khổ sáng kiến được tài trợ từ Quỹ Toàn cầu về Cùng tạo ra Kết quả đã được đưa ra nhằm đảm bảo những vấn đề quan trọng được giải quyết trong Luật này. Đặc biệt, đưa vào vấn đề ai được trợ giúp pháp lý, chất lượng dịch vụ hỗ trợ pháp lý, nhu cầu của các nhóm dễ bị tổn thương, phân bổ nguồn lực cho dịch vụ hỗ trợ pháp lý – bao gồm cả dịch vụ do các tổ chức dân sự SCOs cung cấp và tính độc lập của hệ thống trợ giúp pháp lý ở Việt Nam.

Các cơ quan LHQ đã sử dụng vai trò tập hợp của mình để tổ chức các cuộc đối thoại chính sách và hội thảo tham vấn về dự thảo luật, tập hợp được các tổ chức CSOs, các nhà hoạch định chính sách, các chuyên gia quốc tế và các bên có liên quan khác. Các tham vấn này được tổ chức song song với hỗ trợ vận động chính sách dành cho người thiệt thòi và yếu thế và nhằm trao quyền và cung cấp thông tin cho các cá nhân và các tổ chức để họ có thể ảnh hưởng tới chính sách. LHQ cũng hỗ trợ CSO cùng phối hợp với nhau để xây dựng mạng lưới và xác định các vấn đề cùng nhau vận động. Năm cơ quan LHQ đã cùng phối hợp để điều phối phân tích về những khoảng trống pháp lý của dự thảo, đặc biệt chú ý tới quyền của nhóm người bị thiệt thòi và yếu thế bao gồm trẻ em, nạn nhân của bạo hành gia đình, người có HIV và người không có quyền tự do. Dựa trên phân tích này, các cơ quan tham gia đã gửi tới Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp, một bản tổng hợp các bình luận về tăng cường tiếp cận công lý cho những nhóm thiệt thòi trong dự thảo luật và sau đó đã được sửa đổi.

Với nỗ lực chung này, quan điểm của các nhóm bị thiệt thòi và bị ảnh hưởng trong xã hội đã được các nhà lập pháp lắng nghe. Những thông tin đặc biệt mà rất nhiều cá nhân và nhóm chia sẻ về cách làm sao để công lý có thể mang lại khác biệt cho cuộc sống của họ đã giúp xây dựng Luật. Các nhóm dễ bị tổn thương, những người đã chịu đựng rất nhiều thiệt thòi do không tiếp cận được với hỗ trợ pháp lý đã được cung cấp một diễn đàn để kêu gọi quyền được trợ giúp pháp lý. Nhiều CSO, trước đây không có cơ hội tham gia với Chính phủ trong xây dựng chính sách, đã nhấn mạnh về lợi ích của cách tiếp cận đa ngành trong làm việc với các nhà hoạch định chính sách:

*“Thông qua Mạng lưới Phụ nữ sống chung với HIV, với sự hỗ trợ của UN WOMEN và UNAIDS, chúng tôi đã có thể nói chuyện với những phụ nữ có HIV, tham gia trong các cuộc tham vấn để bình luận về dự thảo Luật, chia sẻ những vấn đề pháp lý mà chúng tôi cần nhà nước hỗ trợ pháp lý. Năng lực của chúng tôi được tăng cường sau các khóa đào tạo. Chúng tôi nhìn thấy rõ nhu cầu hỗ trợ pháp lý từ nhà nước dành cho phụ nữ sống chung với HIV và phụ nữ thuộc các nhóm thiệt thòi”, một đại diện của Mạng lưới Phụ nữ sống chung với HIV phát biểu. (UNDP, UN Women, UNODC, UNICEF, UN-Habitat, UNAIDS)*



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Thực hiện các nghĩa vụ nhân quyền quốc tế



Theo sứ mệnh toàn cầu của LHQ, Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc bảo vệ nhân quyền phù hợp với các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế. LHQ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các bước tiến này với đóng góp nhằm phê duyệt hai công ước nhân quyền quan trọng, Công ước chống Tra tấn và Công ước về Quyền của Người khuyết tật.

LHQ cũng đóng vai trò quan trọng giúp đỡ Chính phủ chuẩn bị đánh giá và thực hiện các quan sát kết luận của Ủy ban về xóa bỏ các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Ủy ban về quyền trẻ em (CRC) và chấp thuận những khuyến cáo trong UPR. Năng lực của LHQ trong việc chuyển tải những nghĩa vụ nhân quyền quốc tế thành những biện pháp cụ thể rất có ý nghĩa trong việc hỗ trợ Chính phủ ứng phó với một loạt các vấn đề được nhấn mạnh trong những cơ chế này. Các nghĩa vụ này bao gồm những điều khoản trong UPR như giam giữ trẻ em, quyền tự do báo chí và diện bao phủ bảo hiểm y tế và xây dựng một cơ quan quốc gia về nhân quyền. Cách tiếp cận liên cơ quan mà LHQ áp dụng trong phân tích các khuyến nghị, xây dựng chiến lược thực thi và điều phối các hoạt động giữa các cơ quan đóng vai trò quan trọng nhằm xác định các bước đi cụ thể để Việt Nam hoàn tất các nghĩa vụ nhân quyền của mình. LHQ cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo tăng cường năng lực cho các cơ quan Chính phủ để chuẩn bị cho đánh giá theo các hiệp ước khác nhau và xây dựng kế hoạch hành động quốc gia để thực thi các khuyến nghị đưa ra sau khi đánh giá.

Các cơ quan LHQ hợp tác với nhau để đưa các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền vào trong hệ thống pháp luật trong nước, với dấu ấn của LHQ trong Hiến pháp 2013, Luật giải quyết vi phạm hành chính, Luật Hình sự và Tố tụng hình sự, Luật Lao động, Luật trẻ em, Luật trợ giúp pháp lý, Luật phòng chống tham nhũng và Luật chống buôn bán người. Đặc biệt tập trung vào quyền của các nhóm dễ bị tổn thương nhất, bao gồm cả những trẻ em có liên quan tới hệ thống tư pháp hình sự, nạn nhân của bạo hành phụ nữ, nạn nhân của buôn bán người, người di cư xuyên biên giới, người nhiễm HIV và người LGBTI.

(UNDP, UNODC, UNICEF, UN Women, ILO, IOM, UNAIDS)

Xem thêm về Tiến độ thực hiện Bình đẳng Giới ở Việt Nam qua lăng kính CEDAW

Đọc thêm Tổng kết 10 năm thực hiện bình đẳng giới thông qua công ước CEDAW ở Việt Nam



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



### Kết quả 3.3. Chất lượng hoạt động khu vực công

Việt Nam tiến hành hiện đại hóa quy trình hoạch định chính sách và hệ thống công quyền như một phần trong quá trình Đổi mới. Trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và điều phối là các yếu tố quan trọng giúp các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương hoạt động hiệu quả và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của người dân trong bối cảnh và văn hóa địa phương. Để đáp ứng mục tiêu này, LHQ hỗ trợ hiện đại hóa khu vực công thông qua những can thiệp mục tiêu nhằm tăng cường điều phối liên ngành trong hoạch định và thực thi chính sách và kế hoạch. LHQ cũng hỗ trợ thực hiện Công ước LHQ về chống tham nhũng (UNCAC). Ngoài ra hỗ trợ cũng được cung cấp nhằm tăng cường chất lượng hoạt động của các cơ quan công quyền thông qua nâng cao trách nhiệm giải trình và tính minh bạch và xây dựng cơ chế phản hồi của người sử dụng.

#### Dữ liệu chỉ số kết quả

**Tỷ lệ công dân cho biết hài lòng với dịch vụ công:**

**Năm 2016: Các dịch vụ công (theo % người sử dụng hài lòng với dịch vụ)**

Dịch vụ công xác nhận giấy tờ	81,0%
Dịch vụ công cấp giấy phép xây dựng	71,0%
Dịch vụ công về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	61,0%
Dịch vụ công về các giấy tờ cá nhân	81,0%

Nguồn: Chỉ số hoạt động hành chính công và quản trị công cấp tỉnh ở Việt Nam



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Trách nhiệm giải trình xã hội tăng cường thông qua các cơ chế phản hồi khác nhau của công dân



Xây dựng và giới thiệu các cơ chế phản hồi cho công dân là biện pháp quan trọng để tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan công quyền ở Việt Nam liên quan đến quản trị công, tiếp cận công lý, bảo vệ quyền và cung cấp dịch vụ.

Để đáp ứng nhu cầu này, LHQ đã giúp giới thiệu các công cụ và cơ chế tốt nhất cho quốc gia trong giai đoạn 2012-2016, trong đó tiêu biểu là PAPI (Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh), chỉ số công lý Việt Nam (VJI), và kiểm toán xã hội.

PAPI và VJI là các công cụ giám sát độc lập, bổ sung cho công cụ kiểm toán xã hội, thành một cơ chế đầy đủ nhằm giữ chính phủ và các cơ quan cung cấp dịch vụ công có trách nhiệm giải trình hơn với công dân. Với các công cụ giám sát chất lượng hoạt động này, chính quyền trung ương và địa phương đã trở nên có trách nhiệm giải trình hơn với dịch vụ của mình. Ví dụ, ít nhất 35 tỉnh đã ban hành kế hoạch hành động để phản hồi ý kiến và mong muốn của người dân theo kết quả điều tra PAPI. Các tỉnh như An Giang, Điện Biên, Đồng Tháp, Gia Lai, Kon Tum và Ninh Thuận đã thiết lập cơ chế kiểm toán xã hội trong lĩnh vực giáo dục và y tế dựa trên các kết quả ban đầu của PAPI nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ công. Các phát hiện của PAPI về tham nhũng được Tổng Thanh tra chính phủ và Ủy ban Tư pháp của Quốc hội sử dụng trong báo cáo của mình lên kỳ họp Quốc hội năm 2016.

*"VJI đã nêu rõ yêu cầu của người dân cần hệ thống tư pháp phản ứng nhanh. Hệ thống này cũng cần huy động sự tham gia của các tổ chức quần chúng (mặt trận tổ quốc) và phi chính phủ khác nhau trong hỗ trợ công dân phản hồi ý kiến. Những công cụ như vậy, đi tiên phong và được thực hiện ở Việt Nam, đã đóng góp lớn cho nỗ lực và các ưu tiên của Chính phủ nhằm xây dựng một hệ thống nhà nước có trách nhiệm giải trình, minh bạch và phản hồi cao hơn",* ông Lê Đăng Doanh, chuyên gia kinh tế độc lập, nguyên Viện trưởng Viện nghiên cứu kinh tế trung ương phát biểu.

(UNDP and UNICEF)

Đọc thêm về Tóm tắt kết quả PAPI 2009-2016

hoặc

Công bố báo cáo PAPI 2016



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Cải thiện chất lượng dịch vụ công nhằm giảm nghèo và bất bình đẳng



Ghi nhận tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng dịch vụ công tại các cơ quan hành chính nhà nước, LHQ đã mở rộng hỗ trợ tới lĩnh vực hạ tầng dịch vụ công và cơ chế phản hồi của công dân. Cụ thể, LHQ đã hỗ trợ Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang, Cần Thơ và Hà Tĩnh xây dựng các ứng dụng phần mềm để vận hành cơ chế một cửa (OSSs) và cơ chế liên ngành OSSs ở cấp xã, huyện và tỉnh. Vì vậy, công việc nội bộ và vận hành

OSSs ở ba địa phương này được tiến hành rất hiệu quả và minh bạch và người dân có thể theo dõi tình trạng hiện thời của các giấy tờ, đơn từ của họ.

Ngoài ra, ở Đà Nẵng, cơ chế phản hồi trực tuyến của người sử dụng đã được xây dựng với hỗ trợ của LHQ nhằm thu thập khoảng 30.000 phản hồi từ những người sử dụng dịch vụ công. Cơ chế trực tiếp, đơn giản và hiệu quả về chi phí này cung cấp thông tin hữu ích để chính quyền địa phương đánh giá và cải thiện chất lượng dịch vụ công của mình. Đồng thời, một công cụ kiểm toán xã hội là Thẻ Báo cáo Công dân đã được áp dụng ở An Giang và Kon Tum nhằm tổng hợp phản hồi của hơn 600 người sử dụng dịch vụ, đặc biệt là các nhóm thiệt thòi như dân tộc thiểu số và người nghèo, đối với dịch vụ y tế cho bà mẹ và trẻ em ở cấp xã và huyện. Những phát hiện và khuyến nghị của các khảo sát sẽ cung cấp thông tin cho ngành y tế để gỡ bỏ những rào cản để đạt được các kết quả y tế đối với phụ nữ và trẻ em.

Vấn đề trách nhiệm giải trình, minh bạch và giám sát nội bộ với công an cũng được các lãnh đạo Bộ Công an, đại diện Quốc hội, Thanh tra chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thảo luận trong hội nghị đầu tiên ở Việt Nam về Liêm chính trong ngành công an, do Bộ Công an và UNODC đồng tổ chức. Chuyên gia từ các cơ quan khác nhau đã đối thoại thẳng thắn về khái niệm liêm chính của công an với nhiều chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực thực hiện luật pháp và các chuyên gia từ Văn phòng Trung tâm UNODC.

(UNDP, UNODC)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



### Kết quả 3.4. Sự tham gia

Công dân và các tổ chức chính trị, xã hội nghề nghiệp (PSPMOs) đóng vai trò chủ động trong quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam theo khuôn khổ pháp lý cụ thể, trong đó có Nghị định về Dân chủ Cơ sở. Cùng với Quốc hội và Hội đồng nhân dân, công dân cũng như PSPMOs có tiềm năng đóng góp nhiều hơn cho phát triển quốc gia. LHQ hỗ trợ Việt Nam tiếp tục tăng cường khung chính sách và pháp lý và hỗ trợ sự tham gia hiệu quả của công dân và PSPMOs trong thảo luận chính sách và các quy trình ra quyết sách ở cả cấp trung ương và địa phương.

Dữ liệu chỉ số kết quả	2012
Tỷ lệ tỉnh/thành được xếp hạng hoạt động tốt khi có người dân tham gia trong việc xây dựng, thực hiện và giám sát các dịch vụ công.*	20%

Nguồn: \*PAPI



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Phụ nữ tham gia chính trị tăng



Định kiến giới tiếp tục là một rào cản lớn, ảnh hưởng tới thái độ của mọi người về sự tham gia và vai trò của phụ nữ trong chính trị.

Các cơ quan LHQ đã hợp tác cùng vận động bình đẳng giới, trao quyền cho nữ giới và vai trò lãnh đạo của nữ giới để tăng tỷ lệ đại diện nữ trong các cơ quan dân cử. LHQ đã thực hiện một loạt các khóa đào tạo trực tiếp và trên mạng song song với các chương trình vận động xóa bỏ định kiến giới và xóa bỏ nhận thức rằng lãnh đạo chỉ là lĩnh vực dành riêng cho nam giới. LHQ cũng cung cấp khuyến nghị cho Quốc hội về việc sửa đổi các điều khoản liên quan tới quyền của phụ nữ, số lượng vị trí dành cho nữ và trao quyền cho nữ trong Luật Bầu cử. Do vậy, giới hạn ít nhất 35 % đại biểu là nữ trong các cơ quan dân cử đã được quy định trong luật và vì thế góp phần làm đảo chiều xu hướng suy giảm đại biểu nữ trong Quốc hội trong những năm gần.

*"Chúng tôi thấy rằng việc đào tạo và hội thảo về bình đẳng giới trong bầu cử dành cho các đại biểu nữ tiềm năng và các tổ chức tại cộng đồng do UNDP tài trợ đã mang lại tác động lớn nhằm tăng tỷ lệ đại biểu nữ trong Hội đồng nhân dân huyện Tân Lạc. Về vấn đề này, các nhà lãnh đạo địa phương và hội phụ nữ rất hoan nghênh và biết ơn, vì sự hỗ trợ và giúp đỡ quý báu của các bạn đã thúc đẩy sự tham gia của nữ giới", một đại biểu của CEPEW (Trung tâm thúc đẩy giáo dục và trao quyền cho phụ nữ) phát biểu.*

(UNDP, UN Women, UNFPA, UNESCO, UNICEF, UNODC)

Đọc thêm về Thúc đẩy sự tham gia của nữ giới trong bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Câu chuyện của LHQ

### Hỗ trợ thảo luận quốc gia về chủ đề “Thế giới chúng tôi mong muốn”



Năm 2013, Việt Nam là một trong 80 nước tích cực tham gia thảo luận toàn cầu để hình thành “Thế giới chúng ta mong muốn” và hỗ trợ xác định khung phát triển mới cho sau năm 2015 khi MDGs kết thúc. Để hỗ trợ, LHQ tiến hành quá trình tham vấn người dân Việt Nam về tương lai mà họ muốn thấy kể từ năm 2015 trở đi.

Trong vòng 3 tháng, hơn 1.300 người trên mọi miền đất nước đã có cơ hội nói về những thách thức họ gặp phải trong cuộc sống hàng ngày và bộc lộ mong muốn và hy vọng về tương lai. Nhiều trong số này là những người dễ bị tổn thương và thiệt thòi, như người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người có HIV. Tính chung, hơn nửa số người tham gia thảo luận là nữ giới. Một hội thảo quốc gia đã được LHQ và Chính phủ tổ chức để thảo luận các phát hiện từ tham vấn và lắng nghe trực tiếp từ một số người đã tham gia trong các cuộc thảo luận. Sau hội thảo, báo cáo cuối cùng được chia sẻ với Tổng Thư ký LHQ và ban tư vấn cấp cao về chương trình nghị sự phát triển sau 2015.

Quy trình tham vấn tương lai sau năm 2015 cho thấy LHQ có thể sử dụng sứ mệnh đa ngành và rộng rãi của mình để vươn xa và hỗ trợ thảo luận với tất cả mọi người và đảm bảo tiếng nói của những người bị thiệt thòi và dễ bị tổn thương được đưa ra trong các thảo luận chính sách.

(Tất cả các cơ quan LHQ)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI





## Thực hiện Kế hoạch Chung 2012-2016 – Bài học kinh nghiệm

Thực hiện Kế hoạch Chung 2012-2016 đã mang lại những bài học quý báu cho hệ thống LHQ tại Việt Nam. Những bài học này sẽ định hướng cho LHQ tại Việt Nam khi thực hiện chu kỳ Kế hoạch Chiến lược Chung tiếp theo hay DaO thế hệ thứ ba. Kế hoạch này là cam kết chắc chắn của LHQ trong hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững. Dưới đây là phân tích về các bài học và tầm nhìn trong tương lai.

### Vai trò của LHQ

LHQ đóng vai trò tập hợp quan trọng nhằm đảm bảo sự tham gia rộng rãi trên nhiều lĩnh vực ở cả cấp kỹ thuật và chính sách cấp cao qua đó hỗ trợ tăng cường năng lực của Chính phủ trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp một cách hiệu quả đồng thời vẫn phát huy cách tiếp cận dựa trên quyền và phù hợp về văn hóa. Vai trò của LHQ là cầu nối để tăng cường tham gia của xã hội dân sự được đánh giá là đặc biệt phù hợp trong bối cảnh Việt Nam. Kế hoạch Chiến lược Chung tiếp theo sẽ hưởng lợi từ một cách tiếp cận có hệ thống hơn đối với việc huy động tham gia của xã hội dân sự vào công việc của LHQ.

“Thương hiệu LHQ” là cầu nối có năng lực và trung lập là yếu tố chính giúp LHQ có thể thực hiện vai trò tập hợp này và là một giá trị gia tăng quan trọng mà không nhiều đối tác phát triển khác ở Việt Nam có. Thương hiệu này xuất phát từ mối quan hệ lâu năm giữa LHQ và các đối tác quốc gia, bao gồm cả Chính phủ và xã hội dân sự. Tính trung lập của LHQ xuất phát từ chương trình nghị sự phi chính trị, nhưng LHQ cũng được nhìn nhận là đang thực hiện sứ mệnh của mình trong sự tương thích với các giá trị và nguyên tắc chung của UN bên cạnh những kinh nghiệm kỹ thuật. Mô hình DaO đã khẳng định quan điểm này bằng cách nâng cao tính gắn kết trong hệ thống và năng lực giải quyết vấn đề theo cách tiếp cận liên ngành tổng hợp trong hệ thống UN.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Theo dõi, đánh giá và báo cáo

Do sự thay đổi trong vai trò của LHQ sang cung cấp nhiều hơn hỗ trợ và vận động chính sách cấp cao ở một quốc gia có thu nhập trung bình thấp, cần có một khung theo dõi, đánh giá và báo cáo tốt nhằm xác định giá trị đóng góp của LHQ cũng như đưa ra những bằng chứng rõ ràng và cụ thể hơn về tác động của các dịch vụ tư vấn và vận động chính sách. LHQ cũng đồng thời nhận thức rằng năng lực thực hiện các hoạt động trong Kế hoạch Chung không phải ngay lập tức tạo ra kết quả thay đổi hoặc đạt được mục tiêu. Để phản ánh tiến trình đạt tới kết quả của LHQ, trong chu kỳ Kế hoạch Chiến lược Chung sắp tới, khung theo dõi, đánh giá, báo cáo cần có một “Lý thuyết Thay đổi” để giúp LHQ thể hiện tiến độ đạt kết quả cho Chính phủ và các nhà tài trợ. Điều này cũng giúp đánh giá chất lượng và tính phù hợp của hoạt động cũng như để rút kinh nghiệm. Xác định các chỉ số tốt hơn, bao gồm cả chỉ số định lượng đi kèm phân tích mô tả, đóng vai trò quan trọng trong việc phản ánh chất lượng và các yếu tố liên quan. Một hệ thống theo dõi, đánh giá và báo cáo tốt cũng sẽ phản ánh tiến trình DaO vì đây là tiến trình mà hệ thống LHQ ở Việt Nam sẽ tiếp tục đi đầu thực hiện. Điều quan trọng để sáng kiến DaO thành công là có bằng chứng rõ ràng về hiệu suất, hiệu quả và chi phí giao dịch giảm khi các cơ quan LHQ cùng làm việc với nhau theo một cách thức gắn kết và điều phối tốt hơn.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Quản trị

Cần xác định một cơ chế quản trị phù hợp với mục tiêu và có sự tham gia để có thể giám sát, hướng dẫn và đảm bảo chất lượng, đồng thời là công cụ điều phối và trao đổi với các đối tác liên quan như Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ cho Quỹ Kế hoạch Chung. Cơ chế này đồng thời phản ánh tốt hơn bản chất ba bên (LHQ, Chính phủ và nhà tài trợ) trong sáng kiến Thống nhất hành động. Cơ cấu này cũng cần xác định trách nhiệm giải trình và động lực rõ ràng hơn để thực hiện Kế hoạch Chiến lược Chung.

Trong khi Kế hoạch Chung và Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch Chung giai đoạn 2012-2016 của LHQ và Chính phủ được thiết kế ngay từ ban đầu chu kỳ chương trình, việc đảm bảo giám sát đầy đủ và hiệu quả ở cấp cao đối với việc thực hiện vẫn là một thách thức. Thực chất, vai trò giám sát và hướng dẫn chiến lược chủ yếu do nội bộ LHQ làm.

Liên quan tới cơ chế điều phối nội bộ của LHQ, các Nhóm Chương trình Chung (JPGs) được đánh giá là có vai trò thúc đẩy lập kế hoạch có sự điều phối đồng thời tăng sự gắn kết trong nội bộ LHQ. Tuy nhiên, các nhóm này chủ yếu vẫn chỉ ở cấp kỹ thuật. Để tăng cường tính gắn kết và hiệu quả của cơ chế điều phối nội bộ này, LHQ cần tiếp tục tăng cường vai trò của các nhóm kết quả chung để thúc đẩy sáng kiến DaO, tạo động lực phù hợp cũng như ghi nhận đóng góp của nhân viên trong nỗ lực phối hợp và tìm ra các phương thức để tăng cường sự tham gia của cấp quản lý cao hơn. Các nhóm kết quả chung có tiềm năng trở thành yếu tố thúc đẩy tính thống nhất và ưu tiên chính sách cũng như trao đổi kiến thức giữa các cơ quan.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Ngân sách và Huy động nguồn lực

LHQ đã thực hiện nhiều sáng kiến huy động nguồn lực trong khi thực hiện Kế hoạch Chung 2012-2016. Tuy nhiên LHQ đã không thể huy động toàn bộ ngân sách như dự toán cho Kế hoạch Chung 2012-2016. Tới cuối kỳ thực hiện, Tổng ngân sách huy động được chiếm 75% tổng ngân sách ước tính cần thiết cho Kế hoạch Chung 2012-2016. Ngoài xu hướng giảm ODA khi Việt Nam trở thành nước thu nhập trung bình thấp, mối quan tâm của nhà tài trợ đối với Quỹ Kế hoạch Chung giảm do thiếu động lực khuyến khích họ cũng như bản thân các cơ quan LHQ trong huy động đóng góp cho Quỹ Kế hoạch Chung (so với tài trợ song phương trực tiếp).

Tới chu kỳ Thống nhất hành động sắp tới, LHQ cần tiếp tục cải tiến hệ thống theo dõi và báo cáo của mình để có thể chỉ rõ trách nhiệm giải trình của LHQ đối với nguồn tiền của nhà tài trợ, và tăng cường năng lực báo cáo của LHQ với Chính phủ và nhà tài trợ. Tăng cường sự tham gia của nhà tài trợ trong các đối thoại mang tính chủ đề và chiến lược của Kế hoạch Chung trong lĩnh vực hỗ trợ cũng quan trọng. LHQ cần tạo ra động lực rõ ràng để khuyến khích các cơ quan LHQ và nhà tài trợ ưu tiên cho huy động Quỹ Kế hoạch Chiến lược Chung, hơn là tiến hành tài trợ song phương, hoặc xác định các cơ chế để tài trợ song phương có trách nhiệm giải trình với Kế hoạch Chiến lược Chung.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## CHƯƠNG 3

### Tài chính cho Kế hoạch Chung 2012-2016

Ngân sách chung 2012-2016	70
Quỹ Kế hoạch Chung II (2012-2016)	76
Phân bổ Quỹ Kế hoạch chung 2012-2016 tới các cơ quan LHQ	78



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Ngân sách Kế hoạch Chung 2012-2016

Tổng ngân sách chung ước tính để đạt được các mục tiêu và kết quả cho Kế hoạch Chung 2012-2016 tại thời điểm ký kết (tháng 3 năm 2012) là US\$480.232.770. Yêu cầu về tổng nguồn lực được tóm tắt trong Bảng 1.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

**Bảng 1: Tổng quan về yêu cầu nguồn lực cho Kế hoạch Chung 2012-2016**

Kết quả và Lĩnh vực tập trung trong Kế hoạch Chung	Ngân sách dự kiến (US\$)				Tổng
	Nguồn lực thường xuyên (Đã đảm bảo)	Các nguồn lực khác (Đã đảm bảo)	Nguồn lực cần huy động		
			Quỹ Kế hoạch Chung (OPF)	Không thuộc Quỹ Kế hoạch Chung	
Kết quả 1.1	18.055.000	2.520.000	20.504.105	17.050.935	58.130.040
Kết quả 1.2	1.892.500	10.696.000	8.970.000	16.197.500	37.756.000
Kết quả 1.3	5.897.500	7.660.000	13.234.405	29.973.095	56.765.000
Kết quả 1.4	3.766.000	20.860.000	8.975.559	11.764.441	45.366.000
<b>Lĩnh vực tập trung 1</b>	<b>29.611.000</b>	<b>41.736.000</b>	<b>51.684.069</b>	<b>74.985.971</b>	<b>198.017.040</b>
Kết quả 2.1	7.962.500	3.300.000	11.152.854	14.249.646	36.665.000
Kết quả 2.2	22.621.000	12.856.700	29.760.500	39.853.500	105.091.700
Kết quả 2.3	3.400.000	2.000.000	5.761.520	7.360.480	18.522.000
Kết quả 2.4	9.780.000	692.000	9.521.100	6.598.900	26.592.000
<b>Lĩnh vực tập trung 2</b>	<b>43.763.500</b>	<b>18.848.700</b>	<b>56.195.974</b>	<b>68.062.526</b>	<b>186.870.700</b>
Kết quả 3.1	3.480.000	650.000	2.410.426	2.164.574	8.705.000
Kết quả 3.2	12.445.000	3.260.000	11.770.522	13.009.478	40.485.000
Kết quả 3.3	17.680.000	1.350.000	9.035.649	7.649.381	35.715.030
Kết quả 3.4	570.000	110.000	4.290.661	5.469.339	10.440.000
<b>Lĩnh vực tập trung 3</b>	<b>34.175.000</b>	<b>5.370.000</b>	<b>27.507.258</b>	<b>28.292.772</b>	<b>95.345.030</b>
<b>Tổng Kế hoạch Chung</b>	<b>107.549.500</b>	<b>65.954.700</b>	<b>135.387.301</b>	<b>171.341.269</b>	<b>480.232.770</b>



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Con số trong cột “Nguồn lực cần huy động” trong Bảng 1 cho thấy số ngân sách các cơ quan LHQ dự tính huy động trong chu kỳ Kế hoạch Chung, có thể từ Quỹ Kế hoạch Chung (OPF) hoặc không vốn không thuộc OPF. Theo đó, nguồn lực còn thiếu tại thời điểm ký kết Kế hoạch Chung 2012-2016 là 300 triệu US\$ hay chiếm gần 64% tổng ngân sách được coi là mục tiêu huy động khả thi trong giai đoạn 5 năm.

Khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình thấp vào năm 2010, bản chất tài trợ tài chính cho phát triển đã thay đổi đáng kể theo đó vốn viện trợ phát triển (ODA) không hoàn lại đã giảm đáng kể. Các nhà tài trợ truyền thống của LHQ đã giảm quy mô, thu hẹp ưu tiên hoặc dừng viện trợ cho Việt Nam. Những xu hướng này, kết hợp với khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu đã mang lại những thách thức không lường trước được cho các cơ quan LHQ và huy động nguồn lực liên tục là một ưu tiên trong việc thực hiện Kế hoạch Chung 2012-2016.

Năm 2012, UNCT xây dựng Chiến lược Huy động Nguồn lực cho Kế hoạch Chung, trong đó liệt kê các nhà tài trợ tiềm năng ở Việt Nam và mức độ liên quan giữa các ưu tiên của họ với định hướng chiến lược của Kế hoạch Chung. UNCT áp dụng cách tiếp cận linh hoạt để đảm bảo giám sát liên tục nguồn lực còn thiếu cũng như đảm bảo nguồn lực huy động được phân bổ tới các lĩnh vực cần tác động nhất của LHQ. Song song, UNCT cũng xây dựng các đề xuất dự án sáng tạo dựa trên những thế mạnh so sánh của LHQ để giải quyết các thách thức phát triển theo tiếp cận liên ngành. Đây là cách hướng nỗ lực huy động nguồn lực vào các ưu tiên chiến lược hiện chưa được tài trợ đầy đủ. 10 đề xuất dự án chung đã được các JPGs chuẩn bị để huy động vốn, trong đó 3 đề xuất đã được lựa chọn tài trợ bởi các cơ chế vốn chung trên toàn cầu. UNCT cũng nghiên cứu những nguồn tài trợ thay thế, dài hạn hơn như khảo sát khả năng Chính phủ đồng chi trả trong các chương trình và dự án của LHQ.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI





Mặc dù có những sáng kiến huy động nguồn lực như vậy, LHQ tại Việt Nam vẫn không thể huy động toàn bộ nguồn vốn cho Kế hoạch Chung 2012-2016. Bảng 2 minh họa chi tiêu của hệ thống LHQ từ các nguồn khác nhau, bao gồm cả Quỹ Kế hoạch Chung (OPF), chia theo tất cả các cơ quan LHQ tham gia thực hiện trong giai đoạn này. Tổng chi tiêu trong giai đoạn 5 năm là 358 triệu US\$, hay chiếm khoảng 75% tổng ngân sách dự kiến.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



**Bảng 2: Tổng giải ngân của các cơ quan LHQ theo nguồn vốn trong Kế hoạch Chung 2012-2016 (US\$)**

Cơ quan LHQ	Giải ngân từ nguồn thường xuyên (Chính)	Giải ngân từ các nguồn khác (không thuộc-OPF)	Giải ngân từ nguồn OPF*	Tổng giải ngân (2012-2016)
FAO	2.045.823	24.862.225	2.807.713	29.715.761
IFAD	0	2.180.000	0	2.180.000
ILO	2.881.415	18.580.571	3.079.145	24.541.131
IOM	1.349.575	3.567.059	327.400	5.244.033
ITC	0	360.450	0	360.450
UN Women	3.211.931	5.204.748	1.638.754	10.055.433
UNAIDS	366.121	2.638.336	1.347.953	4.352.410
UNDP	42.637.256	48.907.502	19.099.600	110.644.358
UNEP	1.759.227	918.500	64.434	2.742.161



Cơ quan LHQ	Giải ngân từ nguồn thường xuyên (Chính)	Giải ngân từ các nguồn khác (không thuộc-OPF)	Giải ngân từ nguồn OPF*	Tổng giải ngân (2012-2016)
UNESCO	1.035.406	3.504.007	1.549.990	6.089.403
UNFPA	18.135.807	34.949	2.733.504	20.904.260
UN-Habitat	1.459.153	703.295	1.000.034	3.162.482
UNICEF	22.863.972	34.761.091	7.694.202	65.319.265
UNIDO	77.725	14.422.685	1.482.599	15.983.009
UNODC	473.458	5.336.807	2.073.995	7.884.260
UNV	298.775	2.087.659	194.268	2.580.702
WHO	10.497.028	31.478.063	4.727.036	46.702.127
<b>Tổng</b>	<b>84.002.209</b>	<b>199.547.946</b>	<b>49.820.626</b>	<b>358.461.245</b>

Nguồn: Các cơ quan LHQ tham gia Kế hoạch Chung tại Việt Nam

Lưu ý: \*Tổng chi tiêu OPF trong giai đoạn 2012-2016 bao gồm cả US\$16.834.586, được tài trợ một phần từ Quỹ Kế hoạch Chung II (2008-2011) và chỉ giải ngân trong năm 2012. Xem chi tiết thêm tại Báo cáo kết quả DaO năm 2012. Cũng tương tự như vậy, với năm 2016, tại thời điểm báo cáo, chưa có con số được trụ sở chính của các cơ quan LHQ xác nhận nên có thể có sai lệch nhỏ so với con số mà Văn phòng MPTF sẽ công bố.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Quỹ Kế hoạch Chung II (2012-2016)

Quỹ Kế hoạch Chung được thiết kế để thúc đẩy tập trung nguồn vốn vào một quỹ, giúp giảm chi phí giao dịch và thu hút nguồn tiền tài trợ không định vị cho dự án cụ thể nhằm thực hiện các Kế hoạch Chung, trong đó Kế hoạch Chung giai đoạn I bắt đầu từ năm 2007. Trong giai đoạn 2012-2016, OPFII (2012-2016) là thành tố quan trọng để thúc đẩy tiến trình DaO tại Việt Nam. Cách tiếp cận DaO cũng là yếu tố thúc đẩy và động lực cùng thực hiện Kế hoạch Chung 2012-2016.

Vào đầu năm 2012, nguồn tiền cần huy động cho OPF lên tới khoảng 30% (135 triệu US\$) trong tổng ngân sách cần thiết để thực hiện Kế hoạch Chung 2012-2016. Tuy nhiên, đóng góp cho OPF ở cấp quốc gia và toàn cầu (kể cả từ Cửa sổ Quỹ Mở rộng và sau này là Quỹ cùng Thực hiện Kết quả) chỉ là 39,5 triệu US\$ trong giai đoạn 2012-2016. Con số này suy giảm đáng kể so với tổng đóng góp của nhà tài trợ thông qua cơ chế OPF trong giai đoạn 2007-2011 đạt 95,4 triệu US\$.

Kể từ khi sáng kiến DaO bắt đầu vào năm 2006, 3 OPFs đã được hành lập để hỗ trợ việc thực hiện Kế hoạch chung:

Quỹ Kế hoạch chung 2007-2008 (đã kết thúc)

Quỹ Kế hoạch chung II 2008-2011 (đã kết thúc)

Quỹ Kế hoạch chung II 2012-2016 (dành cho Kế hoạch chung 2012-2016)

Bảng 3 tóm tắt đóng góp của nhà tài trợ cho OPF giai đoạn 2012-2016. Cùng với việc suy giảm tiền tài trợ, số lượng nhà tài trợ cho hệ thống LHQ tại Việt Nam cũng giảm từ 15 xuống còn 8 nhà tài trợ. Trong khi ở OPF trước, trung bình mỗi nhà tài trợ đóng góp 6,8 triệu US\$, trong giai đoạn này, trung bình mỗi nhà tài trợ chỉ đóng góp 4,2 triệu US\$ và đa số đóng góp cho hai năm đầu tiên của giai đoạn thực hiện. Các nhà tài trợ tại quốc gia đều đã từng tài trợ OPF trước, và chỉ có Bỉ là nước tài trợ mới duy nhất.



> MỤC LỤC

> TỪ VIẾT TẮT

> CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016

> CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016

> CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG

> CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

**Table 3: Donor contributions\* to One Plan Fund II during implementation of One Plan 2012-2016 (US\$)**

Nhà tài trợ	2012	2013	2014	2015	2016	Tổng (2012-2016)
<b>Cấp quốc gia</b>						
Cơ quan Phát triển quốc tế Ôxtrâyli	-	2.411.180	-			2.411.180
Bộ Phát triển quốc tế Anh (DfID)	1.588.878	2.295.684	781.861			4.666.423
Chính phủ Bỉ	1.289.000	1.316.900	1.293.800			3.899.700
Chính phủ Phần Lan	-	2.656.500	-			2.656.500
Chính phủ Ailen	1.492.490	1.305.100	1.305.100	862.480	1.118.932	6.084.102
Chính phủ Luxembourg	810.197	750.000	1.050.000	1.200.000		3.810.197
Chính phủ Nauy	3.619.313	273.304	1.243.588	1.283.283		6.419.488
Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ	2.003.309	1.200.000	300.000			3.503.309
Tổng lãi từ các khoản đóng góp trước của nhà tài trợ	22.701	-	-		118.513	141.214
Cửa sổ tài trợ DaO mở rộng	2.225.000	-	-			2.225.000
<b>Tổng</b>	<b>13.050.886</b>	<b>12.208.668</b>	<b>5.974.349</b>	<b>3.345.763</b>	<b>1.237.445</b>	<b>35.817.113</b>
<b>Ở cấp độ toàn cầu</b>						
Quỹ cùng thực hiện kết quả	-	-	1.480.000	1.500.000	700.000	3.680.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.480.000</b>	<b>1.500.000</b>	<b>700.000</b>	<b>3.680.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.050.886</b>	<b>12.208.668</b>	<b>7.454.349</b>	<b>4.845.763</b>	<b>1.937.445</b>	<b>39.497.113</b>

Nguồn: Cổng thông tin Quỹ Tín thác Đa biên://mptf.undp.org

\*Đóng góp là toàn bộ số tiền nhận từ nhà tài trợ trừ đi phí AA (1 %) từ năm 2012 và chi phí trực tiếp (2,5 %) từ năm 2013 trước khi được phân bổ cho các cơ quan LHQ.

Dần dần, các nhà tài trợ chuyển sang tăng phân bổ có chỉ định cụ thể cho kết quả nào trong Kế hoạch Chung 2012-2016. Trong khi ở OPF trước, phần lớn vốn không được nhà tài trợ chỉ định rõ phân bổ cho việc gì thì trong OPF giai đoạn 2012-2016, hơn nửa số vốn được phân bổ cụ thể tới cấp độ kết quả. Một số nhà tài trợ cũng không sử dụng OPF là cơ chế duy nhất để cung cấp tài chính hỗ trợ cho LHQ tại Việt Nam mà hỗ trợ tài chính thẳng cho từng cơ quan LHQ.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Phân bổ Quỹ Kế hoạch Chung 2012-2016 tới các cơ quan LHQ

OPF được Văn phòng Quỹ Tín thác Đa biên của UNDP (MPTF) thay mặt cho hệ thống LHQ quản lý. Đóng góp của nhà tài trợ cho OPF được phân bổ cho các Cơ quan LHQ Tham gia (PUNOs) để thực hiện các chương trình và kết quả trong Kế hoạch Chung 2012-2016. Phí quản lý hành chính được văn phòng MPTF áp dụng và OPF cũng hỗ trợ chi phí điều phối của sáng kiến DaO. Bảng 4 tóm tắt phân bổ nguồn tiền của nhà tài trợ tại quốc gia cho các Kết quả trong Kế hoạch Chung và Bảng 5 nhấn mạnh phân bổ nguồn tiền tài trợ từ nguồn vốn toàn cầu. Phân bổ đóng góp của nhà tài trợ cho các cơ quan LHQ tham gia được thực hiện dựa trên cơ sở cạnh tranh, tùy thuộc chất lượng của các đề xuất dự án của các cơ quan.

Năm 2014, theo quyết định của Ban chỉ đạo Kế hoạch Chung vào tháng 11/2013, việc phân bổ quỹ OPF lần đầu tiên do Chính phủ và LHQ cùng thực hiện. Trong cách tiếp cận mới này, một Ban Giám khảo Độc lập chấm điểm các đề xuất cấp vốn của các cơ quan LHQ tham gia so với các tiêu chí phân bổ OPF. Sau đó Chính phủ và LHQ cùng rà soát lại điểm số mà Ban Giám khảo đánh giá và đưa ra quyết định cuối cùng về phân bổ OPF tới các cơ quan.

Ngoài tiêu chí nhằm thúc đẩy việc cùng lập và thực hiện chương trình, các đề xuất vốn được chấm điểm về ưu tiên chương trình, các vấn đề xuyên suốt và hoạt động trước đây. Có nhiều tiêu chí thành phần bao gồm thống nhất với các ưu tiên phát triển quốc gia, đóng góp cho đối thoại chính sách quốc gia và xây dựng năng lực cũng được xem xét. Năm vấn đề xuyên suốt trong Kế hoạch Chung (bền vững về môi trường, bình đẳng giới, cách tiếp cận dựa trên truyền, thực hiện chương trình phù hợp với văn hóa, và HIV) cũng được đánh giá trong khi phân bổ OPF tới các cơ quan.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

**Bảng 4: Phân bổ OPF từ khoản tiền nhận được ở cấp quốc gia cho các Kết quả thuộc Kế hoạch Chung 2012-2016 (US\$)**

Kết quả Kế hoạch Chung	2012	2013*	2014**	2015	2016	Tổng phân bổ
Kết quả 1.1: Các chính sách phát triển dựa vào bằng chứng	355.175	1.983.462	965.941	210.915	162.756	3.678.249
Kết quả 1.2: Cơ hội việc làm tốt	123.930	704.710	52.800	47.758	18.492	947.690
Kết quả 1.3: Quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu	756.360	1.870.000	140.000	369.000	48.821	3.184.181
Kết quả 1.4: Nguồn lực tự nhiên và quản lý môi trường	62.500	40.500				103.000
<b>Tổng Lĩnh vực tập trung 1</b>	<b>1.297.965</b>	<b>4.598.672</b>	<b>1.158.741</b>	<b>627.673</b>	<b>230.069</b>	<b>7.913.120</b>
Kết quả 2.1: An sinh xã hội	691.514	1.269.077	783.400	342.000	46.380	3.132.371
Kết quả 2.2: Y tế	928.650	2.869.111	1.206.908	983.505	245.372	6.233.546
Kết quả 2.3: Giáo dục và đào tạo	90.660	670.792	284.000	240.417	75.517	1.361.386
Kết quả 2.4: Bình đẳng giới và HIV	901.437	2.303.366	676.446	547.156	217.394	4.645.799
<b>Tổng Lĩnh vực tập trung 2</b>	<b>2.612.261</b>	<b>7.112.346</b>	<b>2.950.753</b>	<b>2.113.078</b>	<b>584.663</b>	<b>15.373.101</b>



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Kết quả Kế hoạch Chung	2012	2013*	2014**	2015	2016	Tổng phân bổ
Kết quả 3.1: Các cơ quan dân cử		1.209.898	441.152	156.000	60.387	1.867.437
Kết quả 3.2: Hệ thống luật pháp	590.160	805.635	170.000	306.415	111.629	1.983.839
Kết quả 3.3: Chất lượng hoạt động khu vực công	446.836	3.226.131	716.036	323.035	89.198	4.801.236
Kết quả 3.4: Sự tham gia	286.000					286.000
<b>Tổng Lĩnh vực tập trung 3</b>	<b>1.322.996</b>	<b>5.241.664</b>	<b>1.327.188</b>	<b>785.450</b>	<b>261.214</b>	<b>8.938.512</b>
<b>TỔNG**</b>	<b>5.233.222</b>	<b>16.952.682</b>	<b>5.436.682</b>	<b>3.526.201</b>	<b>1.075.946</b>	<b>32.224.733</b>

Nguồn: Cổng thông tin Quỹ tín thác đa biên at <http://mptf.undp.org>

\* 745.941 US\$ đã được thống nhất phân bổ trong năm 2013, nhưng thực tế phân bổ đến các cơ quan LHQ năm 2014.

\*\*Ngoài việc phân bổ nguồn tiền do các nhà tài trợ tại cấp quốc gia đóng góp cho OPF (Bảng 4), có tiền từ Quỹ cùng thực hiện chương trình là quỹ toàn cầu (DRT-F) phân bổ cho OPFII (2012-2016). Như vậy, con số trong bảng trên sẽ không trùng hợp với con số trên Cổng thông tin. Phân bổ từ DRT-F được báo cáo trong Bảng 5.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



**Bảng 5: Phân bổ OPF từ nguồn của quỹ DRT-F cho các kết quả Kế hoạch Chung 2012-2016 (US\$)**

Kết quả Kế hoạch Chung	2014*	2015	2016	Tổng phân bổ cho DRT-F**
Kết quả 1.1: Các chính sách phát triển dựa vào bằng chứng	1.428.200		675.000	2.103.200
<b>Tổng Lĩnh vực tập trung 1</b>	<b>1.428.200</b>		<b>675.000</b>	<b>2.103.200</b>
Kết quả 3.2: Hệ thống luật pháp		643.636.42		643.636.42
Kết quả 3.4: Sự tham gia		804.197.58		804.197.58
<b>Tổng Lĩnh vực tập trung 3</b>		<b>1.447.834</b>		<b>1.447.834</b>
<b>TỔNG</b>	<b>1.428.200</b>	<b>1.447.834</b>	<b>675.000</b>	<b>3.551.034</b>

Nguồn: \*Việc phân bổ được DRT-F phê duyệt vào cuối năm 2014 nhưng chỉ được chuyển tới các cơ quan LHQ vào tháng 1/2015.

\*\*Con số sau khi trừ phí quản lý hành chính và chi phí trực tiếp



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

# CHƯƠNG 4

## Kết quả Thống nhất hành động

Chuyển về Ngôi nhà Chung Xanh LHQ  
Bộ quy tắc quản lý chung  
Lãnh đạo chung  
Tiếng nói chung

85  
87  
89  
90



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Cuối năm 2006, Việt Nam tình nguyện trở thành nước thí điểm thực hiện sáng kiến DaO để thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban Cấp cao về Thống nhất Hệ thống. Hơn một thập kỷ kể từ đó, hệ thống LHQ tại Việt Nam đã thay đổi cách thức hợp tác của các cơ quan LHQ nhằm đạt kết quả phát triển, để làm cho hệ thống LHQ tại quốc gia phù hợp hơn, hiệu quả hơn và hiệu suất hơn. Việt Nam tiếp tục dẫn đầu về thực hiện sáng kiến DaO và ngay từ ban đầu, Việt Nam đã được coi là mô hình mẫu về cải cách LHQ ở cấp quốc gia. Do vậy, Việt Nam cũng tích cực chia sẻ các kinh nghiệm DaO ở cấp toàn cầu và khu vực cũng như đóng góp lớn nhằm xây dựng Quy trình vận hành chuẩn (SOPs) và các hướng dẫn.

Sáng kiến DaO đã tập hợp lại kinh nghiệm, chuyên môn và năng lực của 15 cơ quan thường trú và 2 cơ quan không thường trú của LHQ tại Việt Nam để hỗ trợ hiệu quả hơn và mang tính điều phối hơn. Thông qua việc hài hòa hóa các công việc của mình và thống nhất với các ưu tiên phát triển của Việt Nam, sáng kiến DaO được thiết kế nhằm đảm bảo rằng LHQ đạt được sự thống nhất, mang lại các kết quả tốt hơn và giải quyết các vấn đề cụ thể của riêng từng quốc gia.

Việc thực hiện và tiếp tục tăng phạm vi và tác động của sáng kiến DaO được nhấn mạnh với DaO “thể hệ hai” giai đoạn 2012-2016. Là một nước có thu nhập trung bình phát triển nhanh, nhu cầu về các dịch vụ tư vấn của Việt Nam thay đổi và do vậy LHQ cũng cần thay đổi theo. Điều này dẫn tới LHQ tập trung hơn về tư vấn chính sách cấp cao cho Chính phủ, phát ngôn với một “Tiếng nói chung” về các vấn đề chính sách chính và đặc biệt tập trung vào những thành viên dễ bị tổn thương nhất và thiệt thòi nhất trong xã hội Việt Nam.

[Đọc thêm về Kế hoạch Chiến lược Một 2017-2021](#)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Hộp 2. Bạn có biết rằng...?



**Hệ thống LHQ tại Việt Nam là hệ thống đầu tiên trên toàn cầu đưa ra Báo cáo Thống nhất Hành động** phản ánh các kết quả đạt được trong các trụ cột khác nhau của quá trình Thống nhất hành động.

**Ngôi nhà chung xanh LHQ** là địa điểm chung cho 11 cơ quan LHQ và được Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh và Tổng Thư ký Ban Ki-Moon khai trương.

**Ngôi nhà chung xanh LHQ được giải Bông Sen hạng Bạch kim** do Hiệp hội các tòa nhà xanh ở Việt Nam (VGBC) trao tặng, giải cao nhất về mức độ “xanh” cho các tòa nhà văn phòng tại Việt Nam.

Trong Ngôi nhà chung xanh LHQ, tất cả các nhân viên LHQ hoạt động trong cùng lĩnh vực **được sắp xếp chỗ ngồi gần nhau theo chức năng** với các đồng nghiệp từ các cơ quan

**Phòng truyền thông chung** bao gồm các nhân viên truyền thông thuộc các cơ quan LHQ khác nhau cùng làm việc tại một phòng và có duy nhất một trưởng phòng

Phòng **Dịch vụ chung tổng hợp** được thành lập để hỗ trợ về vận hành cho tất cả các cơ quan LHQ có mặt tại đây, bao gồm cả lĩnh vực công nghệ thông tin (ICT)

**Dữ liệu cơ sở Kế hoạch chung** là bộ dữ liệu chung về các chỉ số kết quả và đầu ra của Kế hoạch Chung, và sau này đã được các nước thực hiện DaO khác học theo

**Hướng dẫn quản lý chương trình và dự án hài hòa hóa** quy định rõ cách tiếp cận hài hòa duy nhất trong quản lý chương trình và dự án của Chính phủ và LHQ



Trong giai đoạn này, hệ thống LHQ tại Việt Nam tiếp tục cách tiếp cận toàn diện về DaO, không chỉ thông qua tập trung “những gì” mà hợp tác và điều phối của LHQ có thể thực hiện được thông qua Kế hoạch Chung và Ngân sách chung mà còn thông qua xác định những thay đổi liên quan tới tiến trình – hay “Làm cách nào” LHQ thực hiện các kết quả thông qua thực hiện 6 trụ cột bổ sung và tăng cường lẫn nhau đã được xây dựng từ thể hệ DaO thứ nhất bao gồm Kế hoạch Chung, Ngân sách Chung, Lãnh đạo Chung, Tiếng nói Chung, Bộ quy tắc quản lý Chung và Ngôi nhà Chung Xanh LHQ.

Trong khi kết quả thực hiện Kế hoạch Chung và Ngân sách chung được đề cập trong Chương 2 và Chương 3 của báo cáo này, chương này sẽ tập trung vào kết quả đạt được trong bốn trụ cột còn lại của DaO Việt Nam giai đoạn 2012-2016.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Chuyển về Ngôi nhà Chung Xanh LHQ

Tháng 5/2015, Ngôi nhà Chung Xanh LHQ (GOUNH) tại thủ đô Hà Nội được Tổng thư ký LHQ khai trương và là văn phòng của 12 cơ quan LHQ với hơn 300 nhân viên. LHQ Việt Nam là quốc gia đầu tiên chuyển vào một “Ngôi nhà Chung Xanh LHQ”. Đây là dấu mốc đáng kể trong cải cách LHQ và sáng kiến Thống nhất Hành động ở Việt Nam, đánh dấu nỗ lực trong gần một thập kỷ của Chính phủ Việt Nam, các đối tác phát triển và hệ thống LHQ. GOUNH hỗ trợ và tiếp tục thúc đẩy Mục tiêu 7 của SDGs, thúc đẩy chuyển sang “nguồn năng lượng hiện đại, bền vững, đáng tin cậy và có thể chi trả được và điều này hoàn toàn phù hợp với cam kết của LHQ nhằm hỗ trợ Việt Nam đạt được Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững”.

Ngôi nhà là chất xúc tác cho ba thay đổi chính về cách làm việc của LHQ (i) hệ thống vận hành chung cho phép tiết kiệm chi phí và tăng hiệu suất, (ii) sắp xếp các nhân viên cùng chức năng của các tổ chức khác nhau ngồi cùng một chỗ thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan và (iii) LHQ thông qua các hành vi ứng xử xanh và vận hành xanh để thực hiện kêu gọi của Tổng thư ký trở thành nước trung lập về khí hậu vào năm 2020.

GOUNH nổi bật trong hệ thống LHQ toàn cầu vì là nơi đầu tiên có Phòng dịch vụ chung tổng hợp cung cấp dịch vụ IT hài hòa hóa, quản lý tài sản, lễ tân và dịch vụ bảo vệ cho tất cả các nhân viên trong tòa nhà GOUNH. Điều này đã giúp giảm chi phí giao dịch cho LHQ vì không cần đi lại giữa các văn phòng của các cơ quan LHQ, điều phối liên cơ quan tốt hơn, tăng cường tổng hợp và giảm tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước và giảm rác thải, và nhiều yếu tố khác nữa. Tổng tiết kiệm chi phí vì sử dụng các cuộc gọi nội mạng giữa các cơ quan LHQ trong toàn nhà là 19.000 US\$ một năm.

[Đọc thêm về GOUNH](#)



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Một điểm sáng tạo nữa của GOUNH là khiến cho LHQ tại Việt Nam “phù hợp với đúng mục đích” bằng sắp xếp “vị trí làm việc theo chức năng” theo đó nhân viên được sắp xếp chỗ ngồi theo chức năng chứ không theo cơ quan. LHQ tại Việt Nam là nơi đầu tiên đưa ra cách tiếp cận này qua đó cho phép tập hợp năng lực và chuyên môn của nhân viên của tất cả các cơ quan LHQ nhằm hỗ trợ liên lĩnh vực. Trong chu kỳ chương trình mới 2017-2021, nhân viên sẽ ngồi theo 5 Lĩnh vực Kết quả và 5 Lĩnh vực Chủ đề mà Kế hoạch Chiến lược Chung hiện đang được thực hiện.

Để vận động chính sách về thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, GOUNH được xây dựng bằng những vật liệu thân thiện với môi trường sinh thái như dùng sơn không có chì và đồ dùng văn phòng ít có chất gây hại. Hiệu suất của hệ thống làm nóng, làm lạnh và hệ thống năng lượng được tối ưu hóa thông qua các tấm pin mặt trời tận dụng năng lượng mặt trời và tạo ra nguồn năng lượng đáp ứng 10% tiêu thụ điện của tòa nhà. Ngoài ra, thông qua việc áp dụng Hướng dẫn Văn phòng Xanh, nhân viên LHQ đã thực hiện các hành vi xanh như giảm sử dụng giấy, năng lượng và đồ nilong cũng như đi lại “không cac-bon”.

Năm 2016, nhân viên LHQ đã chấm điểm “tốt” và “rất tốt” cho cả 12 tháng thông qua Bản lấy ý kiến phản hồi của người sử dụng.

Tháng 5/2017, tòa nhà được Chứng nhận Bông sen hạng Bạch kim của Hiệp hội các Tòa nhà Xanh Việt Nam và đây là giải thưởng cao nhất cho các tòa nhà công vụ ở Việt Nam. Chứng nhận này ghi nhận GOUNH là tòa nhà xanh, sử dụng hiệu quả các nguồn lực thông qua thiết kế thông minh về sinh thái và quản lý. Tòa nhà đã trở thành hình mẫu về các tòa nhà xanh ở Việt Nam, nhấn mạnh tầm quan trọng và tính khẩn cấp của tính bền vững về môi trường và biến đổi khí hậu.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Bộ quy tắc quản lý chung

LHQ đã đầu tư nguồn lực đáng kể để xây dựng các quy trình thủ tục nhằm hỗ trợ việc thực hiện hài hòa hóa trong hệ thống LHQ tại VN như một phần trong sáng kiến DaO. Ba lĩnh vực cụ thể bao gồm: Hướng dẫn hài hòa hóa về quản lý chương trình và dự án (HPPMG), Cách tiếp cận hài hòa hóa về chuyển tiền (HACT) và Hướng dẫn của LHQ- EU về chi trả các chi phí trong nước trong hoạt động phát triển ở Việt Nam (Định mức LHQ - EU).

Trong giai đoạn 2012-2016, hệ thống LHQ đã mở rộng ba sáng kiến này nhằm đảm bảo LHQ thực hiện hiệu quả và hiệu suất hơn để hỗ trợ các đối tác quốc gia làm việc với các cơ quan LHQ.

## Hướng dẫn hài hòa hóa về quản lý chương trình và dự án

HPPMG là nỗ lực duy nhất trên toàn cầu được Chính phủ Việt Nam và ba cơ quan LHQ (UNDP, UNFPA, UNICEF) cùng thực hiện nhằm đơn giản hóa và hài hòa hóa quy trình thủ tục quản lý dự án và chương trình của các cơ quan này với hệ thống quy trình thủ tục của Chính phủ. HPPMG được thiết kế nhằm đảm bảo quản lý và thực hiện hiệu quả các chương trình do LHQ hỗ trợ và hướng dẫn việc chuẩn bị, quản lý và thực hiện. Thông qua các hướng dẫn hài hòa hóa, các đối tác thực hiện quốc gia giảm bớt gánh nặng do phải làm việc cùng lúc với nhiều cơ quan LHQ và có điều kiện tốt hơn để quản lý dự án thống nhất, minh bạch, hiệu quả và hiệu suất.

Hướng dẫn đã được rà soát lại năm 2015, sau đó được Chính phủ và ba cơ quan sửa đổi dựa trên những phản hồi của người sử dụng để thực hiện trong nửa sau năm 2016.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Cách tiếp cận hài hòa hóa về chuyển tiền

Năm 2007, sáng kiến HACT được triển khai ở Việt Nam với một quy trình hài hòa hóa để quản lý việc chuyển tiền từ các cơ quan LHQ tới các đối tác thực hiện trong nước. Dựa trên cách tiếp cận quản lý rủi ro, HACT tổ chức lại các thông lệ của các cơ quan LHQ cho hiệu quả hơn và giảm gánh nặng cho các cơ quan và đối tác thực hiện, tăng cường sử dụng hệ thống quốc gia và tăng cường năng lực quốc gia về quản lý chương trình và trách nhiệm giải trình. Sáng kiến HACT tiếp tục thực hiện trong Kế hoạch Chung 2012-2016 với một đánh giá vi mô thực hiện năm 2011 trước chu kỳ mới và một đánh giá vi mô toàn diện với tất cả các đối tác thực hiện năm 2013. Sau các đánh giá, các hoạt động kiểm soát chung (kiểm toán, kiểm tra dự án và kiểm tra đột xuất) đối với các đối tác thực hiện quốc gia đã được tăng cường. Các hoạt động đào tạo và tăng cường năng lực cũng được tổ chức cho các đối tác chung của các cơ quan về các vấn đề được đánh giá là quan ngại.

## Hướng dẫn tài trợ chi phí trong nước trong hợp tác phát triển ở VN của LHQ và EU

Hướng dẫn này là nỗ lực chung của Chính phủ Việt Nam, LHQ và EU nhằm đưa ra định mức cụ thể liên quan tới quản lý ODA tại quốc gia. Hướng dẫn được đánh giá lại và cập nhật để phản ánh các điều kiện thị trường vào các năm 2012, 2013 và 2015.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



LỄ KỶ NIỆM  
70 NĂM THÀNH LẬP LIÊN HỢP QUỐC  
CELEBRATION  
OF THE 70TH ANNIVERSARY OF THE UNITED NATIONS



## Lãnh đạo chung

Sáng kiến DaO tại Việt Nam được thực hiện dưới sự lãnh đạo của Điều phối viên LHQ và UNCT. Vai trò của Điều phối viên LHQ được xác định trong “Biên bản ghi nhớ về Lãnh đạo chung” trong đó quy định rõ về vai trò, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm, phù hợp với Khung Trách nhiệm Giải trình và Quản lý của Nhóm Phát triển LHQ dành cho hệ thống Điều phối viên LHQ. UNCT, bao gồm trưởng đại diện các cơ quan, chịu trách nhiệm về các kết quả và nguồn tiền nhận được và giải ngân của cơ quan mình và tuân thủ với Quy tắc Đạo đức và các điều khoản tham chiếu của UNCT. Nhân viên báo cáo lên các trưởng đại diện, và đồng thời cũng chịu trách nhiệm giải trình với các Đồng chủ trì của các Nhóm Thực hiện Chương trình JPGs và các nhóm liên cơ quan khác.

Trong giai đoạn 2012-2016, UNCT thường xuyên họp, theo nguyên tắc là hai tuần một lần, để thảo luận về đối thoại chiến lược và ra quyết định nhằm thúc đẩy sáng kiến DaO và đảm bảo tác động có ý nghĩa thông qua hiệu quả về chương trình và vận hành.

Ngoài các cuộc họp thường xuyên, các kỳ họp về các vấn đề cụ thể của UNCT là diễn đàn để thảo luận sâu về các quyết định và các vấn đề, như huy động vốn và huy động nguồn lực. Các trưởng đại diện các cơ quan triệu tập các cuộc họp JPG và thành lập các nhóm công tác nhỏ về các chủ đề do các thành viên UNCT chủ trì dựa trên nhu cầu để theo dõi tiếp việc thực hiện các quyết định của UNCT.

Thủ tướng Chính phủ chủ trì Lễ kỷ niệm  
70 năm thành lập Liên hợp quốc

## Tiếng nói chung

Đáp lại kêu gọi cần một tiếng nói thống nhất và mạnh mẽ hơn của LHQ về các thách thức phát triển ở Việt Nam, phòng truyền thông chung LHQ được thành lập vào cuối năm 2006. Đây cũng là sự kiện lần đầu tiên trong hệ thống LHQ, chuyên gia truyền thông của các cơ quan LHQ cùng làm việc tại một địa điểm và có một trường phòng duy nhất. Phòng truyền thông hoạt động theo Chiến lược Truyền thông Chung 2012-2016 do UNCT phê duyệt và các kế hoạch hành động chung hàng năm. Cụ thể, tập trung vào chương trình truyền thông và vận động chính sách của LHQ, các nhu cầu truyền thông nội bộ và bên ngoài liên quan tới sáng kiến DaO và các nhu cầu truyền thông cụ thể của các cơ quan LHQ tham gia.

Trong giai đoạn 2012-2016, phòng truyền thông đã chuyển từ truyền thông theo từng cơ quan sang truyền thông theo chủ đề và hỗ trợ UNCT nhằm đưa các chủ đề vận động của LHQ tới các chương trình công chúng, thúc đẩy thông qua việc đưa ra tiếng nói thống nhất và rõ ràng của LHQ. Bằng việc thúc đẩy quan điểm chung của LHQ về các vấn đề mà nhiều cơ quan LHQ cùng xử lý như biến đổi khí hậu, nhân quyền, giới, y tế, giảm nghèo và bình đẳng xã hội, các chính sách và khuyến nghị được tổng hợp nhằm tạo sự thống nhất trong các thông điệp vận động chính sách của LHQ và đẩy mạnh vị thế của LHQ trong những vấn đề này.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



Cách tiếp cận Tiếng nói chung cũng tạo hài hòa hóa và sử dụng báo chí tốt hơn đồng thời giảm bớt cạnh tranh giữa các cơ quan LHQ đối với cùng trang báo. Thông điệp của LHQ ở Việt Nam đã thống nhất và toàn diện hơn trong giai đoạn 2012-2016 khi truyền thông các chủ đề vận động ưu tiên của UNCT, Tuyên bố Thiên niên kỷ và các mục tiêu MDGs. Trên thực tế, phòng truyền thông đã điều phối và lồng ghép quan điểm của nhiều cơ quan LHQ vào một thông cáo báo chí, một cuộc họp báo hay một bài báo để tránh trùng lặp và không thống nhất trong thông điệp.

Phòng truyền thông cũng đóng vai trò “một cửa” trong nội bộ vì các nguồn lực và kinh nghiệm truyền thông đều được sử dụng trong truyền thông nội bộ, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp có chất lượng.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

# CHƯƠNG 5

## Hướng tới tương lai

Chương trình nghị sự 2030 và sự cần thiết của quan hệ đối tác	93
Hỗ trợ phát triển của LHQ dành cho Việt Nam	94
Kế hoạch chiến lược 2017-2021	95
Ngân sách cho LHQ tại Việt Nam 2017-2021	96
Thế hệ Thống nhất hành động thứ ba	98



- MỤC LỤC
- TỪ VIẾT TẮT
- CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Chương trình nghị sự phát triển 2030 và sự cần thiết của quan hệ đối tác

Việt Nam cam kết đầy đủ với Chương trình nghị sự phát triển 2030 và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), với việc chính thức thông qua chương trình nghị sự trong năm 2016. SDGs với 17 mục tiêu mới và 169 chỉ tiêu sẽ đề ra chương trình nghị sự phát triển mới trong 15 năm tiếp theo cho Việt Nam tại thời điểm bối cảnh trong nước đang thay đổi nhanh chóng. SDGs có phạm vi rộng hơn nhiều và với chi phí tốn hơn nhiều, vượt xa so với các tham số trong mục tiêu thiên niên kỷ (MDGs) mà Việt Nam đã thực hiện rất thành công vào từ năm đầu tiên trong thiên niên kỷ.

Bản chất và quy mô của SDGs khiến không đối tác phát triển riêng rẽ hay chính phủ nào có thể tự mình đạt được các mục tiêu này. Thay vào đó, chương trình nghị sự phát triển toàn cầu này nhấn mạnh nhu cầu cần chuyển đổi cơ bản từ tư duy phát triển theo đó cần có các quan hệ đối tác – tất cả các nước trên toàn cầu đều chung một chương trình nghị sự toàn cầu – không chỉ được xác định bởi việc phân bổ ODA, mà thay vào đó là các vấn đề phản ánh ưu tiên của quốc gia, khu vực và toàn cầu. Ngày nay, Việt Nam càng thống nhất các chỉ tiêu quốc gia của mình với các mục tiêu toàn cầu để có thể tổng hợp trong các vòng đàm phán song phương và tại cấp quốc gia. Vì vậy, Việt Nam cũng hoan nghênh có đa dạng các quan hệ đối tác với các bên liên quan khác nhau nhằm đảm bảo nội địa hóa và thực hiện thành công chương trình nghị sự SDG.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Hỗ trợ phát triển của LHQ dành cho Việt Nam

Tập trung hơn vào quan hệ đối tác và ghi nhận tính liên kết trong SDGs sẽ là nội dung chỉ đạo những công việc trong tương lai của LHQ ở Việt Nam và nhấn mạnh tầm quan trọng của phối hợp đa ngành giữa tất cả các cơ quan LHQ hiện có mặt tại quốc gia. Để tiếp tục phù hợp và hiệu quả, LHQ đã tăng cường tập trung vào tính thống nhất trong chương trình để đảm bảo các cách tiếp cận dự trên quyền được sử dụng trong khi phát triển các dịch vụ hỗ trợ ở tất cả các lĩnh vực công việc và các cách làm việc sẽ mang tính liên ngành, xuyên suốt và dựa trên các vấn đề cụ thể hơn. Do vậy, LHQ tại Việt Nam sẽ nhấn mạnh hơn về tăng cường quan hệ đối tác, đặc biệt với xã hội dân sự và khu vực tư nhân nhằm mở ra các cách thức mới và các lựa chọn phát triển mới

Trong tương lai, LHQ sẽ đóng vai trò chính là bên môi giới đáng tin cậy và trung lập nhằm thúc đẩy tính thống nhất hơn trong hợp tác phát triển trên tất cả các lĩnh vực và với tất cả các bên liên quan và hỗ trợ Chính phủ tham gia các cuộc đối thoại hiệu quả giúp xây dựng đồng thuận về chương trình SDG tại quốc gia. Quan trọng hơn, điều này cũng đảm bảo kinh nghiệm và bí quyết của các cơ quan LHQ sẽ được tổng hợp để đưa ra các giải pháp toàn diện cho các trường hợp phức tạp. Như nhấn mạnh trong các tài liệu Chương trình nghị sự 2030, quản lý thông tin và tiếp cận dữ liệu nhằm hỗ trợ quá trình xây dựng chính sách dựa vào bằng chứng sẽ được ưu tiên trong khi thực hiện chương trình nghị sự SDG. LHQ đã khởi động một sáng kiến chung trong lĩnh vực này và sẽ tiếp tục dành nguồn lực và nguồn tài chính phù hợp cũng như hỗ trợ những nỗ lực chung của quốc gia trong việc giám sát việc đạt được các mục tiêu của chính phủ.

Việc các cơ quan LHQ hiện cùng có chung văn phòng GOUNH ở Hà Nội chính là cơ sở duy nhất để thực hiện hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn đa ngành cho các đối tác quốc gia tại Việt Nam, như cơ chế một cửa để xây dựng quan hệ đối tác, mạng lưới kiến thức và chuyên môn của các cơ quan LHQ không thường trú.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

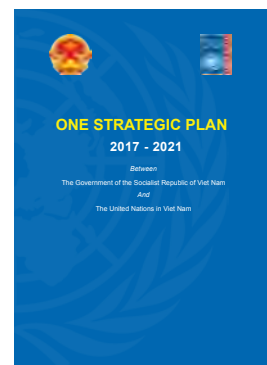
# LỄ KỶ KẾT KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CHUNG 2017-2021 ONE STRATEGIC PLAN 2017 - 2021 (OSP) SIGNING CEREMONY



## Kế hoạch chiến lược 2017-2021

LHQ sẽ dựa trên những tiến triển quan trọng ở Việt Nam để xây dựng một cách tiếp cận tổng hợp hơn, sâu sắc hơn và rộng rãi hơn nhằm thực hiện tầm nhìn tham vọng trong Chương trình nghị sự 2030 thông qua Kế hoạch chiến lược 2017-2021. Kế hoạch thể hiện cách thức mới để LHQ hỗ trợ Chính phủ Việt Nam xây dựng chương trình nghị sự SDG và các mục tiêu phát triển đang nổi lên. Như vậy, Kế hoạch được thiết kế nhằm cho phép LHQ hỗ trợ chính phủ theo cách thức hiệu quả và điều phối hơn để ứng phó với bối cảnh phát triển thay đổi nhanh chóng.

Trong khi thực hiện Kế hoạch chiến lược 2017-2021, LHQ sẽ được hướng dẫn bởi hiểu biết trung lập về tính dễ bị tổn thương, rút kinh nghiệm từ thành công và những thách thức còn lại trong chương trình nghị sự MDG chưa hoàn tất. Điều này bao gồm giải quyết nhu cầu của những người chưa được hưởng lợi đầy đủ từ quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam và một số nhóm phụ nữ và trẻ em dễ bị tổn thương thông qua nhiều mục tiêu. Về chương trình, Kế hoạch chiến lược chung được xây dựng theo bốn lĩnh vực tập chung, và xoay quanh các chủ đề chính của SDG với 9 kết quả liên quan.



One strategic plan  
2017-2021



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Ngân sách cho LHQ tại Việt Nam 2017-2021

Theo truyền thống, tài chính cho LHQ tập trung vào huy động vốn và giải ngân các khoản tiền không hoàn lại. Nguồn tiền được các nước thành viên LHQ cung cấp dựa trên biểu mẫu đã thống nhất về khoản đóng góp và sau đó được bổ sung thêm với các nguồn đóng góp tự nguyện khác để hỗ trợ các hoạt động phát triển. Trong những năm 1990s, đóng góp cho LHQ có xu hướng dịch chuyển từ các nguồn ngân sách thường xuyên, tự nguyện và không xác định địa chỉ phân bổ sang hình thức phân bổ cụ thể hơn cho các dự án hoặc chương trình cụ thể.

ODA toàn cầu tăng 1,7% năm 2015 với khoản phân bổ tập trung cho các nước nghèo nhất với nhiều nhu cầu nhất. Tỷ lệ nguồn vốn dành cho các hoạt động cứu trợ nhân đạo tăng từ 33% năm 2012 lên 41% năm 2014. ODA dự tính sẽ tiếp tục tăng nhẹ tới năm 2019, nhưng tăng khá nhỏ so với hiện nay. Tăng trưởng về nguồn lực thường xuyên ở mức nhỏ so với tăng trưởng về nguồn lực bổ sung dành cho các hoạt động liên quan tới phát triển và hỗ trợ nhân đạo. Vì vậy, tỷ lệ nguồn tiền dành cho các hoạt động vận hành phát triển đã giảm từ 44% xuống 24% và tỷ lệ tiền từ nguồn chính dành cho các hoạt động liên quan đã giảm từ 51% xuống 30% trong giai đoạn 15 năm qua từ 2000 tới 2015.

Sự dịch chuyển nguồn tiền theo hướng giảm nguồn thường xuyên và tăng đóng góp không thường xuyên có mục tiêu cụ thể là một thách thức với hệ thống LHQ trên nhiều mặt. Điều này làm gia tăng sự phụ thuộc của LHQ vào ưu tiên của các nhà tài trợ và khiến LHQ bớt chủ động đi và xử lý mang tính ứng phó nhiều hơn. Để đảm bảo có đủ tài chính, các cơ quan LHQ buộc phải ưu tiên các lĩnh vực có thể không hoàn toàn



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI





thống nhất với các lợi thế so sánh của tổ chức đồng thời dẫn tới cạnh tranh huy động nguồn lực lớn hơn ở cấp quốc gia. Ngoài ra, phần lớn các nhà tài trợ không có chiến lược dài hạn tổng thể về phân bổ nguồn lực cho bất kỳ cơ quan đa phương nào hay phân bổ giữa nguồn lực thường xuyên và không thường xuyên, dẫn tới chông chéo về nhiều quy trình ra quyết định riêng lẻ.

Xu hướng tài trợ phát triển cho LHQ gần đây cũng theo xu hướng trong đó đa số các nước có thu nhập trung bình đã nhận thức rõ rằng họ đang bước vào giai đoạn hậu ODA trong đó nguồn tiền dành cho đầu tư phát triển của nước ngoài, thương mại và huy động nguồn lực trong nước sẽ lớn hơn nhiều so với viện trợ phát triển. Điều này đặc biệt phù hợp với Việt Nam khi bối cảnh quốc gia có thu nhập trung bình thấp đã tạo ra những thay đổi lớn về bản chất nguồn viện trợ, từ tài trợ ưu đãi truyền thống chuyển sang kết hợp giữa nguồn tiền ưu đãi và không ưu đãi và các cơ chế tín dụng xuất khẩu.

Trong chu kỳ chương trình tiếp theo, LHQ tại Việt Nam sẽ nghiên cứu các lựa chọn để kết hợp nguồn tài trợ truyền thống và phi truyền thống và nhấn mạnh vào tạo cơ hội để thay đổi từ danh nghĩa nhà tài trợ ODA sang thực hiện các cơ chế quan hệ đối tác cùng tài trợ, trong đó bao gồm cả việc LHQ và Chính phủ cùng chi trả. Chuyển đổi này sẽ bao gồm chuyển đổi cả trách nhiệm huy động tiền cho hoạt động của LHQ sẽ là trách nhiệm chung của LHQ và Chính phủ chứ không chỉ là trách nhiệm của riêng LHQ. Ngoài ra, LHQ và Chính phủ nên nghiên cứu các cơ hội huy động nguồn lực trong nước và quốc tế phù hợp với sứ mệnh của từng cơ quan để xác định các mô hình ưu tiên để nghiên cứu thêm.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



## Thế hệ Thống nhất hành động thứ ba

Với DaO thế hệ 3, LHQ tại Việt Nam sẽ cố gắng tiếp tục dẫn đầu trong việc thực hiện và truyền lửa cho quá trình cải cách LHQ ở cấp quốc gia. Thiết kế các cơ chế thực hiện DaO sẽ thực hiện theo hướng dẫn SOPs năm 2014 dành cho các quốc gia áp dụng cách tiếp cận “DaO” do Nhóm Phát triển LHQ xây dựng để đáp ứng yêu cầu của các nước thành viên và ghi rõ trong QCPR 2012. Hướng dẫn này nhằm tiếp tục hơn nữa cải cách LHQ và đảm bảo tất cả các nước đều có thể áp dụng và hưởng lợi từ cách tiếp cận này. SOPs gồm một bộ tiêu chí cho mỗi trụ cột của DaO nhằm thúc đẩy công việc trên toàn bộ hệ thống LHQ bằng việc tháo bỏ những cản trở về thể chế đang cản trở sự gắn kết, cải cách các tiêu chuẩn và hệ thống vận hành chung cũng như hướng việc sử dụng dữ liệu được chia sẻ, các phân tích chính sách và vận động tới hỗ trợ các giải pháp tích hợp. Vì vậy, SOPs đảm bảo tính thống nhất hoàn toàn trên toàn hệ thống giữa đóng góp của LHQ tại quốc gia với các ưu tiên và kế hoạch của quốc gia, đồng thời khiến hệ thống phát triển LHQ minh bạch hơn, hướng về kết quả chung hơn và có trách nhiệm giải trình hơn.

Trong khi đẩy mạnh DaO trên mọi lĩnh vực ở Việt Nam, DAO sẽ tính đến hiệu quả chi phí thông qua xây dựng một Chiến lược Vận hành Chung LHQ, trong đó tập trung chính vào thiết kế một cơ chế vận hành hiệu quả Kế hoạch Chiến lược Chung 2017-2021. Trong bối cảnh này, một cơ chế quản trị đang được xác định nhằm cho phép đưa ra những hướng dẫn và theo dõi đảm bảo chất lượng trong quá trình thực hiện kế hoạch. Một điểm khác nữa là thiết kế các cơ chế điều phối nội bộ mạnh để tăng tính thống nhất và tính hiệu quả giữa các cơ quan LHQ, để hỗ trợ Chính phủ Việt Nam cũng như đảm bảo khung trách nhiệm giải trình, theo dõi giám sát phù hợp, và cập nhật để thực hiện Kế hoạch Chiến lược Chung.



- > MỤC LỤC
- > TỪ VIẾT TẮT
- > CHƯƠNG 1 – BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016
- > CHƯƠNG 2 – KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 3 – TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH CHUNG 2012-2016
- > CHƯƠNG 4 – KẾT QUẢ THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG
- > CHƯƠNG 5 – HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

## Sứ mệnh của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

Liên Hợp Quốc phối hợp với Chính phủ và nhân dân Việt Nam phấn đấu đảm bảo rằng mọi người dân Việt Nam được hưởng một cuộc sống ngày càng thịnh vượng với nhân phẩm, sức khỏe không ngừng được nâng cao và phạm vi lựa chọn được mở rộng hơn. Thông qua nỗ lực chung của toàn hệ thống và từng tổ chức thành viên, LHQ quan tâm và tạo cơ hội cho những người nghèo và dễ bị tổn thương nhất cũng như cho thanh niên - những chủ nhân của tương lai.

Theo tinh thần **Hiến chương LHQ** và **Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững**, LHQ tăng cường áp dụng các nguyên tắc bình đẳng và công bằng xã hội, đồng thời cung cấp ý kiến tư vấn vô tư và chuyên gia kỹ thuật cũng như tạo điều kiện tiếp cận với tri thức toàn cầu và kinh nghiệm trong nước để giải quyết những thách thức phát triển của Việt Nam.



### LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM

Ngôi nhà Xanh Một Liên Hợp Quốc,  
304 Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam

Đt: +84 24 3850 0100 | Fax: +84 24 3726 5520

Email: [info@un.org.vn](mailto:info@un.org.vn) | Web: [www.un.org.vn](http://www.un.org.vn)

Follow us: [facebook.com/uninvietnam](https://facebook.com/uninvietnam)

[youtube.com/unvietnam](https://youtube.com/unvietnam)